CÔNG TY TNHH GẠCH TUYNEL NGỌC LIÊN PHÁT

---------- ꕥ ----------

Ký bởi: Nguyễn Thị Hằng
Email: hangnt2@dongnai.gov.vn
Cơ quan: CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI CHI NHÁNH VĨNH CỬU, VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
Ngày ký: 18-07-2024 17:17:19 +07:00

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN

"NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH TUYNEL, CÔNG SUẤT 20 TRIỆU VIÊN/NĂM"

ĐỊA ĐIỂM: CỤM CÔNG NGHIỆP VLXD TÂN AN, ẤP BÌNH CHÁNH, XÃ TÂN AN, HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI



Vĩnh Cửu, năm 2024

CONG TY TNHH GẠCH TUYNEL NGỌC LIÊN PHÁT

---------- ✧ ----------

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN

"NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH TUYNEL, CÔNG SUẤT 20 TRIỆU VIÊN/NĂM"

ĐỊA ĐIỂM: CỤM CÔNG NGHIỆP VLXD TÂN AN, ẤP BÌNH CHÁNH, XÃ TÂN AN, HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỦ DỰ ÁN

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3603420070 - C.T.N.H
CÔNG TY TNHH GẠCH TUYNEL NGỌC LIÊN PHÁT
H. VĨNH CỬU - T. ĐỒNG NAI

Trần Thị Tuyết

Đồng Nai, năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT iv
DANH MỤC CÁC BẢNG v
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ vi
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN 1
1. Tên chủ dự án đầu tư: 1
2. Tên dự án đầu tư 1
- Địa điểm dự án: 1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư 2
3.1. Công suất của dự án đầu tư: 2
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư: 2
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư 3
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của 6
4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu dụng tại dự án 6
4.2. Nhu cầu sử dụng điện 7
4.3. Nhu cầu sử dụng nước 7
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư 1
5.1. Nhu cầu sử dụng lao động tại dự án: 1
5.2. Danh mục máy móc thiết bị sử dụng tại dự án 1
5.3. Các hạng mục công trình của dự án 2
5.4 Vị trí dự án 3
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 4
CHƯƠNG III 8
HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ 8
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật: 8
2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án: 8
2.1. Đặc điểm địa hình, địa mạo: 8
2.2. Điều kiện về khí hậu, khí tượng 9
3. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật của CCN Tân An 19
3.1. Ngành nghề thu hút đầu tư 19
3.2. Hiện trạng cơ sở hạ tầng 20
3.3. Hiện trạng nền đất 20

3.4. Hiện trạng giao thông....20
3.6. Hiện trạng cấp điện....20
3.7. Thông tin liên lạc....20
3.8. Hệ thống thoát nước....21
3.12. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường không khí nơi thực hiện dự án: 34
CHƯƠNG IV....35
ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ....35
1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công lắp đặt máy móc, thiết bị....35
1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải. 35
1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại....36
1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải....37
1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 39
1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác 39
2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành 41
2.1. Thu gom, thoát nước mưa 41
2.2. Thu gom, thoát nước thải....42
2.2.1. Nguồn phát sinh nước thải 42
2.2.2. Công trình thu gom, thoát nước thải:....45
2.2.2. Điểm xả nước thải của dự án 46
2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải....47
2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn 49
2.3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường....50
2.3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại....52
2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung....57
2.4.1. Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ hoạt động máy móc, thiết bị....57
2.4.2. Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ các phương tiện lưu thông ra vào nhà máy 58
2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành....58
2.5.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường nước thải 58
2.5.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ....59
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường 65

3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án 65
3.2 Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác 66
4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo 67
CHƯƠNG V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 71
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có) 71
1.1. Nguồn phát sinh nước thải 71
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 71
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có) 71
3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung 71
3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung 71
3.3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau: 72
3.4. Tiếng ồn: 72
3.5. Độ rung: Không phát sinh 72
CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN . 74
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: 74
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật 74
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ 74
2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án. 74
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm 75
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN 76

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BXD	:	Bộ Xây dựng
BYT	:	Bộ Y tế
BOD	:	Nhu cầu oxy sinh hóa
COD	:	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTR	:	Chất thải rắn
GPMT	:	Giấy phép môi trường
ĐVT	:	Đơn vị tính
HTXL	:	Hệ thống xử lý
KPH	:	Không phát hiện
NT	:	Nước thải
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
VOC	:	Chất hữu cơ bay hơi
WHO	:	Tổ chức y tế thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1: Công suất hoạt động của dự án 2
Bảng 1.2: Sản phẩm của dự án 4
Bảng 1.3: Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu cho dự án 6
Bảng 1.4: Nhu cầu sử dụng nước của dự án 1
Bảng 1.5: Danh mục máy móc, thiết bị chính phục vụ hoạt động dự án.....1
Bảng 1.6: Cơ cấu sử dụng đất.....2
Bảng 1.7: Diện tích hạng mục công trình 2
Bảng 3.1: Nhiệt độ trung bình các tháng trong năm.....10
Bảng 3.2: Độ ẩm trung bình các tháng trong năm.....11
Bảng 3.3: Lượng mưa trung bình các tháng trong năm.....12
Bảng 3.4: Số giờ nắng trung bình các tháng trong năm 13
Bảng 4.1: Bảng thống kê lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án.....43
Bảng 4.1: Nồng độ các chất ô nhiễm đặc trưng trong nước thải sinh hoạt 43
Bảng 4.2: Với diện tích, kết cấu công trình như sau: 49
Bảng 4.3: Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh 50
Bảng 4.4: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh 50
Bảng 4.5: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh 52
Bảng 4.6: Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....65
Bảng 4.7: Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác.....66
Bảng 4.8: Tổng hợp mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo ...68
Bảng 6.1: Bảng kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm 75

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 2.1: Quy trình sản xuất gạch Tuynel 3
Hình 2.2: Sản phẩm của dự án 6
Hình 2.3: Vị trí thực hiện dự án 3
Hình 3.1: Sơ đồ quy trình hoạt động của Trạm XLNT tập trung CCN VLXD Tân An, công suất 300 m^3/ngày.đêm.....21
Hình 4.1: Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn của dự án.....42
Hình 4.2: Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của dự án.....45
Hình 4.3: Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ 64

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên chủ dự án đầu tư:

- Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Gạch Tuynel Ngọc Liên Phát

- Địa chỉ văn phòng: Cụm công nghiệp VLXD Tân An, ấp Bình Chánh, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án: Bà Trần Thị Tuyết

- Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 0917173969

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên với mã số doanh nghiệp: 3603426957 đăng ký lần đầu ngày 08/12/2016 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 19/03/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

2. Tên dự án đầu tư

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất gạch Tuynel, công suất 20 triệu viên/năm.

- Địa điểm dự án: Cụm công nghiệp VLXD Tân An, ấp Bình Chánh, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 230/GXN-UBND ngày 23/01/2017 của UBND huyện Vĩnh Cửu cấp.

- Giấy phép xây dựng số 295/GPXD- UBND ngày 9/2/2017 cấp cho Công ty TNHH gạch Tuynel Ngọc Liên Phát.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số CT 409088 cấp ngày 30/12/2019

- Hợp đồng chất thải nguy hại và công nghiệp giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn môi trường Sen vàng và Công ty TNHH gạch Tuynel Ngọc Liên Phát số 175/HĐ/SV- 2024 ngày 1/2/2024

- Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 3/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án " Xây dựng kết cấu hạ tầng kĩ thuật cẩm công nghiệp vật liệu xây dựng Tân An, quy mô 50,1505 ha" Tại xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu của Công ty cổ phần gạch men Sa Ha Do.

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án thuộc nhóm C.

Cơ sở đã đi vào hoạt động trước thời điểm Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực. Nay Công ty tiến hành lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho nhà máy sản xuất gạch Tuynel. Công ty xin nâng công suất sản xuất từ 5 triệu viên/năm lên 20 triệu viên/năm, đồng thời xin cập nhật diện tích đất sản xuất là 42.508,7 m^2.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

3.1. Công suất của dự án đầu tư:

Công suất hoạt động của dự án được thể hiện ở bảng sau.

Bảng 1.1: Công suất hoạt động của dự án

STT	Sản phẩm	Đơn vị	Số lượng		
			Hiện hữu	Nâng công suất	Sau khi nâng công suất
1	Nhà máy sản xuất gạch Tuynel	viên/năm	5.000.000	15.000.000	20.000.000

Ghi chú:

Hiện tại Công ty đã lắp đặt đầy đủ máy móc thiết bị và dây chuyền phục vụ sản xuất cho công suất hiện hữu, khi dự án nâng công suất sẽ cho lắp đặt thêm máy móc để phục vụ sản xuất cho phần công suất được nâng thêm tại Công ty.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

Dự án chỉ nâng công suất sản phẩm gạch Tuynel từ 5.000.000 viên/năm lên 20.000.000 viên/năm chứ không thay đổi công nghệ sản xuất hiện tại. Do đó, quy trình sản xuất gạch Tuynel của dự án

**** Quy trình sản xuất gạch Tuynel như sau:***

Gạch ngói nung là sản phẩm từ đất sét, để tạo ra được thành phẩm phải trải qua nhiều khâu gồm các bước sau:

- Đất sét sau khi ngâm ủ theo đúng thời gian quy định từ khu vực chứa được xúc đổ vào thùng tiếp liệu để đưa vào công đoạn sơ chế. Công đoạn sơ chế lần lượt gồm: Tiếp liệu - Tách đá - Nghiền thô - Nghiền tỉnh.

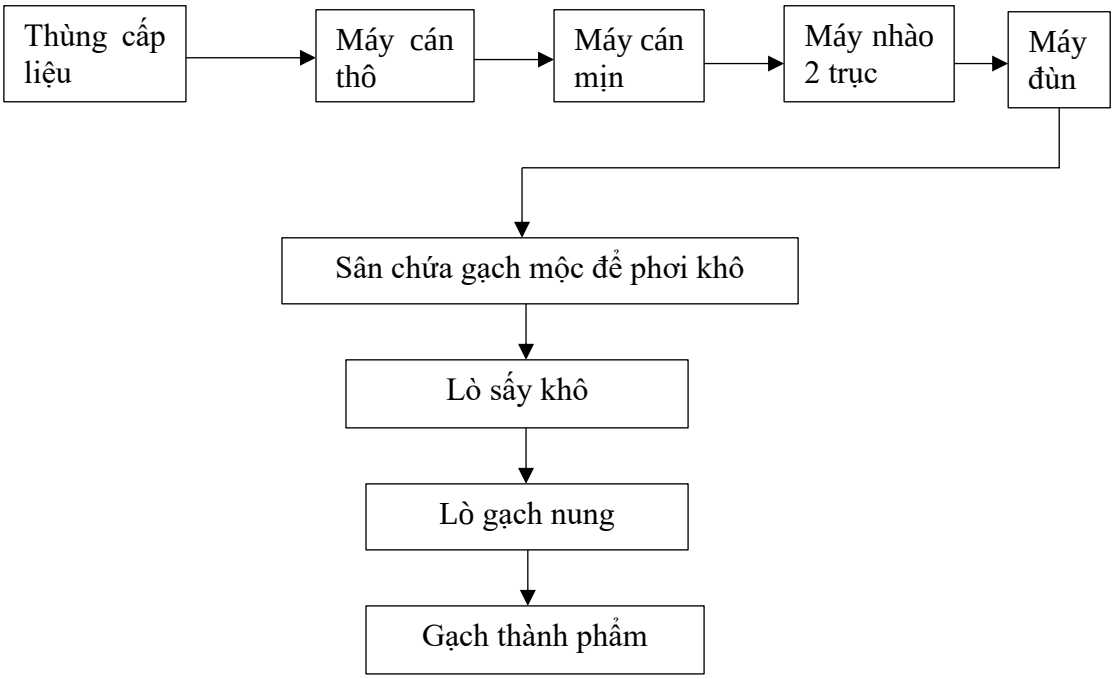
- Sau khi sơ chế nguyên liệu đất sét được đưa vào máy nhào trộn 2 trục để trộn với than cám đá nhằm đạt độ dẻo cần thiết để đưa qua máy đùn hút chân không đưa nguyên liệu vào khuôn để tạo ra sản phẩm gạch mộc (gạch chưa nung).

Sản phẩm gạch mộc sau khi có hình dáng chuẩn được vận chuyển lên khu vực sân phơi để phơi tự nhiên hoặc sấy phòng trong trường hợp cần thiết cho đến khi sản phẩm đạt độ khô thích hợp.

- Xếp phôi sản phẩm gạch mộc lên xe goòng để xông/sấy trong lò nung trong một khoảng thời gian nhất định, sau đó chuyển sang lò nung để nung ở nhiệt độ khoảng 900 độ C, sau đó sản phẩm được làm nguội ngay trong lò cho ra thành phẩm.

- Sản phẩm sau khi nung được đưa ra lò, phân loại và vận chuyển vào khu vực chứa gạch thành phẩm.

Cấu tạo của lò tuynel được chia làm 3 vùng: vùng đốt nóng, vùng nung và vùng làm nguội. Không khí dần được nóng lên sau khi làm nguội sản phẩm được chuyển sang vùng nung tham gia quá trình cháy và chuyển sang vùng đốt nóng để sấy khô gạch mộc trươc khi chuyển sang vùng nung. Khối lò được thải ra ngoài qua ống khói nhờ quạt hút. Sự tuần hoàn của khí thải cho phép tạo ra chế độ nhiệt đồng đều trên tiết diện lò. Lò tuynel có dạng đường hầm thẳng, có chế độ làm việc liên tục, sử dụng được nhiều loại nhiên liệu như: củi/trấu ép, dầu DO, dầu FO, khí gas. Gạch mộc được xếp trên các xe goòng chuyển động ngược chiều với chiều chuyển động của khí nóng. Lò có kích thước khác nhau, dài từ 25-150m. Lò ó những bộ phận hồi lưu và trộn khí, tránh sự phân lớp khí gây mất đồng đều nhiệt độ trong lò.



Hình 2.1: Quy trình sản xuất gạch Tuynel

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Danh mục các sản phẩm đầu ra của dự án sau khi nâng công suất bao gồm:

Bảng 1.2: Sản phẩm của dự án

STT	Sản phẩm	Đơn vị	Số lượng		
			Hiện hữu	Nâng công suất	Sau khi nâng công suất
1	Gạch Tuynel	viên/năm	5.000.000	15.000.000	20.000.000











Hình 2.2: Sản phẩm của dự án và nhà máy

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu dụng tại dự án

Danh mục nguyên liệu, nhiên, vật liệu hóa chất sử dụng cho hoạt động sản xuất của dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.3: Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu cho dự án

STT	Nguyên liệu, hóa chất	Đơn vị	Khối lượng			Chức năng, công dụng	Xuất xứ
			Hiện hữu	Nâng công suất	Sau nâng công suất		
I	**Nguyên liệu sản xuất chính**						
1	Đất sét	Tấn/năm	5.200	15.600	20.800	Chế biến gạch	Việt Nam
II	**Nguyên liệu phụ trợ**						
2	Củi tạp, trấu	Tấn/năm	50	150	200	Nhiên liệu cho lò nung, lò sấy	Việt Nam
3	Dầu DO	lít/năm	7.200	18.500	25.700		
4	Mực in văn phòng	kg/năm	20	30	50	Dùng	Việt Nam

(*Nguồn: Công ty TNHH Gạch Tuynel Ngọc Liên Phát****)***

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

**** Nguồn cung cấp điện:***

Nguồn cung cấp điện phục vụ cho quá trình hoạt động của chợ do Công ty TNHH Điện lực Đồng Nai – CN Điện lực Vĩnh Cửu cung cấp qua đường dây trung thế của CCN VLXD Tân An.

**** Nhu cầu tiêu thụ điện:***

- Giai đoạn hiện hữu:

Tổng nhu cầu cung cấp điện cho dự án là: 215.400 KWh/tháng (*theo hoá đơn sử dụng điện trung bình các tháng 04-06/2024).*

- Giai đoạn nâng công suất:

Dự kiến nhu cầu sử dụng điện của dự án khi hoạt động đến công suất sản xuất sau bổ sung tối đa khoảng 341.400 kWh/tháng *(nhu cầu sử dụng điện được tính toán dựa trên công suất tiêu thụ điện của các máy móc thiết bị lắp đặt thêm cho hoạt động sản xuất).*

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

**** Nguồn cung cấp nước:***

Nguồn cung cấp nước cho nhà máy do đơn vị hạ tầng Cụm công nghiệp VLXD Tân An - Công ty cổ phần Gạch men Sa ha do cung cấp.

**** Nhu cầu sử dụng nước:***

- Giai đoạn hiện hữu:

Nhu cầu sử dụng nước của dự án bao gồm: nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt, sản xuất, tưới cây và PCCC.

- Nước cấp cho mục đích sinh hoạt gồm nước cấp cho nhu cầu vệ sinh cá nhân: Theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng, lượng nước sử dụng là 80 lít/người/ngày. Số lao động phục vụ cho dự án là 40 lao động.

$$Q_{sh} = 80 \text{ lít/người/ngày} \times 40 \text{ người} = 3,2 \text{ m}^3\text{/ngày}$$

- Nước cấp cho sản xuất: Nước dùng cho làm ẩm nguyên liệu với lưu lượng 0,5 m^3/ngày.đêm.

- Nước cấp giải nhiệt cho lò nung, lò sấy: lượng nước sử dụng khoảng 0,5

m^3/ngày

- Nước cấp cho tưới cây, làm ẩm nhà xưởng: Theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng, lượng nước sử dụng tưới cây khoảng 3 lít/m^2/ngày, do đó lượng nước sử dụng khoảng 2 m^3/ngày.

- Giai đoạn sau khi nâng công suất:

+ Tổng lao động của dự án sau khi nâng công suất là 40 lao động theo QCVN 01:2021/BXD –Quy chuẩn quy hoạch xây dựng, với tiêu chuẩn 100 lít/người.ngày. Lượng nước sử dụng cho sinh hoạt ước tính như sau:

$$Q_{sh} = 80 \text{ lít/người/ngày} \times 45 \text{ người} = 3,6 \text{ m}^3\text{/ngày}$$

- Nước cấp cho sản xuất: Nước dùng cho làm ẩm nguyên liệu với lưu lượng 1,0 m^3/ngày.đêm.

- Nước cấp giải nhiệt cho lò nung, lò sấy: lượng nước sử dụng khoảng 0,5 m^3/ngày.

- Nước cấp cho tưới cây, làm ẩm nhà xưởng: Theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng, lượng nước sử dụng tưới cây khoảng 3 lít/m^2/ngày, do đó lượng nước sử dụng khoảng 2 m^3/ngày.

Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của dự án được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 1.4: Nhu cầu sử dụng nước của dự án

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Nhu cầu	Nhu cầu sử dụng nước (Hiện hữu)			Nhu cầu sử dụng nước (sau khi nâng công suất)			Ghi chú
				Số lượng lao động	Lượng nước sử dụng	Lượng nước thải phát sinh	Số lượng lao động	Lượng nước sử dụng	Lượng nước thải phát sinh	
1	Nước cấp cho sinh hoạt	m^3/ngày	80lít/ng/ngày	40	3,2	2,56	45	3,6	2,88	80% nước cấp
2	Nước cấp cho sản xuất	m^3/ngày	m^3/ngày	-	0,5	0	-	1,0	0	Không thải
3	Nước cấp cho lò nung, lò sấy	m^3/ngày	m^3/ngày	-	0,5	0	-	0,5	0	Không thải
4	Nước tưới cây, làm ẩm nhà xưởng	m^3/ngày	m^3/ngày	-	2,0	0	-	2,0	0	Không thải
Tổng cộng lượng nước sử dụng tính cho ngày lớn nhất (không kể nước PCCC)					**6,2**	**2,56**	**-**	**7,1**	**2,88**	**-**

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

5.1. Nhu cầu sử dụng lao động tại dự án:

**Hiện hữu*

+ Số lao động: 40 người

+ Số ca làm việc: 1 ca/ngày (ca 8 giờ)

+ Số ngày làm việc: 6 ngày/tuần ≈ 26 ngày/tháng

**Sau khi nâng công suất*

+ Số lao động: 45 người

+ Số ca làm việc: 1 ca/ngày (ca 8 giờ)

+ Số ngày làm việc: 6 ngày/tuần ≈ 26 ngày/tháng

5.2. Danh mục máy móc thiết bị sử dụng tại dự án

Các loại máy móc, trang thiết bị chính phục vụ hoạt động sản xuất của Nhà máy được trình bày chi tiết trong bảng sau:

Bảng 1.5: Danh mục máy móc, thiết bị chính phục vụ hoạt động dự án

STT	Tên máy móc thiết bị	Đơn vị	Số lượng		Xuất xứ
			Hiện hữu	Nâng công suất	
1	Máy cấp liệu	cái	2	2	Đài Loan
2	Máy nhào 2 trục	cái	1	2	Đài Loan
3	Máy cán đất	cái	2	2	Đài Loan
4	Hệ thống sàn đá	cái	1	2	Việt Nam
5	Máy ép gạch	cái	1	2	Trung Quốc
6	Máy hút chân không	cái	1	2	Đài Loan
7	Máy bơm hơi	cái	2	2	Nhật Bản
8	Máy cắt gạch	cái	1	2	Trung Quốc
9	Máy bơm nước	cái	2	2	Nhật Bản
10	Hệ thống gắp gạch tay robot tự động	cái	2	2	Nhật Bản
11	Máy phát điện dự phòng	cái	1	1	Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH Gạch Ngọc Liên Phát)

5.3. Các hạng mục công trình của dự án

Các hạng mục công trình chính và phụ trợ của dự án được xây dựng trên khu đất có diện tích 42.508,7 m^2, chi tiết các hạng mục được thể hiện trong bảng sau:

Trong đó:

Bảng 1.6: Cơ cấu sử dụng đất

Stt	Hạng mục	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng diện tích xây dựng giai đoạn 1	8.995,24	*21,16*
2	Tổng diện tích xây dựng giai đoạn 2	8.679,52	*20,42*
3	Tổng diện tích sân đường	1.033,7	*2,43*
4	Tổng diện tích cây xanh và đất	23.800,24	*55,99*
Tổng		**42.508,7**	**100**

(*Nguồn: Công ty TNHH Gạch Ngọc Liên Phát****)***

Bảng 1.7: Diện tích hạng mục công trình

Stt	Hạng mục	Diện tích theo KBM (m^2)	Diện tích hiện hữu (m^2)	*Tỷ lệ (%)*	Ghi chú
1	Nhà xưởng sản xuất gạch	8.400	17.233,52	*40,54*	
2	Nhà văn phòng	40,5	84	*0,2*	
3	Nhà bảo vệ	18	(10)	-	*nằm trong nhà xưởng*
4	Nhà nghỉ công nhân	560	345,24	*0,81*	
5	Nhà vệ sinh	21,8	-	-	
6	Nhà xe	40	-	-	
7	Trạm điện	6,5	-	-	
8	Nhà máy phát điện dự phòng	-	12	*0,03*	
9	Tháp nước	80	-	-	
10	Bãi chứa đất nguyên liệu	800	(800)	-	*nằm trong nhà xưởng*
11	Nhà chứa chất thải rắn	22	(22)	-	*nằm trong nhà xưởng*
12	Tổng diện tích sân đường	2.140	1.033,7	*2,43*	
13	Tổng diện tích cây xanh và đất	3.032,2	23.800,24	*55,99*	
Tổng		**15.161**	**42.508,7**		*Diện tích xin*

				thay đổi

5.4 Vị trí dự án

Dự án được thực hiện tại Cụm công nghiệp VLXD Tân An, ấp Bình Chánh, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Các phía tiếp giáp dự án như sau:

- Phía Đông giáp Công ty TNHH Gạch ngói Ngọc Liên Phát
- Phía Tây giáp đất trống
- Phía Bắc giáp Nhà máy gạch Tuynel Thành Phát
- Phía Nam giáp Nhà máy Gạch Tuynel VinDongNai và Nhà máy gạch Thăng Long

Vị trí các mốc tọa độ của dự án:



Hình 2.3: Vị trí thực hiện dự án

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

1.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

Hiện nay do chưa có quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia do đó chủ cơ sở không có cơ sở để đánh giá sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc Gia.

Tuy nhiên về các quy hoạch khác có liên quan, chủ cơ sở đảm bảo phù hợp với các quy hoạch liên quan khác như:

- Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ);

- Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 2149/QĐ-TTG ngày 17/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ).

- Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ);

- Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022).

Về quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai: Chủ cơ sở cam kết tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường của tỉnh, cụ thể:

Hiện tại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 06/09/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Đồng thời ngày 22/05/2023 UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Kế hoạch số 128/KH-UBND về Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023.

Trong quá trình hoạt động chủ cơ sở đảm bảo tuân thủ theo Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 22/05/2023.

1.2. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Vị trí cơ sở thực hiện tại Cụm công nghiệp VLXD Tân An, ấp Bình Chánh, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh Đồng Nai, được UBND tỉnh Đồng Nai cấp văn bản số 6510/UBND -CNN ngày 12/08/2010 về việc chấp thuận giới thiệu đầu tư hạ tầng cụm Công nghiệp VLXD Tân An và Quyết định số 3406/QĐ-UBND ngày 19/12/2011 về việc thành lập Cụm công nghiệp VLXD Tân An, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

+ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH 14 ngày 17/11/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2022.

+ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; cụ thể: Tuân theo Điều 22, Điều 23, Điều 25, Mục 1, Chương III của Nghị định.

+ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/1/2017 có hiệu lực từ ngày 01/01/2019.

+ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/1/2017.

+ Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

+ Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

+ Quyết định 1016/QĐ-TTg ngày 14/07/2020 phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 230/GXN-UBND ngày 23/01/2017 của UBND huyện Vĩnh Cửu cấp.
Giấy phép xây dựng số 295/GPXD- UBND ngày 9/2/2017 cấp cho Công ty TNHH gạch Tuynel Ngọc Liên Phát.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số CT 409088 cấp ngày 30/12/2019

+ Hợp đồng chất thải nguy hại và công nghiệp giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn môi trường Sen vàng và Công ty TNHH gạch Tuynel Ngọc Liên Phát số 175/HĐ/SV- 2024 ngày 1/2/2024

+ Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 3/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án " Xây dựng kết cấu hạ tầng kĩ thuật cẩm công nghiệp vật liệu xây dựng Tân An, quy mô 50,1505 ha" Tại xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu của Công ty cổ phần gạch men Sa Ha Do.

Dựa vào các căn cứ trên cho thấy cơ sở "Nhà máy sản xuất gạch Tuynel, công suất 20 triệu viên/năm" hoàn toàn phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch sử dụng đất và xây dựng của tỉnh Đồng Nai.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Vị trí thực hiện dự án là CCN Vật liệu xây dựng Tân An. CCN đã đầu tư HTXL nước thải tập trung, công suất 300 m^3/ngày đêm. Toàn bộ nước thải phát sinh tại các Doanh nghiệp trong CC được thu gom về HTXL nước thải tập trung của CCN nhằm xử lý đạt quy chuẩn xả thải trước khi theo ống uPVC đường kính 114mm ra suối nhỏ, sau đó chảy vào nguồn tiếp nhận là sông Đồng Nai.

Thực hiện theo thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên Môi trường Quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ và thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Công ty Cổ phần Gạch men Sa ha do (Chủ đầu tư CCN Vật liệu xây dựng Tân An) đã thực hiện công tác khảo sát, đo đạc, thu mẫu khu vực tiếp nhận nước thải để làm cơ sở đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của sông Đồng Nai.

- Đối với khí thải: Vị trí thực hiện dự án thuộc huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ theo quy định tại điểm c, mục 1, phụ lục II, Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 và Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 06/09/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai khu vực huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai thuộc Vùng 3, áp dụng hệ số Kv = 1,0.

- Đồng Nai có các khu xử lý chất thải rắn tập trung: khu xử lý chất thải xã Tây Hòa (huyện Trảng Bom), khu xử lý chất thải xã Quang Trung (huyện Thống Nhất) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và hợp vệ sinh, khu xử lý chất thải xã Xuân Mỹ

(huyện Cẩm Mỹ), khu xử lý chất thải xã Bàu Cạn (huyện Long Thành), khu xử lý chất thải xã Xuân Tâm (huyện Xuân Lộc), khu xử lý chất thải xã Túc Trưng (Định Quán); đảm bảo thu gom, xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động của dự án khi đi vào hoạt động.

CHƯƠNG III

HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật:

Như đã trình bày, khu vực triển khai dự án nằm trong CCN VLXD Tân An đã được quy hoạch, đã hoàn thiện hạ tầng cơ sở, nhìn chung hiện trạng tài nguyên sinh học nghèo nàn, không có các vùng sinh thái nhạy cảm cũng như không có các loài sinh vật hoang dã sinh sống.

Hệ sinh thái trên cạn:

Khu vực xung quanh CCN không có các loài thực vật quý hiếm, chủ yếu là đất trồng các loại cây tạo bóng mát cho CCN và các loài cỏ dại mọc ven đường.

Trong vùng hầu như không có các loại động vật quý hiếm nào sinh sống, chỉ có các loại chim, thú, bò sát, côn trùng và các loại động vật đất.

Hệ sinh thái nước:

Hệ thống thoát nước của dự án được đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của CCN để xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường sau đó đổ vào nguồn tiếp nhận là Sông Đồng Nai, đây là nguồn nước bị ảnh hưởng trực tiếp từ nước thải phát sinh do hoạt động sản xuất của các nhà máy trong CCN.

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án:

Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là hệ thống xử lý nước thải tập trung CCN VLXD Tân An.

2.1. Đặc điểm địa hình, địa mạo:

❖ **Địa lý**

CCN VLXD Tân An thuộc địa bàn xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu tỉnh Đồng Nai nằm trong cấu tạo địa hình chung của tỉnh Đồng Nai với các phía tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc: giáp đất trống rừng tràm
- Phía Đông: giáp đất cây trồng hàng năm và đất trồng rừng tràm
- Phía Nam: giáp trại nuôi heo của Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai – Dolico, đất cây trồng hàng năm và đất trồng rừng tràm

❖ **Điều kiện địa hình**

Địa hình trong khu vực dạng đồi tương đối phức tạp, đồi cao thấp, lớn nhỏ

khác nhau, giữa các đồi là những rãnh nhỏ. Trong khu vực có một vài nơi trũng đọng nước tạo thành những ao nhỏ. Cao độ địa hình thay đổi từ +12,75 m đến +50,16 m và biến đổi không theo quy luật. Địa hình tự nhiên từ Tây Bắc xuống Tây Nam, độ dốc thay đổi theo địa hình đồi.

Phía Nam là đường đất giao thông hiện hữu với cao độ tim đường thay đổi từ +29,67 m đến +23,49 m (dốc đều từ phía Đông sang phía Tây).

❖ **Đặc điểm địa chất**

Theo kết quả khảo sát địa chất ứng với độ sâu khoan khảo sát 25m, địa tầng từ trên xuống dưới gồm 4 lớp chính:

Lớp 1: Sét pha cát. Màu vàng xám trắng, xám vàng, trạng thái dẻo cứng-nửa cứng. Chiều dày từ 3,0m đến 3,5m.

Lớp 2: Sét pha lẫn sạn sỏi laterit màu nâu đỏ trạng thái cứng. Chiều dày lớp 3,7m.

Lớp 3: Sét pha màu xám hồng, xám trắng, trạng thái nửa cứng. Chiều dày lớp từ 4,8m đến 5,1m.

Lớp 4: Cát pha màu xám trắng, màu vàng, nâu đỏ, căhtj vừa, bão hòa nước. Chiều dày khảo sát lớp này 13,2m.

Lớp 4a: Sét màu xám trắng, nâu đỏ, dẻo cứng-nửa cứng. Nằm trong lớp 4, chỉ gặp tại vị trí hố khoan BH2. Phân bố ở độ sâu từ 13,5m đến 20,0m. Chiều dày lớp 6,5 m.

Riêng tại khu đất xây dựng dự án, chủ yếu là lớp sét pha cát, liên kết tốt, chịu lực cao. Nhìn chung địa chất khu vực này tương đối tốt, có sức chịu và độ lún thỏa đáng, thuận lợi cho việc xây dựng và phát triển công nghiệp.

2.2. Điều kiện về khí hậu, khí tượng

Khu vực thực hiện Dự án nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa nóng ẩm, với các đặc trưng chung của vùng khí hậu Đông Nam Bộ nên chịu ảnh hưởng của khí hậu vùng nhiệt đới gió mùa, cận xích đạo, nhiệt độ cao và ổn định quanh năm. Khí tượng phân hóa thành 2 mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô.

- Mùa mưa: Lượng mưa phân hóa theo mùa, mùa mưa kéo dài 6 tháng từ tháng 5 đến 10, mưa lớn tập trung, lượng mưa chiếm 85-90% lượng mưa cả năm. Vào mùa mưa lượng bốc hơi và nhiệt độ không khí hạ thấp hơn mùa khô.

- Mùa khô: Kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, lượng mưa ít, chỉ chiếm 10

- 15% tổng lượng mưa trong năm, trong khi nhiệt độ và lượng bốc hơi lớn gây khô hạn ở nhiều nơi.

a) Nhiệt độ không khí

Nhiệt độ không khí là một trong những yếu tố tự nhiên ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình chuyển hóa và phát tán các chất ô nhiễm trong khí quyển. Nhiệt độ không khí càng cao thì tốc độ các phản ứng xảy ra càng nhanh và thời gian lưu tồn các chất càng nhỏ. Ngoài ra nhiệt độ còn ảnh hưởng đến quá trình trao đổi nhiệt của cơ thể và sức khỏe người lao động. Do vậy, việc nghiên cứu chế độ nhiệt là điều cần thiết. Kết quả khảo sát và đo đạc cho thấy:

- Nhiệt độ tại khu vực dự án thay đổi theo mùa trong năm, tuy nhiên sự chênh lệch nhiệt độ trung bình giữa các tháng không lớn lắm. Nhiệt độ trung bình tháng tương đối ổn định trong khoảng 24 – 29oC.

- Nhiệt độ khu vực dao động trong ngày. Biên độ nhiệt đạt đến 10oC/ngày.đêm. Vì vậy, mặc dù ban ngày trời nắng nóng, ban đêm và sáng sớm vẫn có sương. Đây là điều kiện thuận lợi cho cây cối phát triển và xanh tốt quanh năm.

Bảng 3.1: Nhiệt độ trung bình các tháng trong năm

Đơn vị tính: ^{0}C

Tháng/năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Tháng 1	26,6	25,5	25,5	25,5	25,6	26,2	27,0
Tháng 2	26,2	24,9	25,1	26,8	25,8	26,5	28,1
Tháng 3	27,2	27	27,2	27,8	27,9	29,1	28,8
Tháng 4	29,3	27,7	28,3	29,1	28,5	29,1	28,5
Tháng 5	29,0	27,4	27,5	27,8	29,1	29,2	28,3
Tháng 6	26,9	26,9	26,3	27,4	26,8	28,8	28,4
Tháng 7	26,7	26,2	26,4	26,7	26,9	27,9	27,6
Tháng 8	26,7	26,3	26,2	26,4	26,6	28,3	27,6
Tháng 9	26,4	26,8	25,9	26,0	26,5	27,4	27,7
Tháng 10	26,0	25,8	26,7	26,6	25,6	27,3	27,5
Tháng 11	26,5	25,9	26,3	25,5	26,1	27,6	27,2
Tháng 12	25,2	24,9	26,3	24,5	25,2	26,7	26,7
Bình quân năm	**26,9**	**26,3**	**26,5**	**26,7**	**26,7**	**27,8**	**27,8**

(Nguồn: Niên giám thống kê Đồng Nai 2022, tháng 8/2023)

a) Độ ẩm không khí

Độ ẩm không khí cũng như nhiệt độ không khí là một trong những yếu tố tự nhiên ảnh hưởng trực tiếp đến các quá trình chuyển hóa các chất ô nhiễm trong khí quyển và là yếu tố vi khí hậu ảnh hưởng lên sức khỏe công nhân.

Độ ẩm trung bình của các tháng trong năm tại khu vực thực hiện Dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.2: Độ ẩm trung bình các tháng trong năm

Đơn vị tính: %

Tháng/năm	**2016**	**2017**	**2018**	**2019**	**2020**	**2021**	**2022**
Tháng 1	73	79	80	70	71	67	72
Tháng 2	68	77	76	68	69	69	68
Tháng 3	70	71	74	69	70	66	71
Tháng 4	72	78	73	71	71	71	76
Tháng 5	77	84	79	81	78	77	81
Tháng 6	86	87	86	85	86	77	79
Tháng 7	86	88	88	85	86	80	84
Tháng 8	88	89	87	88	87	80	84
Tháng 9	87	87	89	89	88	84	84
Tháng 10	90	89	81	83	91	84	81
Tháng 11	85	86	79	83	83	81	82
Tháng 12	87	80	80	76	81	73	72
Bình quân năm	**81**	**83**	**81**	**79**	**79**	**75.8**	**77.8**

(Nguồn: Niên giám thống kê Đồng Nai 2022, tháng 8/2023)

b) Lượng mưa

Chế độ mưa cũng ảnh hưởng đến chất lượng không khí, có tác dụng thanh lọc các chất ô nhiễm trong không khí và pha loãng các chất ô nhiễm trong nước. Khi mưa rơi xuống sẽ cuốn theo bụi và các chất ô nhiễm có trong khí quyển cũng như các chất ô nhiễm trên bề mặt đất, nơi mà nước mưa chảy qua. Chất lượng nước mưa tùy thuộc vào chất lượng khí quyển và môi trường khu vực.

Lượng mưa trung bình của các tháng trong năm tại khu vực thực hiện Dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.3: Lượng mưa trung bình các tháng trong năm

Đơn vị tính: 1/10 mm

Tháng/năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Tháng 1	-	37,6	58,2	2,3	-	2,6	40,5
Tháng 2	-	47,6	-	-	1,6	0,5	31,8
Tháng 3	-	1,7	-	-	-	2,5	117,6
Tháng 4	3,8	91,8	33,1	22,8	112,1	337,3	275,8
Tháng 5	305,8	308,1	181,7	277,2	79,3	111,6	344,7
Tháng 6	378,8	300,5	302,5	240,4	395	171,3	274,6
Tháng 7	375,8	377,6	359,9	227,4	206	281,1	331
Tháng 8	324,4	36	284,7	260,8	327	334,1	339,7
Tháng 9	275,9	230,3	552,6	323,1	225	334,5	300,7
Tháng 10	370	328,9	316,9	173,9	256	228,5	102,7
Tháng 11	113,8	124,1	57,4	89,8	55	31,5	228,1
Tháng 12	91,1	53,5	37,6	-	48	15,9	31,6
Tổng	**2.239,4**	**2.262,7**	**2.184,6**	**1.617,7**	**1.707,1**	**1.851,4**	**2.418,8**

(Nguồn: Niên giám thống kê Đồng Nai 2022, tháng 8/2023)

c) Gió và hướng gió

Gió là một nhân tố quan trọng trong quá trình phát tán và lan truyền các chất trong khí quyển. Khi vận tốc gió càng lớn, khả năng lan truyền bụi và chất ô nhiễm càng xa, khả năng pha loãng với không khí sạch càng lớn. Vì vậy khi tính toán và thiết kế các hệ thống xử lý ô nhiễm cần tính trong trường hợp tốc độ gió nguy hiểm sao cho nồng độ cực đại tuyệt đối mặt đất thấp hơn tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.

Trong năm có 2 hướng gió chính theo mùa:

- Mùa khô: Hướng gió thịnh hành là hướng Đông Nam hoạt động từ tháng XII đến tháng V năm sau. Kết quả quan trắc năm 2022, tốc độ gió bình quân tại Trạm Biên Hòa đo được là 1-2 m/s. Tốc độ gió mạnh nhất là 10 m/s.

- Mùa mưa: Hướng gió thịnh hành là hướng Tây Nam. Đây là luồng không khí từ vùng biển Ấn Độ Dương qua Vịnh Thái Lan thổi tới nên mang nhiều hơi ẩm

gây mưa nhiều trong các tháng VI – XI.

Hướng gió chủ yếu là gió Đông Nam và gió Tây Nam. Gió thịnh hành trong mùa khô là gió Tây Nam. Gió thịnh hành vào mùa mưa là gió Đông Nam.

Hướng gió chủ đạo sẽ quyết định đến phạm vi khu vực chịu ảnh hưởng ô nhiễm không khí trong giai đoạn thi công và vận hành. Vấn đề này sẽ được đánh giá chi tiết ở chương tiếp theo.

Gió là yếu tố quan trọng nhất tác động lên quá trình lan truyền các chất gây ô nhiễm trong không khí. Tốc độ gió càng cao thì chất ô nhiễm càng được vận chuyển đi xa và nồng độ các chất ô nhiễm càng nhỏ do khí độc được pha loãng với khí sạch. Ngược lại, khi tốc độ nhỏ hoặc lặng gió thì chất ô nhiễm sẽ tập trung gần nguồn thải.

d) Số giờ nắng

Số giờ nắng trung bình các tháng trong năm tại khu vực thực hiện Dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.4: Số giờ nắng trung bình các tháng trong năm

Đơn vị tính: giờ

Tháng/năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Tháng 1	262,8	188,5	169,8	222,5	255,7	207,8	246,2
Tháng 2	241,2	182,1	235,8	248,3	248,5	213,7	220,5
Tháng 3	280,4	241,9	245,3	270,6	335,1	267,9	220,4
Tháng 4	276,2	225,3	244,7	242,2	233,3	203,6	203,7
Tháng 5	197,3	174,9	184,4	211,2	235,6	201,8	160,1
Tháng 6	178,4	169,7	161,1	160,0	176,3	197,4	201,6
Tháng 7	200,1	155,4	170,3	193,0	203,1	164,8	165,6
Tháng 8	195,3	174,4	174,7	181,6	195,9	213,8	173,1
Tháng 9	175,6	174,9	165,4	151,5	172,3	162	159,5
Tháng 10	132,4	124,5	211,7	238,4	94	141,2	165
Tháng 11	195,2	161,7	190,1	196,7	172,5	153,6	157
Tháng 12	98,8	190,4	181,2	248,1	156,6	197,1	218,5

Đơn vị tính: giờ

Tháng/năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng	**2.433,7**	**2.163,7**	**2.334,5**	**2.564,1**	**2.478,9**	**2.324,7**	**2.291,2**

(Nguồn: Niên giám thống kê Đồng Nai 2022, tháng 8/2023)

g) Chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải

**** Sông La Ngà***

Qua 07 đợt quan trắc (tháng 10,11,12/2021, tháng 2,4,6,8,10/2022), tại 17 vị trí quan trắc (trên Sông La Ngà 03 vị trí, Suối Rết 02 vị trí, suối Chồn 02 vị trí, khu vực nuôi tôm càng xanh 02 vị trí và Hồ Bàu Ngừa, Đa Tôn, Suối Cải, suối Gõ, suối Mè, suối Tam Bung 02 vị trí), trong năm 2022 với 20 thông số đối với sông suối và 19 thông số đối với hồ, mỗi thông số có 94 lượt (mẫu) quan trắc. Kết quả so sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A2 cụ thể như sau:

- 03 thông số As, Zn, Phenol tại tất cả các vị trí đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A2, đồng thời thông số có sự dao động nồng độ nhỏ giữa các đợt.

- Giá trị pH có 01 mẫu vượt nhẹ quy chuẩn.

- Thông số DO có 6 mẫu thấp hơn quy chuẩn (không đạt) từ 1-1,3 lần.

- Thông số COD có 55 mẫu vượt quy chuẩn từ 1,1-8,7 lần.

- Thông số BOD_5 có 29 mẫu vượt quy chuẩn từ 1,2-5,0 lần.

- Thông số TSS có 50 mẫu vượt từ 1-47,7 lần.

- Thông số Chì có 01 mẫu vượt 1,2 lần.

- Thông số Fe có 68 mẫu vượt quy chuẩn từ 1-9,4 lần.

- Thông số Amoni có 42 mẫu vượt quy chuẩn từ 1-195,3 lần.

- Thông số Nitrit có 48 mẫu vượt quy chuẩn từ 1,2-37,2 lần.

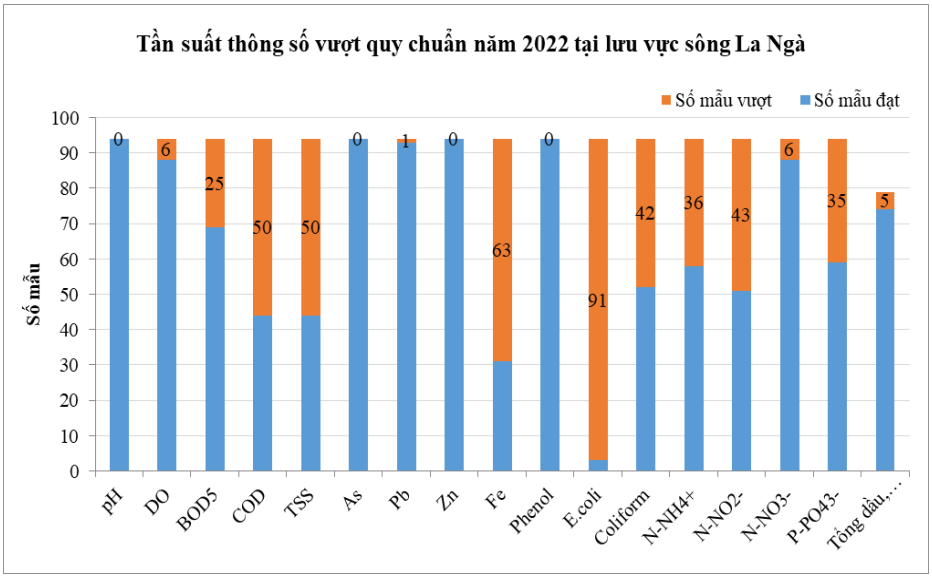
- Thông số Nitrat có 06 mẫu vượt quy chuẩn từ 1 -1,8 lần.

- Thông số Photphat có 41 mẫu vượt quy chuẩn từ 1,2-19,8 lần.

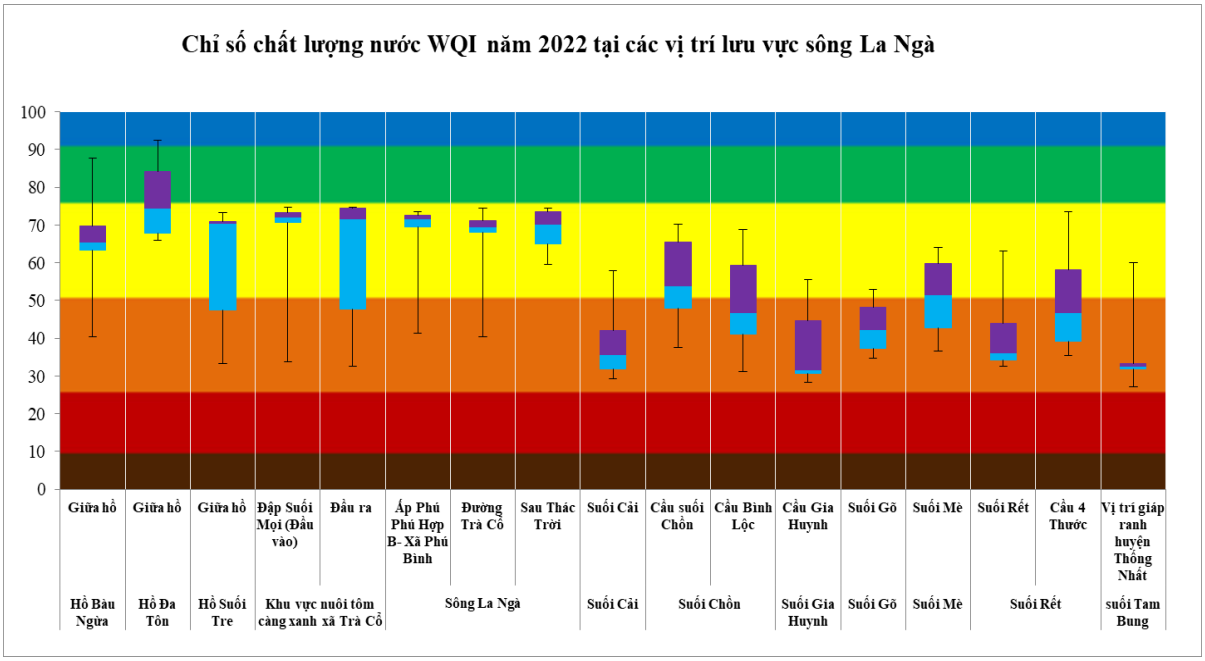
- Thông số Tổng dầu mỡ có 05 mẫu vượt quy chuẩn từ 1,2-2,5 lần.

- Thông số E.Coli có 97 mẫu vượt quy chuẩn từ 3,4-1580 lần.

- Thông số Coliform có 48 mẫu vượt quy chuẩn từ 1,1-70 lần.



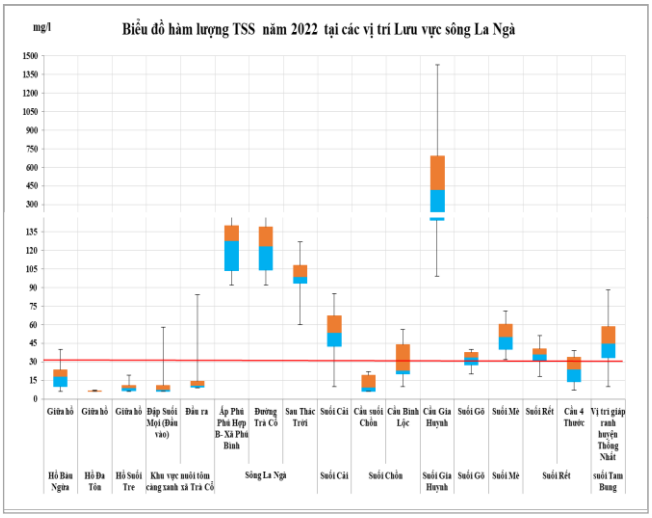
Chất lượng nước lưu vực Sông La Ngà trong năm 2022 tại các hồ như hồ Đa Tôn, hồ Bàu Ngừa nhiều thời điểm chỉ số WQI đạt "tốt" với hầu hết các thông số đều đạt quy chuẩn cho phép QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2, tuy nhiên vào một số thời điểm chất lượng nước giảm ở mức "trung bình" đến "xấu" do hàm lượng vi sinh không đạt quy chuẩn cho phép. Tại các vị trí tiếp nhận nước thải của khu dân sinh và nước thải chăn nuôi như: suối Cải, Tam Bung, Gia Huynh, Suối Rết, Suối Gõ, Suối Mè và Suối Chồn vẫn trong tình trạng bị ô nhiễm, chỉ số WQI ở mức "xấu" đến "trung bình" bởi hàm lượng các chất hữu cơ, dinh dưỡng và vi sinh không đạt quy chuẩn cho phép. Chất lượng nước của lưu vực La Ngà nhận thấy chất lượng nước năm 2022 có xu thế tốt hơn so với năm 2021 và năm 2020.

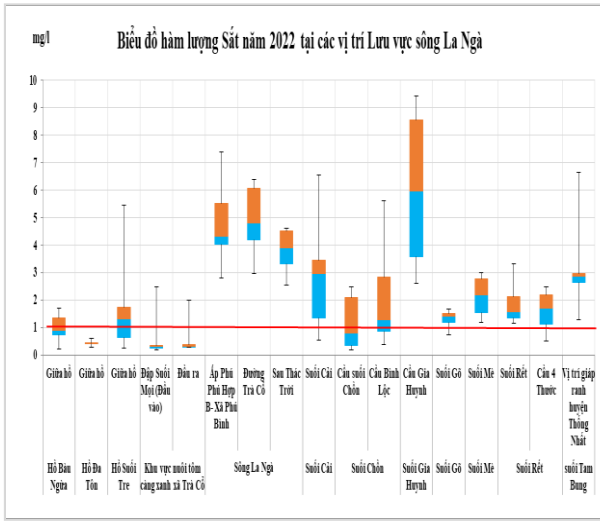


Đối với Sông La Ngà và các suối thuộc lưu vực thường bị ảnh hưởng bởi điều kiện tự nhiên, đặc biệt vào mùa mưa đã kéo theo một lượng lớn phù sa từ thượng

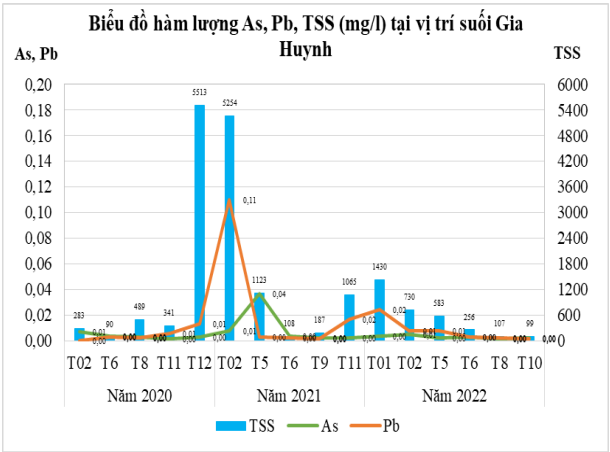
nguồn đổ về dẫn đến hàm lượng các chất ô nhiễm gia tăng không đạt so với quy chuẩn cho phép (QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2) và không đạt so với quy định sử dụng nguồn nước của UBND tỉnh. Chủ yếu hàm lượng chất rắn lơ lửng (TSS) và vi sinh tăng cao vào mùa mưa.

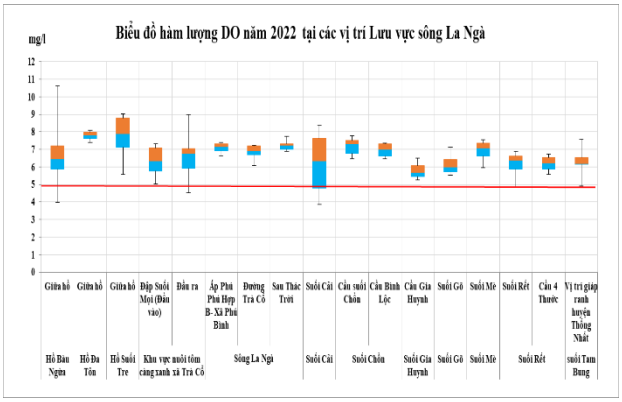
Diễn biến hàm lượng chất rắn lơ lửng (TSS) tại lưu vực Sông La Ngà trong năm 2022 nhận thấy nồng độ giảm so với năm 2021 và năm 2020: tại vị trí hồ Suối Tre, Hồ Đa Tôn hàm lượng TSS luôn nằm trong ngưỡng cho phép (QC<30 mg/l), các vị trí khác như: khu vực nuôi tôm càng xanh, suối Rết, suối Gõ, suối Mè, suối Gia Huynh, sông La Ngà, suối Tam Bung Suối Cải, hồ Bàu Ngựa thường vượt so với quy chuẩn cho phép. Nồng độ TSS tại lưu vực có 50 mẫu (50%) vượt quy chuẩn từ 1,0-47,7 lần. Cao nhất tại vị trí suối Gia Huynh vượt 47,7 lần vào đợt quan trắc tháng 01/2022.





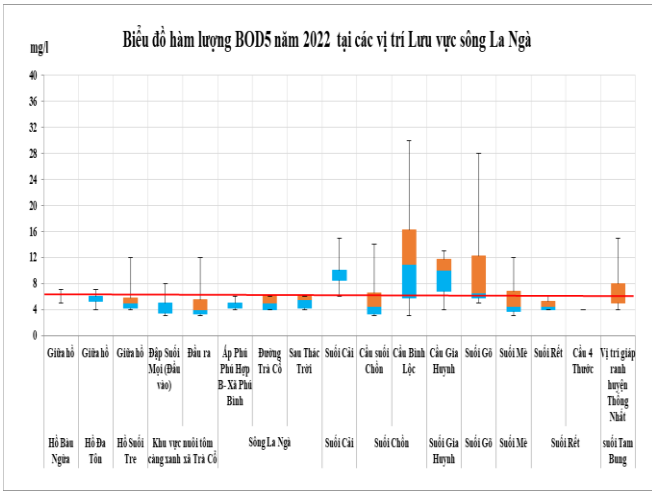
Đối với hàm lượng các *kim loại nặng* (As, Zn) và *các chất độc hại* (Phenol) tại lưu vực sông La Ngà luôn đạt quy chuẩn cho phép. Riêng đối với hàm lượng kim loại nặng (Chì) trong năm 2022 có 01 mẫu vượt quy chuẩn cho phép tại suối Gia Huynh vào tháng 01/2022. Hàm lượng Chì phát hiện tăng cao tỉ lệ thuận với lượng TSS có trong nước, đặc biệt vào mùa khô.

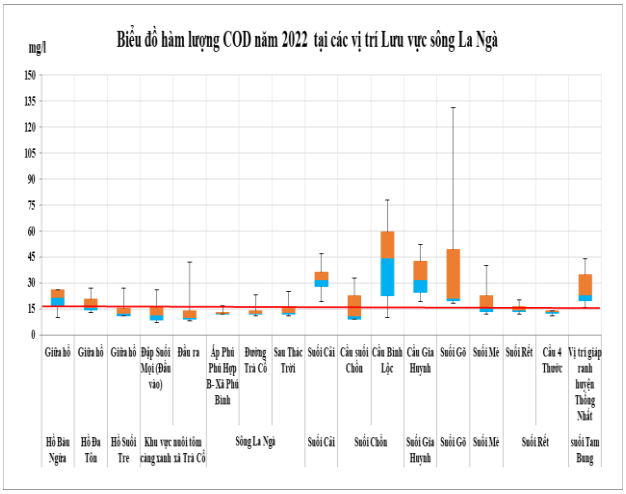




Đối với hàm lượng DO năm 2022 dao động từ 1,0-1,3 mg/l, có 6 mẫu (6%) không đạt quy chuẩn tập trung tại vị trí suối Cải, cầu suối Rết, hồ Bàu Ngựa, Khu vực nuôi tôm càng xanh xã Trà Cổ, suối Tam Bung. Các vị trí còn lại đều có hàm lượng DO đạt quy chuẩn cho phép.

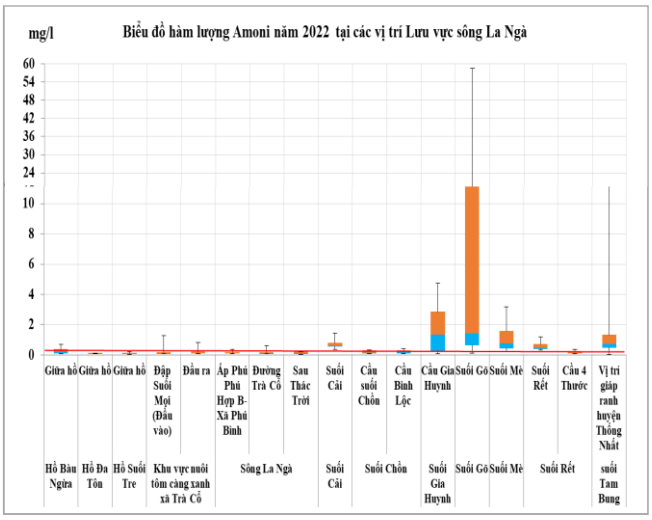
Diễn biến hàm lượng hữu cơ (xác định qua COD và BOD_5) so với QCVN 08-MT:2015/ BTNMT, cột A2 kết quả quan trắc năm 2022 cho thấy đều vượt quy chuẩn cho phép tại từng thời điểm khác nhau. Khu vực đầu nguồn: hồ Bàu Ngựa, hồ Đa Tôn, Khu vực nuôi tôm càng xanh xã Trà Cổ, sông La Ngà và suối Rết một vài thời điểm vượt quy chuẩn cho phép, tuy nhiên hàm lượng chỉ vượt nhẹ. Riêng đối với các vị trí tiếp nhận nước thải chăn nuôi, hoạt động dân sinh như Suối Gõ, Mè, Rết, Gia Huynh, Suối Chồn, suối Cải và suối Tam Bung thì hiện tượng ô nhiễm hữu cơ rất cao. Cụ thể: nồng độ COD dao động từ 7-131 mg/l, có 50 mẫu (53%) vượt quy chuẩn từ 1,1-8,7 lần; BOD_5 dao động từ 3-30 mg/l, có 25 mẫu (27%) vượt quy chuẩn từ 1,2-5 mg/l. Nồng độ COD cao nhất ở suối Gõ, vượt 8,7 lần vào tháng 01/2022, nồng độ BOD5 cao nhất tại suối Chồn (cầu Bình Lộc), vượt 5 lần vào tháng 6/2022.

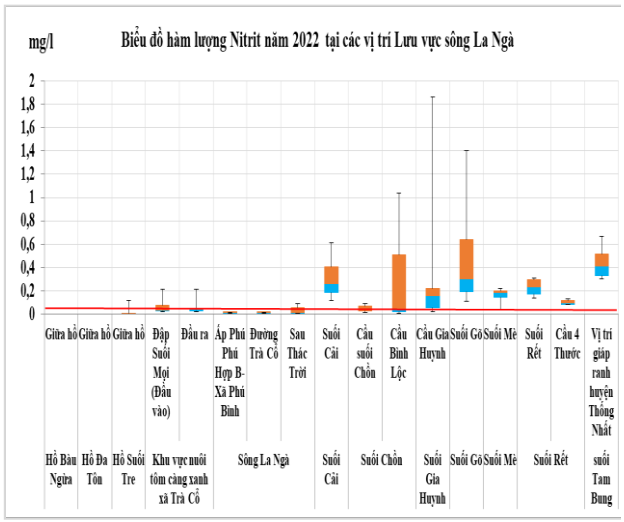


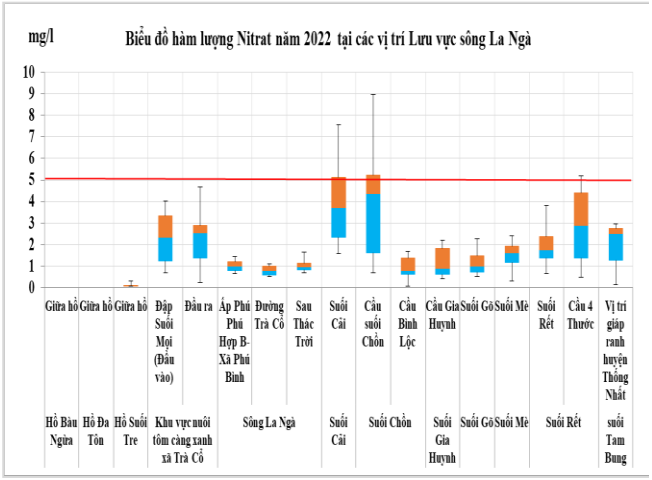


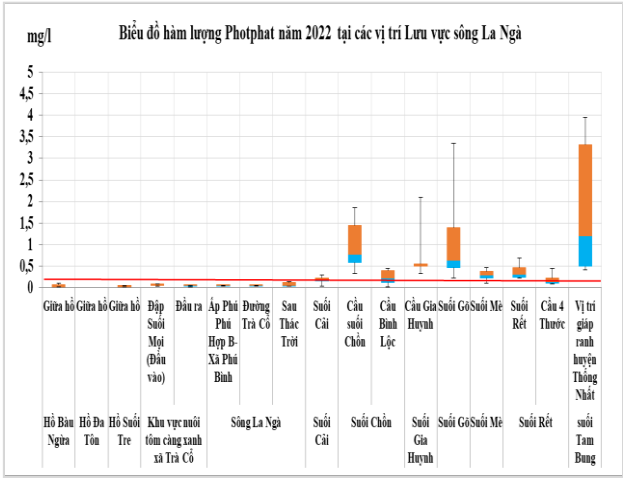
Đối với hàm lượng dinh dưỡng (Amoni, Nitrit, Photphat) tại lưu vực sông La Ngà năm 2022 nhìn chung đạt ngưỡng cho phép, trừ các vị trí tiếp nhận nhiều nguồn thải như Suối Chồn, Suối Cải, Gia Huynh, Suối Gõ, Suối Mè, cầu suối Rết và suối Tam Bung. Hiện tượng ô nhiễm dinh dưỡng tại các vị trí này rất cao ở hầu hết các đợt quan trắc so với QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2. Cụ thể: Amoni

dao động từ 0,05-58,6 mg/l, có 36 mẫu (38%) vượt quy chuẩn từ 1-195,3 lần, vị trí suối Gõ có hàm lượng cao nhất vào thời điểm tháng 01/2022; Nitrit dao động từ 0,003-1,86 mg/l, có 43 mẫu (46%) vượt từ 1,2-37,2 lần, vị trí suối Gia Huynh có hàm lượng cao nhất vào thời điểm tháng 05/2022 ; Photphat dao động từ 0,01-3,96 mg/l, có 35 mẫu (37%) vượt từ 1,2-19,8 lần, hàm lượng Photpho tại suối Tam Bung ghi nhận cao nhất vào tháng 4/2022. Nitrat dao động từ 0,05-8,97 mg/l, có 06 mẫu (6%) vượt từ 1,1-1,8 lần), hàm lượng nitrat tại cầu suối chồn ghi nhận cao nhất vào tháng 8/2022.





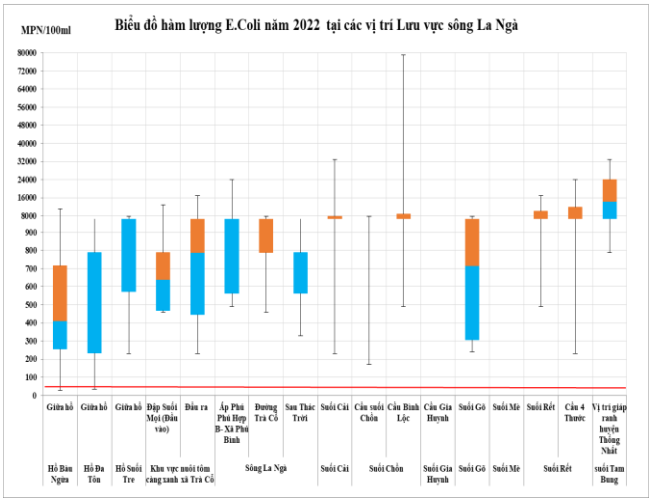


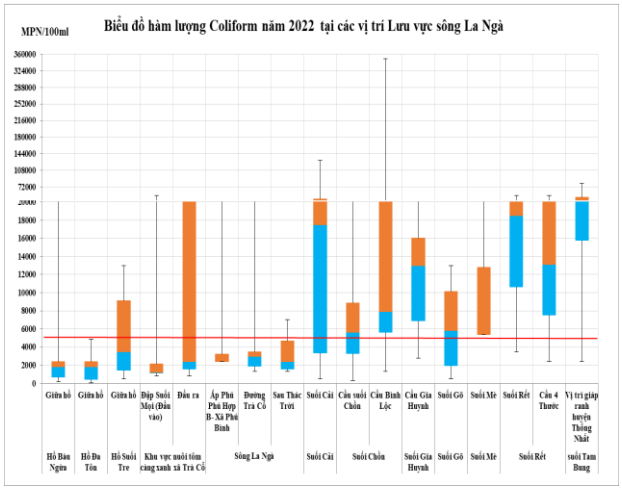


Hàm lượng Coliform tại vị trí hồ hồ Đa Tôn trong năm 2022 luôn đạt quy chuẩn cho phép. Tại các vị trí khác thuộc lưu vực sông La Ngà một số thời điểm chỉ vượt nhẹ so với quy chuẩn cho phép (QC<5.000 MPN/100ml).

Hàm lượng vi sinh cao nhất tại vị trí cầu Bình Lộc (suối Chồn) với hàm lượng Coliform vượt 70 lần, E.Coli vượt 1580 lần vào đợt quan trắc tháng 4/2022. Theo kết quả quan trắc năm 2022, hàm lượng E.Coli có 97% mẫu vượt từ 3,4-1580 lần,

Coliform có 45% mẫu vượt từ 1,1-70 lần. Mức giá trị tập trung phân bố hàm lượng vi sinh năm 2022 giảm so với 3 năm gần đây.





Lưu vực sông La Ngà năm 2022 nhận thấy hàm lượng các thông số quan trắc có xu hướng giảm so với năm 2021 và năm 2020, tại suối Gia Huynh vào thời điểm tháng 01/2022 do dòng nước nhỏ kèm nên lượng TSS và kim loại lẫn trong lơ lửng tăng cao đột biến. Chất lượng nước các phụ lưu của sông La Ngà tuy có cải thiện hơn so với các năm trước nhưng vẫn ở mức ô nhiễm, đặc trưng bởi hàm lượng các chất dinh dưỡng và vi sinh. Do đó, cần có những biện pháp kiểm soát nguồn ô nhiễm đối với lưu vực này.

3. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật của CCN Tân An

3.1. Ngành nghề thu hút đầu tư

Các ngành nghề đầu tư vào dự án thuộc ngành vật liệu xây dựng nhằm khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn huyện để sản xuất đa dạng các loại sản phẩm vật liệu xây dựng, nhất là sản phẩm chế biến tỉnh, sản phẩm chất lượng cao. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ sản xuất sàn phẩm mới, nâng cao chất lượng và tính cạnh tranh của sản phẩm.

Căn cứ theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam, các ngành nghề đầu tư vào dự ăn (nêu cụ thể đến ngành cấp 5) như sau:

Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh:

Sản xuất sản phẩm chịu lửa:

Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;

Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;

Sản xuất đồ gỗ xây dựng;

Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;

Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn;

Sản xuất xi măng;

Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;

Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá.

3.2. Hiện trạng cơ sở hạ tầng

- Tổng diện tích mặt bằng: 501.505 m^2

3.3. Hiện trạng nền đất

Khu đất quy hoạch nằm hoàn toàn trên vùng đất không bị ảnh hưởng khi triều cường và mực nước ngầm, mặt nền khu đất dạng đồi tương đối, phức tạp, đồi cao thấp, lớn nhỏ khác nhau, giữa các đồi là những rãnh nhỏ. Trong khu vực có một vài nơi trũng đọng nước tạo thành những ao nhỏ. Cao độ địa hình thay đổi từ +12,75 m đến +50,16 m và biến đổi không theo quy luật. Địa hình tự nhiên từ Tây Bắc xuống Tây Nam, độ dốc thay đổi theo địa hình đồi.

3.4. Hiện trạng giao thông

Giáp phía Nam dự án có đường đất hiện hữu nối với Tỉnh lộ 768, mặt đường rộng từ 6m đến 9m, là trục đường giao thông có lưu lượng xe lưu thông lớn.

Gần phía Tây Nam dự án khoảng 100m, có đường Cộ (đã có dự án mở rộng), mặt đường rộng từ 6m đến 7m, là trục đường giao thông vào khu vực này.

Gần phía Tây Nam dự án khoảng 200m, có đường Vành Đai 4 (đã có dự án), là trục đường giao thông chính của khu vực Đông Nam Bộ.

Ngoài ra, còn một số đường đất trong khu quy hoạch có chiều rộng mặt đường 2- 6m phục vụ việc đi lại của người dân trong vùng.

3.6. Hiện trạng cấp điện

Do dọc đường đất phía Nam dự án hiện có tuyến cáp trung thế 22KV và tuyến cáp 220 KV nằm giáp phía Tây của dự án.

3.7. Thông tin liên lạc

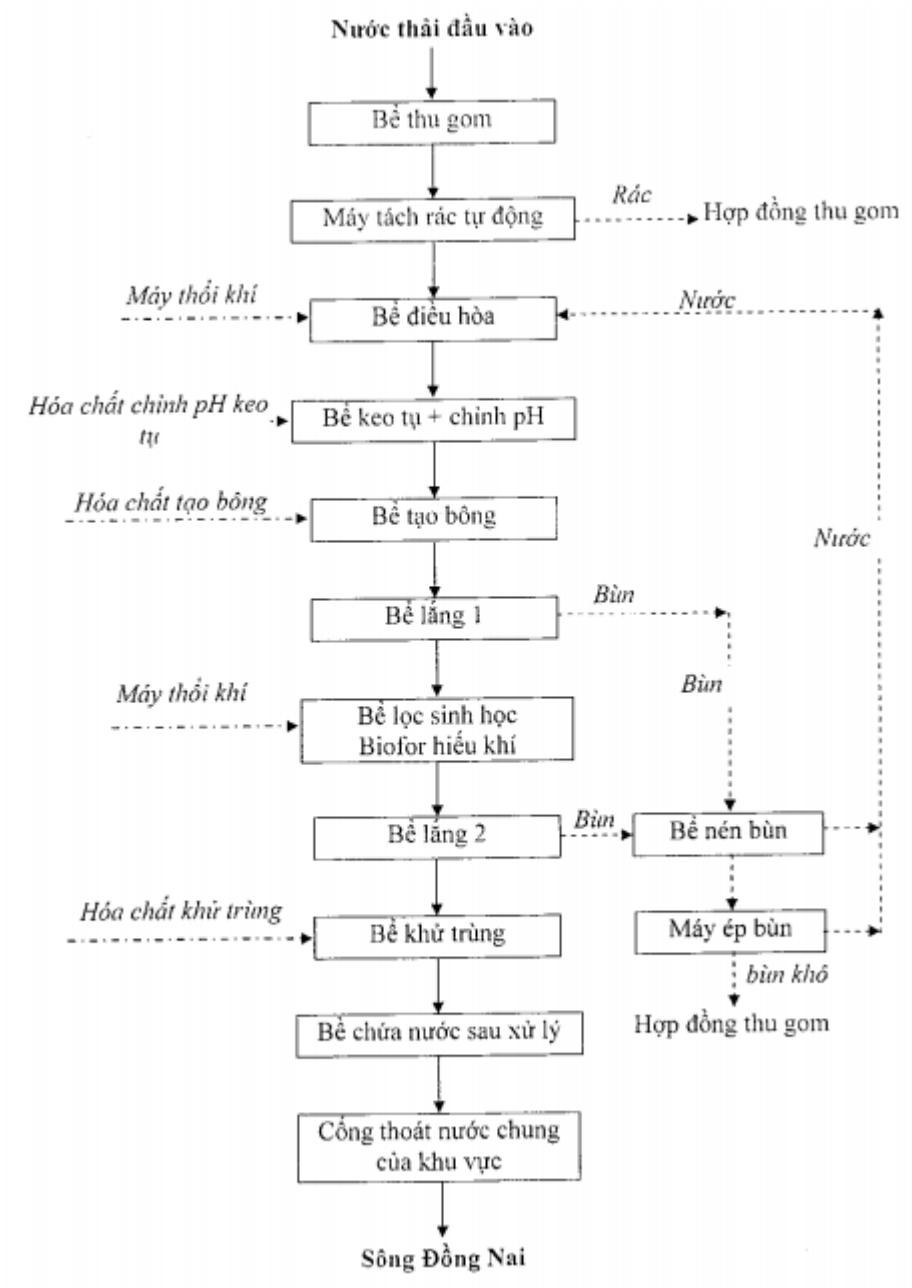
CCN VLXD Tân An có hệ thống thông tin liên lạc đầy đủ đảm bảo liên lạc

trong nước và quốc tế dễ dàng bao gồm điện thoại, điện thoại di động, Fax, Internet cho các nhà đầu tư.

3.8. Hệ thống thoát nước

Hiện nay, CCN hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải cho toàn cụm, toàn bộ nước thải của các doanh nghiệp trong cụm được thu gom đưa về HTXL nước thải tập trung của CCN nhằm xử lý đạt quy chuẩn trước khi theo ống ra suối nhỏ, sau đó chảy vào nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai.

Sơ đồ quy trình hoạt động của Trạm XLNT tập trung CCN được trình bày tại hình sau:



Hình 3.1: Sơ đồ quy trình hoạt động của Trạm XLNT tập trung CCN VLXD Tân An, công suất 300 m^3/ngày.đêm

3.12. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường không khí nơi thực hiện dự án:

Khu vực triển khai dự án nằm trong CCN VLXD Tân An đã được quy hoạch, đã hoàn thiện hạ tầng cơ sở, do đó không có các vùng sinh thái nhạy cảm cũng như không có các loài sinh vật hoang dã sinh sống.

Như đã trình bày, khu vực triển khai dự án nằm trong CCN VLXD Tân An đã được quy hoạch, đã hoàn thiện hạ tầng cơ sở, do đó căn cứ vào Điểm c Khoản 2 Điều 28 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì dự án không phải thực hiện đánh giá hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án.

CHƯƠNG IV

ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Dự án nâng công suất do đó lắp đặt thêm máy móc thiết bị, vì vậy, việc đánh giá các tác động môi trường do hoạt động của dự án được thực hiện theo từng giai đoạn dự án, gồm:

- Giai đoạn thi công lắp đặt máy móc, thiết bị.

- Giai đoạn vận hành.

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công lắp đặt máy móc, thiết bị

1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải.

a) Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt của công nhân lắp đặt máy móc thiết bị phát sinh không nhiều và thời gian thi công ngắn. Đồng thời, nhà máy đã có hệ thống cơ sở hạ tầng hoàn thiện, chủ dự án sẽ cho công nhân sử dụng nhà vệ sinh có sẵn của nhà xưởng.

Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại hiện hữu trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Công ty.

b) Nước mưa chảy tràn

Do dự án được triển khai trong khuôn viên nhà máy hiện hữu, đã có hệ thống thoát nước mưa hoàn chỉnh, đồng bộ nên khả năng ngập úng và nước mưa chảy tràn lôi cuốn chất thải gây ô nhiễm môi trường là không thể xảy ra. Công ty chỉ duy trì các biện pháp phòng chống ngập úng và giảm thiểu ô nhiễm môi trường hiện hữu được áp dụng như sau:

- Quản lý tốt chất thải phát sinh tại khu vực nhằm hạn chế tình trạng rơi vãi xuống đường thoát nước mưa gây tắc nghẽn dòng chảy và gây ô nhiễm môi trường.

- Cử nhân viên thu dọn vật liệu rơi vãi sau mỗi ngày làm việc.

- Tăng cường nạo vét cát, đất chảy tràn vào các hố gas (nếu có), đảm bảo khả năng tiêu thoát nước tốt.

- Kịp thời thay thế các nắp hố gas bị bể (nếu có) để hạn chế khả năng chất thải rơi xuống hố gas.

- Yêu cầu công nhân không được xả rác bừa bãi để tránh tình trạng rác thải bị lôi cuốn vào tuyến thoát nước mưa.

- Không thải nước thải lau nền xưởng xuống cống nước mưa.

- Thu dọn vật liệu rơi vãi sau mỗi ngày làm việc.

1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

a) Chất thải rắn thông thường

**** Chất thải rắn sinh hoạt:***

+ Phổ biến quy định về việc bỏ rác đúng nơi quy định trong khuôn viên của nhà máy cho nhà thầu trước khi vào làm việc trong nhà xưởng.

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh sẽ được thu gom vào các thùng chứa thích hợp trong khu vực dự án, sau đó sẽ được thu gom về khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt của hiện hữu của Công ty.

+ Thu gom và chuyển giao cho đơn vị đang thu gom chất thải sinh hoạt tại Công ty theo đúng quy định.

**** Chất thải công nghiệp không nguy hại***

- Phổ biến quy định về việc bỏ rác đúng nơi quy định trong khuôn viên của nhà máy cho công nhân khi vào làm việc trong nhà máy.

- Lập nội quy công trường yêu cầu các công nhân không xả rác bừa bãi.

- Chất thải thông thường được thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng, đưa về khu lưu giữ chất thải công nghiệp không nguy hại và chuyển giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường diện tích 16 m^2.

b) Chất thải nguy hại

Các loại chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị bao gồm: Bao bì mềm thải, bao tay, giẻ lau dính dầu sẽ được Công ty kiểm soát và quản lý như sau:

- Phổ biến quy định về việc phân loại, thải bỏ chất thải nguy hại tại khu vực quy định trong khuôn viên của nhà xưởng cho nhà thầu trước khi vào làm việc trong xưởng.

- Có bảng hướng dẫn việc phân loại và thải bỏ chất thải nguy hại. Bố trí thùng chứa CTNH có dãn nhãn cho từng loại chất thải riêng biệt tại nhà chứa chất thải nguy hại.

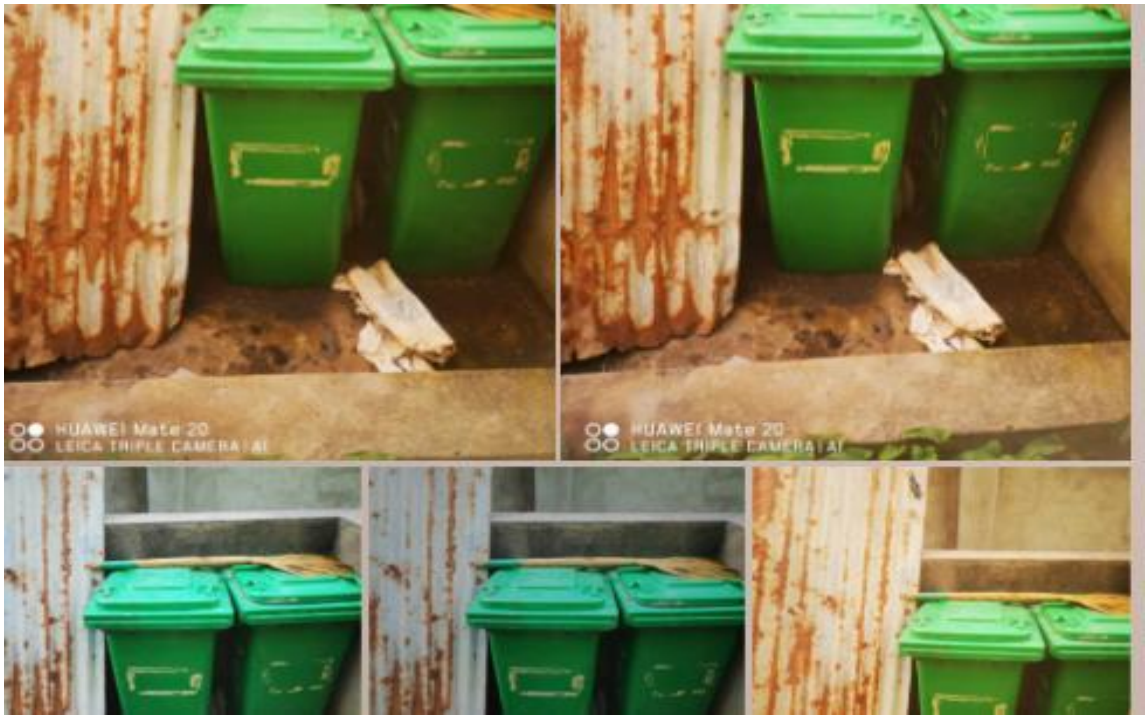
- Kiểm soát nhà thầu trong quá trình thi công lắp đặt dây chuyền sản xuất mới, không được thải bỏ dầu nhớt vào hệ thống đường cống hay mương thoát nước chung của Công ty.

- Cử nhân viên thường xuyên thu gom các loại chất thải nguy hại phát sinh về chứa trong kho lưu giữ an toàn chất thải nguy hại hiện hữu của Công ty. Sau đó, Công ty sẽ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn quản lý chất thải nguy hại.

- Trang bị 2 thùng chứa có nắp đậy đặt tại khu vực công trường;

- Thùng chứa có nắp đậy, thể tích 60 lít, vật liệu HDPE

Hình ảnh khu chất thải.



1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a) Giảm thiểu ô nhiễm do khí thải, bụi từ quá trình thi công, vận chuyển

Khí thải từ các phương tiện giao thông và các máy móc, thiết bị phục vụ cho việc lắp đặt dây chuyền sản xuất của dự án là nguồn ô nhiễm phân tán và rất khó

kiểm soát. Để hạn chế các tác động từ nguồn ô nhiễm trên, Chủ dự án và đơn vị thi công sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Khu vực thực hiện dự án nằm trong nhà xưởng hiện hữu nên Công ty sẽ áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa nguồn gây ô nhiễm không khí là lập kế hoạch vận chuyển, tập kết, lắp đặt trong thời gian ngắn (tối đa là 10 ngày) và việc tập kết, lắp đặt máy móc, thiết bị được triển khai bên trong khu vực nhà kho hiện hữu.

- Các phương tiện giao thông vận tải và các máy móc phải sử dụng đúng thiết kế của động cơ, không hoạt động quá công suất thiết kế. Sử dụng dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp (0,05%S).

- Các xe vận chuyển không chở quá 90% thể tích của thùng xe và được bao phủ kín khi vận chuyển, đảm bảo không để tình trạng rơi vãi trên đường vận chuyển.

- Các phương tiện đi vào khu vực dự án phải đậu đúng vị trí, tắt máy xe trong quá trình bốc dỡ các loại máy móc, thiết bị. Sau khi hoàn thành thì mới được nổ máy ra khỏi khu vực.

- Quy định chế độ xe ra vào khu vực hợp lý. Yêu cầu các xe ra vào phải giảm tốc độ dưới 10km/giờ.

- Tài xế lái xe tuân thủ các quy định luật giao thông nhằm tránh ùn tắc, an toàn khi di chuyển.

- Các phương tiện sử dụng trong vận chuyển và thi công phải đạt tiêu chuẩn của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng và thay thế các linh kiện hư hỏng đảm bảo xe luôn vận hành trong tình trạng tốt nhất.

b) Giảm thiểu ô nhiễm do bụi từ quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị

Các máy móc, thiết bị phục vụ dự án đã được thiết kế, gia công hoàn thiện sẵn sàng (bao gồm các công đoạn kết nối và sơn hoàn thiện). Do đa phần thiết bị đều có kết cấu là kim loại khó gỉ sét nên không cần sơn bề mặt, dự án chỉ tiếp nhận và gia công hàn, bắt vít kết nối các máy móc, thiết bị khi bố trí trên nền nhà máy hiện hữu. Do đó, tải lượng khí thải phát sinh từ công đoạn lắp đặt máy móc thiết bị là không cao, phát sinh trong khoảng thời gian ngắn và chỉ ảnh hưởng cục bộ đến công nhân làm việc tại công đoạn này. Để hạn chế ô nhiễm từ quá trình này, Chủ dự án và đơn vị thi công sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Dùng bạt nylon che chắn tạm thời.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ cá nhân phù hợp như: nón bảo hộ, khẩu trang, mắt kính, găng tay da,… nhằm hạn chế các ảnh hưởng xấu đối với công nhân thi công.

1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

a) Giảm thiểu tiếng ồn

Tiếng ồn gây tác động trực tiếp đến công nhân thi công. Tiếng ồn có thể át đi hiệu lệnh cần thiết, gây tai nạn lao động cho công nhân. Để giảm ảnh hưởng của tiếng ồn và độ rung trong quá trình thi công, chủ dự án áp dụng các biện pháp sau:

- Tăng cường giáo dục ý thức về an toàn lao động cho công nhân.

- Lắp đặt các biển báo hiệu, biển cấm tại những nơi cần thiết.

- Xe vận chuyển thiết bị, máy móc hoạt động vào thời gian thích hợp và khoảng cách hợp lý, không hoạt động tập trung để tránh việc cộng hưởng tiếng ồn. Hạn chế các nguồn gây tiếng ồn vào ban ngày làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất của Công ty.

- Các máy móc, thiết bị thi công có lý lịch kèm theo và được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.

Các biện pháp khác:

- Đơn vị thi công sẽ sử dụng các máy móc, thiết bị mới có độ ồn thấp.

- Công nhân thi công trong khu vực tập trung nhiều máy móc, tiếng ồn cao được trang bị các thiết bị hỗ trợ chống ồn như nút bịt tai.

- Lắp đệm cao su cho các máy móc, thiết bị có khả năng phát sinh tiếng ồn và độ rung lớn.

1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Biện pháp an toàn lao động

Khi thi công lắp đặt các máy móc, thiết bị trong khu vực nhà xưởng hiện hữu có khả năng phát sinh tia lửa điện hoặc nhiệt thừa, khi tiếp xúc với vật liệu dễ cháy có khả năng gây cháy nổ, hoặc có thể xảy ra trường hợp va chạm giữa các công cụ, thiết bị với công nhân trực tiếp sản xuất gây tai nạn lao động. Chủ dự án và đơn vị thi công sẽ luôn chú trọng và đảm bảo an toàn lao động trong quá trình thi công bằng áp dụng các biện pháp sau:

Đăng ký công việc hàng ngày với bộ phận an toàn, đối với những công việc nguy hiểm như làm việc trên cao, hàn cắt, làm việc với thiết bị nâng, làm việc trong không gian kín, thao tác với hệ thống điện…. nhà thầu phải đăng ký giấy phép làm việc và phải được bộ phận an toàn phê duyệt trước khi làm.

Mỗi nhà thầu phải có 1 nhân viên giám sát an toàn. Nhà thầu phải tổ chức họp buổi sáng cho toàn bộ nhân viên để triển khai công việc và nhắc nhở về an toàn.

- Cung cấp đầy đủ và đúng chủng loại các trang bị bảo hộ lao động cho công nhân (giày bảo hộ lao động, mũ bảo hộ lao động, áo phản quang khi thi công).

- Đặt các biển hiệu cảnh báo tại khu vực đang thi công.

- Lắp đặt vách ngăn tạm thời để tạo khoảng cách ly quanh khu vực thi công cũng như hạn chế người không có phận sự ra vào khu vực.

- Đối với nhân công thi công tại nhà máy được đào tạo kỹ về an toàn lao động và vượt qua kỳ thi về an toàn lao động trước khi thi công tại nhà máy.

*** Ngoài ra chủ dự án còn thực hiện các biện pháp sau:**

Đào tạo an toàn và cấp thẻ an toàn cho toàn bộ nhân viên nhà thầu trước khi thực hiện dự án.

- Ban hành và áp dụng quy định nội quy làm việc, an toàn lao động trong quá trình thi công, bao gồm: nội quy ra, vào nhà xưởng; nội quy về trang phục bảo hộ lao động; nội quy sử dụng trang thiết bị an toàn lao động và PCCC; nội quy về an toàn điện; an toàn giao thông; an toàn cháy nổ.

- Cử người giám sát, theo dõi việc tuân thủ nội dung về an toàn lao động của công nhân để kịp thời nhắc nhở. Trường hợp xảy ra tai nạn lao động, thì lập biên bản xác định nguyên nhân tai nạn và áp dụng các biện pháp khắc phục kịp thời nhằm tránh xảy ra tai nạn tương tự.

- Trang bị các phương tiện chữa cháy tại khu vực thi công và nhà xưởng (bình bọt, bình CO_2, bao cát, xẻng, họng nước cứu hỏa, còi, kẻng…).

- Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc. Kiên quyết đình chỉ công việc của công nhân khi thiếu trang bị bảo hộ lao động.

Đây là những biện pháp mang tính khả thi cao. Tuy nhiên, để thực hiện triệt để thì Chủ dự án phải có ý thức bảo vệ môi trường, coi trọng sự an toàn và sức

khỏe của công nhân thi công trên công trường và ngay bản thân các công nhân cũng phải có ý thức tự bảo vệ mình tránh xảy ra các trường hợp đáng tiếc.

b) Khắc phục sự cố rò rỉ nhiên liệu, cháy nổ

Trên thực tế cho thấy các tác động của hoạt động này đến môi trường không khí cũng ít xảy ra, trừ khi xảy ra các sự cố rò rỉ, cháy nổ kho chứa nguyên, nhiên liệu. Các biện pháp phòng chống rò rỉ, phòng cháy chữa cháy (PCCC) như:

- Chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ chữa cháy là bình CO_2 còn hạn sử dụng và sẵn sàng ứng phó với các rủi ro.

- Tập huấn an toàn lao động và phòng chống cháy nổ cho công nhân trước khi bắt đầu lắp đặt máy móc thiết bị.

- Bố trí máy móc, thiết bị một cách thích hợp. Đặc biệt không chứa nhiên liệu (dầu máy) gần khu vực gia nhiệt hoặc có nhiều người qua lại.

- Các thiết bị điện phải được kê, treo cao khỏi mặt đất để tránh chạm đi.

c) An toàn giao thông trong giai đoạn thi công

Để phòng ngừa, ứng phó đối với rủi ro, sự cố tai nạn giao thông, Công ty sẽ thực hiện tốt các giải pháp sau:

- Các loại xe tải tham gia vận chuyển máy móc thiết bị cho dự án phải có giấy đăng kiểm, lái xe phải có bằng lái, không chở quá tải trọng cho phép và chấp hành nghiêm luật giao thông đường bộ.

- Bố trí người làm tín hiệu quay đầu hoặc khi lùi xe.

- Chạy đúng tốc độ quy định trong khu vực dự án.

- Thực hiện đúng chế độ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển cũng như các máy móc thiết bị, không sử dụng các phương tiện, máy móc, thiết bị không bảo đảm an toàn.

- Không để người qua lại khu vực nhà xưởng khi đang lắp đặt máy móc thiết bị

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án đã được xây dựng tách riêng hoàn toàn với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

- Hệ thống thu gom nước mưa được thiết kế dựa trên cao độ nền của dự án

thuận tiện cho nước mưa tự chảy. Nước mưa trên mái nhà và nước mưa chảy tràn được thu gom về mương thu gom nước mưa, sau đó đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa của CCN. Hệ thống thu gom nước mưa tại dự án gồm:

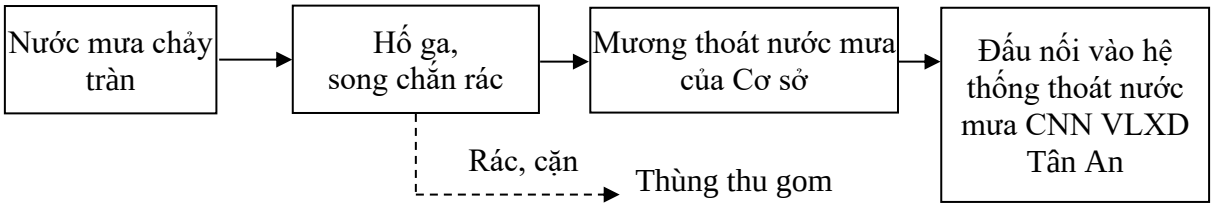
+ Nước mưa trên mái nhà xưởng: Được thu gom bằng hệ thống máng xối, qua lưới lọc rác, sau đó chảy theo ống nhựa PVC đường kính 90mm về mương thu gom nước mưa được xây dựng bằng bê tông và có tấm đan che đậy có bề rộng D400, D600, D800mm.

+ Nước mưa chảy tràn: Được chảy theo độ dốc địa hình về các hố ga dọc mương thu gom nước mưa có bố trí song chắn rác nhằm tách rác có kích thước lớn. Hố ga có cấu tạo BTCT, kích thước 1,0x1,0m.

+ Mương thu gom nước mưa: Được bố trí xung quanh các nhà xưởng sản xuất và dọc đường nội bộ, có cấu tạo BTCT, gồm các đường kính D400mm, D600mm, D800mm.

+ Nước mưa theo cống thu gom chảy về đấu nối vào hệ thống nước mưa của CCN VLXD Tân An trên đường N2.

Toàn bộ lượng nước mưa sẽ được thu gom theo cống thoát nước mưa nội bộ của cơ sở sau đó đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa CCN VLXD Tân An.



Hình 4.1: Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn của dự án

Ngoài ra, Khu nhà xưởng có bố trí công nhân quét dọn, thu gom vệ sinh hàng ngày để hạn chế các chất bẩn có trên mặt bằng khu vực nhằm giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước cũng như tạo môi trường sạch sẽ. Đối với lượng chất rắn lắng tại các hố ga như: đất cát, rác,… được định kỳ nạo vét, thu gom, xử lý theo quy định để tránh tắc nghẽn cống thoát nước mưa.

Đối với các khu vực chứa nguyên liệu bố trí mái che, gờ bao nhằm đảm bảo không bị nước mưa xâm nhập làm ô nhiễm nguồn nước mưa.

2.2. Thu gom, thoát nước thải

2.2.1. Nguồn phát sinh nước thải

* ***Đánh giá tác động:***

Lượng nước thải phát sinh tại nhà máy được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 4.1: Bảng thống kê lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Lượng nước sử dụng	Lượng nước thải phát sinh	Ghi chú
1	Nước cấp cho sinh hoạt	m^3/ngày	3,6	2,88	80% nước cấp
2	Nước cấp cho sản xuất	m^3/ngày	1,0	0	Không thải
3	Nước cấp cho lò nung, lò sấy	m^3/ngày	0,5	0	Không thải
4	Nước tưới cây, làm ẩm nhà xưởng	m^3/ngày	2,0	0	Không thải
Tổng cộng			**7,1**	**2,88**	**-**

**** Nước thải sinh hoạt***

Tổng số lao động cho dự án sau khi nâng công suất là 45 người. Lượng nước thải phát sinh do hoạt động sinh hoạt cho dự án khi hoạt động ổn định là: 2,88 m^3/ngày (bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải vệ sinh văn phòng, nhà xưởng)

Đặc trưng nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt có chứa các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học, các hợp chất dinh dưỡng (N,P), dầu mỡ động thực vật, vi khuẩn… các chất này gây hiện tượng phú dưỡng hóa nguồn nước làm ảnh hưởng đến chất lượng nước gây tác hại cho đời sống các sinh vật thuỷ sinh nếu không được xử lý mà thải trực tiếp ra ngoài.

Bảng 4.1: Nồng độ các chất ô nhiễm đặc trưng trong nước thải sinh hoạt

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Nước thải chưa qua xử lý	Giới hạn tiếp nhận của CCN VLXD Tân An
1	pH	-	-	**5,5 – 9**
2	TSS	mg/l	100 - **350**	**300**
3	BOD_5	mg/l	110 - **400**	**300**
4	COD	mg/l	250 - **1000**	**350**
5	Tổng N	mg/l	20 - **85**	**40**
6	Tổng P	mg/l	4 - **15**	**6**
7	Coliform	MNP/100ml	$10^6 \div 10^7 – 10^7 \div 10^9$	**KQĐ**

(Nguồn: Xử lý nước thải đô thị và công nghiệp, Lâm Minh Triết)

Nhận xét: Các chỉ tiêu ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý sơ

bộ vượt giới hạn cho phép của HTXLNT của CCN VLXD Tân An, do đó phải có biện pháp xử lý phù hợp lượng nước thải này trước khi đấu nối vào HTXLNT của CCN VLXD Tân An.

Tác động:

Nếu nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động của dự án không được xử lý đạt giới hạn đấu nối quy định của CCN VLXD Tân An có khả năng ảnh hưởng đến hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp. Trường hợp nước thải sau xử lý của Nhà máy xử lý nước thải tập trung của CCN VLXD Tân An không được xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải vào nguồn tiếp nhận sẽ gây một số tác động như sau:

- Tác động của các chất hữu cơ: hàm lượng chất hữu cơ cao sẽ làm nồng độ oxy hòa tan (DO) trong nước giảm đi nhanh chóng do vi sinh vật cần lấy oxy hòa tan trong nước để chuyển hóa các chất hữu cơ nói trên thành CO_2, N_2, H_2O, CH_4 … Nếu nồng độ DO dưới 3 mg/l sẽ kìm hãm sự phát triển của thủy sinh vật và ảnh hưởng đến sự phát triển của hệ sinh thái thủy vực. Loại nước thải này nếu bị ứ đọng ngoài môi trường sẽ gây mùi hôi thối khó chịu do các chất hữu cơ bị phân hủy tạo thành. Mặt khác do quá trình phân hủy các hợp chất hữu cơ sẽ làm cho các hợp chất nitơ và phospho khuyếch tán trở lại trong nước, sự gia tăng nồng độ các chất dinh dưỡng này trong nước có thể dẫn đến hiện tượng phú dưỡng hóa.

- Tác động của các chất rắn lơ lửng: Các chất rắn lơ lửng khi thải ra môi trường nước sẽ nổi lên trên mặt nước tạo thành lớp dầy, lâu dần lớp đó ngã màu xám, không những làm mất vẻ mỹ quan mà quan trọng hơn chính lớp vật nổi này sẽ ngăn cản quá trình trao đổi oxy và truyền sáng, dẫn nước đến tình trạng kỵ khí. Mặt khác một phần cặn lắng xuống đáy sẽ bị phân hủy trong điều kiện kỵ khí, sẽ tạo ra mùi hôi cho khu vực xung quanh. Chất rắn lơ lửng sẽ làm giảm khả năng quang hợp, đồng thời làm giảm sự sinh trưởng và phát triển của thực vật trong nước.

- Tác động của vi sinh vật: làm lây lan dịch bệnh, gây nguy hiểm cho sức khỏe con người và động vật khi sử dụng nguồn nước bị nhiễm vi sinh vật gây bệnh. Nước có lẫn các loại vi khuẩn gây bệnh thường là nguyên nhân của các dịch bệnh thương hàn, phó thương hàn, lỵ, tả. Tùy điều kiện mà vi khuẩn có sức chịu đựng mạnh hay yếu. Các nguồn nước thiên nhiên thường có một số loài vi khuẩn thường xuyên sống trong nước hoặc một số vi khuẩn từ đất nhiễm vào. Coliform là nhóm vi khuẩn đường ruột hình que hiếu khí hoặc kỵ khí tùy tiện và đặc biệt là

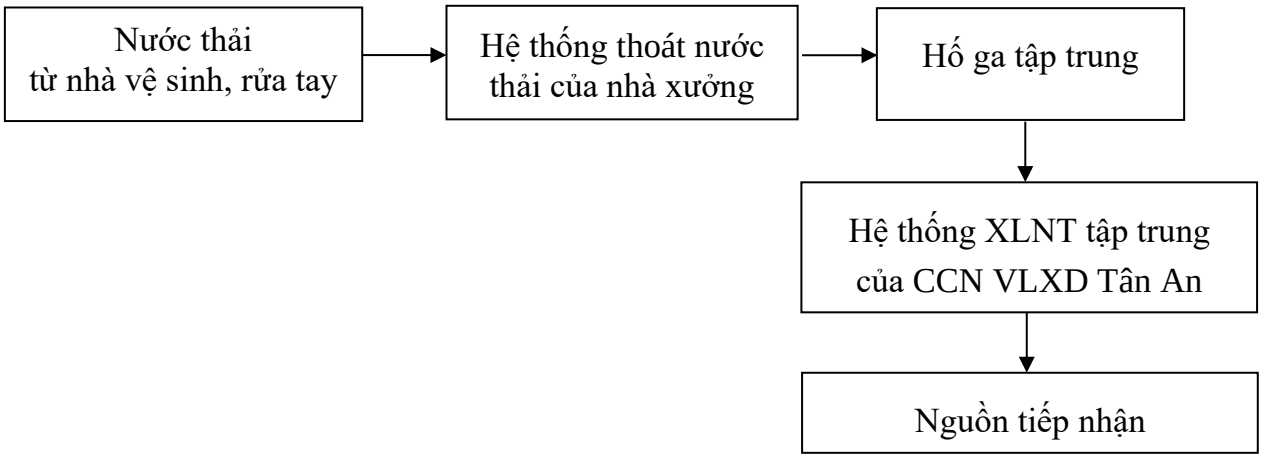
Escherichia Coli (E. Coli). E. Coli là một loại vi khuẩn có nhiều trong phân người và phân động vật máu nóng. Ước tính có tới 70% bệnh truyền nhiễm được truyền qua đường nước có nhiễm tác nhân gây bệnh.

- Tác động của các chất dinh dưỡng (N, P): sự dư thừa các chất dinh dưỡng dẫn đến sự bùng nổ của những loài tảo. Sự phân hủy của tảo hấp thụ rất nhiều oxy. Thiếu oxy, các thành phần trong nước sẽ lên men và bốc mùi hôi thối. Ngoài ra, quá trình nổi lên trên bề mặt nước của tảo tạo thành lớp màng khiến cho tầng nước phía dưới không có ánh sáng, thiếu oxy. Lúc này quá trình quang hợp của các thực vật tầng dưới bị suy giảm. Nồng độ Nitơ cao hơn 1 (mg/l) và Photpho cao hơn 0,01 (mg/l) tại các dòng chảy chậm là điều kiện gây nên sự bùng nổ của tảo gây hiện tượng phú dưỡng hóa. Phú dưỡng làm giảm sút chất lượng nước do gia tăng độ đục, tăng hàm lượng hữu cơ và có thể có độc tố do tảo tiết ra gây cản trở đời sống của thuỷ sinh.

- Các vi khuẩn gây bệnh: Nước có lẫn vi khuẩn gây bệnh là nguyên nhân của các dịch bệnh thương hàn, phó thương hàn, lỵ, tả; Coliform là nhóm vi khuẩn gây bệnh đường ruột; E.coli (Escherichia Coli) là vi khuẩn thuộc nhóm Coliform, có nhiều trong phân người.

2.2.2. Công trình thu gom, thoát nước thải:

* Sơ đồ minh hoạt phương án thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy:



Hình 4.2: Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của dự án

- ***Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt:***

Nước thải từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên, nước thải từ quá trình vệ sinh văn phòng, nhà xưởng tại Nhà máy được thu gom đưa về bể tự hoại 3 ngăn (11 bể tự hoại tại văn phòng, nhà xưởng sản xuất và 1 bể tại nhà bảo vệ), để xử lý

sơ bộ trước khi đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của CCN VLXD Tân An bằng ống PVC D 250.

2.2.2. Điểm xả nước thải của dự án

Toàn bộ nước thải phát sinh sau khi xử lý sơ bộ trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN VLXD Tân An tại 2 vị trí đấu nối thoát nước thải tại trước cổng nhà máy.

Công ty đã lắp đặt 12 bể tự hoại có tổng thể tích là 57,5 m^3, cụ thể:

+ 1 bể tự hoại tại nhà bảo vệ, thể tích 2,5 m^3

+ 1 bể tự hoại tại văn phòng, thể tích 5 m^3

+ 10 bể tự hoại tại nhà xưởng sản xuất, thể tích 5 m^3/bể

- Vị trí đấu nối: 02 Hố ga tại nhà máy.

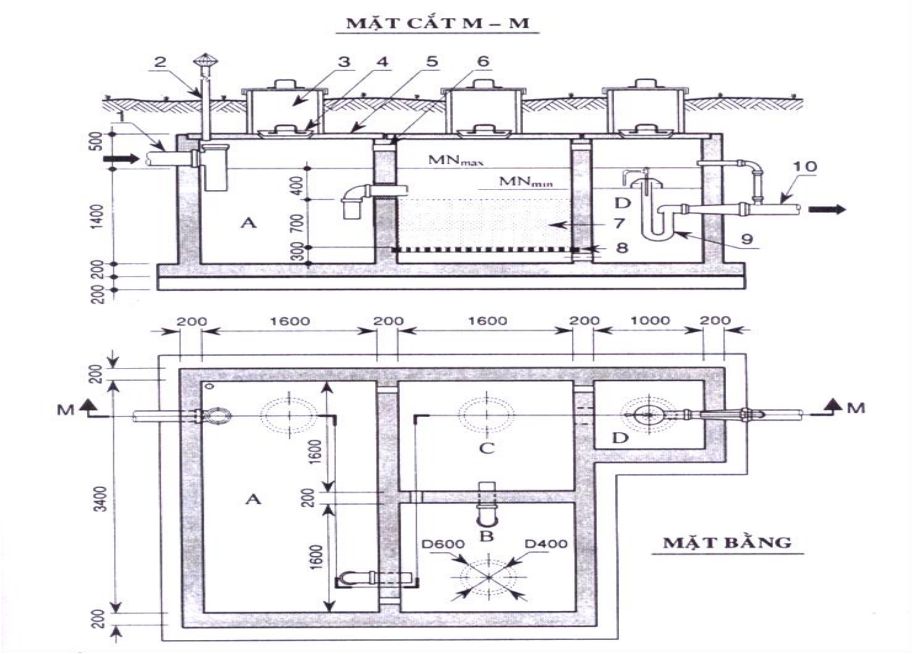
- Tọa độ vị trí:

+ Hố ga 1: X = 1198921; Y = 0416302

+ Hố ga 2: X = 1198921; Y = 0416302

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $107^0 45$, múi chiếu 3^0).

Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn được sử dụng tại của dự án như sau:



Hình 3.1. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

A: Ngăn tự hoại (ngăn thứ nhất), B: Ngăn lắng (ngăn thứ hai)

C: Ngăn lọc (ngăn thứ ba), D: Ngăn định lượng với xi phông tự động

1 - Ống dẫn nước thải vào bể tự hoại; 2 - Ống thông hơi; 3 - Hộp bảo vệ; 4 - Nắp để hút cặn; 5 - Đan bê tông cốt thép nắp bể; 6 - Lỗ thông hơi; 7 - Vật liệu lọc; 8 - Đan rút nước; 9 - Xi phông định lượng; 10 - Ống dẫn nước thải đến công trình xử lý tiếp theo.

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại như sau:

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh, khu vực rửa tay công nhân viên được dẫn đến hệ thống bể xử lý tự hoại, thông qua các cống thoát đã được xi măng hóa. Bể tự hoại là công trình đồng thời làm 2 chức năng: Lắng và phân hủy cặn lắng. Bể tự hoại được thiết kế 3 ngăn, khi nước thải đổ vào bể sẽ được giữ lại ở ngăn thứ I. Tại đây các chất rắn lơ lửng có kích thước lớn được giữ lại và phần nước tiếp tục qua ngăn thứ II, ở ngăn thứ II nước được giữ ổn định trong một thời gian, để tiếp tục lắng các chất lơ lửng có kích thước hạt nhỏ. Mặt khác nước chứa trong bể tự hoại, dưới sự ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí, một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Nước thải được giữ trong bể tự hoại trong một thời gian nhất định, để đảm bảo hiệu suất lắng cũng như phân hủy sau đó nước thải tiếp tục được dẫn về hệ thống thoát nước chung của CCN VLXD Tân An.

❖ ***Đối với nước thải sản xuất****:* Do đặc trưng ngành nghề sản xuất của nhà máy, Công ty không phát sinh nước thải sản xuất.

2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a) Giảm thiểu bụi và khí thải từ hoạt động giao thông, vận chuyển

- Sử dụng các xe vận chuyển đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường để hạn chế khí thải trong quá trình vận chuyển.

- Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp cho các phương tiện vận chuyển.

- Xe vận chuyển luôn được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo các thông số khí thải của xe đạt yêu cầu về mặt môi trường.

- Điều tiết và hạn chế tốc độ xe trong khu vực dự án để giảm lượng bụi trong không khí.

- Chọn thời điểm để vận chuyển hợp lý để tránh ùn tắc giao thông, kẹt đường chung với các phương tiện của các công ty, nhà máy khác làm ô nhiễm cục bộ

môi trường không khí trong một thời gian.

- Bê tông hóa các sân đường nội bộ trong phạm vi nhà máy. Đồng thời trồng cây xanh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí. Tán cây xanh dày có thể hấp thụ bức xạ mặt trời, điều hòa các yếu tố vi khí hậu, chống ồn, hấp thụ khói bụi và những hỗn hợp khí như: SO_2, CO_2, hợp chất chứa nitơ, photpho, các yếu tố vi lượng độc hại khác như Pb, Cu, Fe…

b) Biện pháp giảm thiểu khí thải từ quá trình sản xuất

Dự án phát sinh bụi, khí thải chủ yếu từ lò nung, lò sấy, tuy nhiên Lò Tuynel có dạng ống trụ hình chữ nhật đặt nằm thẳng kích thước (3.990 x 4.055 x 55.750mm, có chế độ làm việc liên tục, sử dụng các dạng nhiên liệu khác nhau. Sản phẩm nung được đặt trên các toa xe goòng chuyển động ngược chiều với chiều chuyển động của khí nóng. Lò có những bộ phận hồi lưu và trộn khí, tránh sự phân lớp khí làm nhiệt độ lò không đồng đều. Lò được chia làm 3 vùng: vùng đốt nóng, vùng nung và vùng làm nguội. Không khí lạnh dần được đốt nóng lên sau khi làm nguội sản phẩm và được chuyển sang vùng nung tham gia quá trình cháy. Không khí nóng được chuyển sang vùng đốt nóng sấy khô sản phẩm mộc và đốt nóng dần chúng lên trước khi chuyển sang vùng nung. Khói lò được thải ra ngoài qua ống khói nhờ quạt hút. Sự tuần hoàn của khí thải cho phép tạo ra chế độ nhiệt và chế độ ẩm dịu hơn, làm cho nhiệt độ đồng đều trên tiết diện lò, giảm tác động có hại của không khí lạnh lọt vào.

Tính năng kỹ thuật của lò tuynen:

- Chế độ đốt lò liên tục;

- Khí thải thoát qua ống khói nhờ quạt hút, ống khói xây bằng inox cao 20m. Lượng khói thải ra được tận dụng tối đa để sử dụng nhiệt thừa của khói lò nung đưa sang lò tuynel sấy mộc, nhằm tiết kiệm nhiên liệu. Điều này khiến cho lượng bụi thải ra rất ít và nhiệt thải ra tới mức tối thiểu. Nhiệt độ của khí thải khi ra khỏi lò sấy chỉ còn 40 – 50^0C, không ảnh hưởng tới sức khoẻ của người lao động.



2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

Chất thải rắn được thu gom, lưu giữ và xử lý triệt để đúng theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

Để thực hiện tốt việc quản lý chất thải rắn, vấn đề quan trọng đầu tiên là phải phân loại chất thải ngay tại nguồn phát sinh. Chất thải rắn được phân loại ngay tại nguồn phát sinh nhằm tái sử dụng chất thải rắn, đơn giản hóa quá trình xử lý, giúp tiết kiệm chi phí và giảm thiểu tác động đến môi trường.

Biện pháp thu gom, phân loại chất thải rắn như sau:

- Bố trí các thùng chứa chất thải có chú thích đầy đủ chức năng của mỗi thùng: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại và chất thải nguy hại, đặt tại các khu vực phát sinh chất thải phù hợp.

- Hướng dẫn công nhân viên cách phân loại chất thải và thu gom chất thải đúng chủng loại, tính chất của từng chất thải.

- Mỗi thùng chứa chất thải được thu gom vào cuối ngày, chuyển về kho chứa chất thải đã được phân chia theo từng khu chứa: Khu vực chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại và chất thải nguy hại với các biển báo phù hợp.

Bảng 4.2: Với diện tích, kết cấu công trình như sau:

Công trình	Diện tích	Kết cấu
Khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt	10 m^2 (nằm bên trong nhà	Theo Điều 33 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày

Công trình	Diện tích	Kết cấu
Khu vực lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường	xưởng)	10/01/2022
Khu lưu giữ chất thải nguy hại	12 m^2 (nằm bên trong nhà xưởng)	Theo Điều 35 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022

2.3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

Nguồn phát sinh: từ hoạt động sản xuất của nhà máy bao gồm các thành phần được loại bỏ ra trong quá trình sản xuất.

Thành phần:

Thành phần chủ yếu trong chất thải rắn công nghiệp không nguy hại là các loại bao bì giấy vụn văn phòng, gạch vỡ xà bần,… Ngoài ra thành phần chất thải còn có các loại vật liệu đóng gói sau khi sử dụng nguyên liệu.

Khối lượng chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phát sinh từ hoạt động dự án sản xuất tối đa như sau:

Bảng 4.3: Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh

STT	Nhóm CTRSH	Số lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Phân loại chất thải
1	Hộp chứa mực in thải (mực in văn phòng)	5	08 02 08	TT
2	Bao bì, giấy loại bỏ từ văn phòng	94	18 01 05	TT-R
3	Gạch vỡ xà bần	950.620		TT-R
4	Tro, xỉ than công nghiệp từ lò đốt không chứa thành phần nguy hại	112.000	04 02 06	
5	Bùn thải từ bể tự hoại	300	12 07 07	TT
Tổng cộng		**106.301,9**		

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt dự kiến phát sinh khi dự án đi vào hoạt động như sau:

Bảng 4.4: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	7,02

b) Biện pháp lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

- **Biện pháp lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

Phần chất thải này được thu gom bằng các thùng rác và được đơn vị có chức năng thu gom theo quy định.

Vấn đề thu gom và xử lý rác sinh hoạt được kiến nghị như sau:

Trong từng phòng và từng khu vực nhà máy đều trang bị các loại thùng rác có nắp đậy: 1 thùng đựng rác loại cứng như vỏ đồ hộp, các loại chai thủy tinh, chai nhựa,…; 1 thùng đựng rác có dạng mềm, ướt dễ phân hủy như: thức ăn thừa, vỏ trái cây.

Các thùng chứa dung tích 60 lít được lót bên trong bằng túi nylon để tiện thu gom. Chất thải sau khi thu gom sẽ được bảo quản cẩn thận, không để xảy ra tình trạng các thùng chứa chất thải bị phân hủy bởi nước mưa và ánh sáng mặt trời (đặc biệt là đối với một số loại chất thải có khả năng gây ô nhiễm đất, hoặc đối với những chất thải có thành phần dễ hòa tan trong nước hay dễ phân hủy, từ đó làm ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm).

Các thùng này được nhân viên thu gom theo lịch trình nhất định, định kỳ 1 lần/ngày, sau đó chuyển thẳng vào thùng chứa rác lớn để vào khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt của Công ty diện tích 15 m^2 (được đặt bên của trong xưởng).

Theo tính toán, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt của Dự án là 585kg/tháng. Với trọng lượng riêng của rác là 300 kg/m^3. Tần suất thu gom 1 lần/tuần, trang bị 1 thùng rác đẩy tay để tập kết rác, loại thùng 660 lít có nắp đậy. Định kỳ 1 tuần/lần hoặc phụ thuộc vào khối lượng phát sinh sẽ giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- **Biện pháp lưu giữ chất thải rắn công nghiệp không nguy hại**

Chủ dự án bố trí các thùng chứa tại khu vực sản xuất, để thu gom toàn bộ lượng CTR không nguy hại phát sinh, sau đó vận chuyển về kho chứa CTR sản xuất thông thường.

CTR không nguy hại được đưa về lưu chứa tại khu lưu chứ chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích 10 m^2 (với tổng diện tích kho chứa 22 m^2).

Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý CTR không nguy hại theo đúng quy định.

Địa điểm thu gom: tại kho chứa CTR công nghiệp của nhà máy.

Tần suất: 3 lần/tuần hoặc ít/nhiều hơn tùy thuộc vào khối lượng chất thải phát sinh.

c) Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

Công ty đã bố trí kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp thông thường có bao lưới B40 cao 1,5m, nền bê tông được bố trí bên trong nhà xưởng có diện tích 10 m^2 (với tổng diện tích kho chứa 22 m^2) để lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt trước khi giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

Công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường đáp ứng theo hướng dẫn tại điều 33, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

a) Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

Nguồn phát sinh:

Chất thải nguy hại phát sinh tại dự án bao gồm: giẻ lau nhiễm dầu, bao bì cứng thải bằng nhựa, bao bì cứng thải bằng kim loại, linh kiện thiết bị, điện tử, pin ắc quy chì thải,…

Khối lượng:

Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tối đa tại cơ sở được trình bày tại bảng sau:

Bảng 4.5: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Số lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH	Loại chất thải
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	15	16 01 06	NH
2	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (đèn led)	Rắn	30	19 02 06	NH
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	350	17 02 03	NH

4	Bao bì mềm thải	Rắn	200	18 01 01	KS
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	50	18 01 02	KS
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	30	18 01 03	KS
7	Găng tay, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	560	18 02 01	KS
8	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	10	19 06 01	NH
TỔNG CỘNG			**1.245**		

Ghi chú:

KS: Chất thải công nghiệp phải kiểm soát Cần áp dụng ngưỡng CTNH (hay ngưỡng nguy hại của chất thải) theo quy định tại QCKTMT về ngưỡng CTNH để phân định là CTNH hoặc CTRCNTT.

NH: Chất thải nguy hại.

Đối với các mã CTNH phân loại được kiểm soát theo CTNH hoặc CTRCNTT, Công ty cam kết sẽ thực hiện phân định chất thải hoặc định kỳ thu mẫu trước khi chuyển giao theo chất thải thông thương, đảm bảo kiểm soát, thu gom và xử lý chất thải theo đúng quy định hiện hành.

b) Biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất khoảng 1.245 kg/năm được phân loại, bảo quản chất thải nguy hại (CTNH) theo chủng loại trong các bồn chứa, thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

- Tên chất thải nguy hại, mã CTNH theo danh mục CTNH;
- Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra (dễ cháy, dễ nổ, dễ bị oxi hóa, …);
- Ngày bắt đầu được đóng gói, bảo quản;
- Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707:2009 về "Chất thải nguy hại - dấu hiệu cảnh báo".

Sau khi phân loại tại nguồn, phân loại theo từng loại CTNH theo từng mã CTNH đã được xác định, chất thải được chứa trong các thùng chứa chuyên dụng đối với từng loại chất thải và được tập trung chứa trong kho chứa chất thải nguy hại bên ngoài nhà xưởng với diện tích 12 m^2. Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy

định hiện hành.

Ngoài ra, Công ty sẽ thực hiện đúng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý đối với chủ nguồn thải CTNH theo đúng yêu cầu kỹ thuật như sau:

➢ **Đối với bao bì CTNH:**

+ Bao bì CTNH (vỏ cứng hoặc vỏ mềm) bảo đảm lưu giữ an toàn CTNH, không bị hư hỏng, rách vỡ vỏ.

+ Bao bì mềm được buộc kín và bao bì cứng có nắp đậy kín để bảo đảm ngăn chất thải rò rỉ hoặc bay hơi.

+ Chất thải lỏng, bùn thải dạng nhão hoặc chất thải có các thành phần nguy hại dễ bay hơi phải chứa trong bao bì cứng không vượt quá 90% dung tích hoặc mức chứa cao nhất cách giới hạn trên của bao bì là 10 (mười) cm.

➢ **Đối với thiết bị lưu chứa CTNH:**

- Thiết bị lưu chứa (có vỏ cứng với cỡ lớn hơn các bao bì thông thường, như các bể, bể, công ten nơ...) phải đáp ứng các yêu cầu chung như sau:

+ Bảo đảm lưu chứa an toàn CTNH, có gia cố hoặc thiết kế đặc biệt tại điểm tiếp nối và vị trí xếp, dỡ hoặc nạp, xả chất thải để tránh rò rỉ.

+ Kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.

+ Có biển dấu hiệu cảnh báo theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

Biển cảnh báo khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt

CHẤT THẢI
SINH HOẠT

Biển cảnh báo khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp

CHẤT THẢI
CÔNG NGHIỆP

Biển cảnh báo khu vực lưu chứa chất thải nguy hại



- Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở thể lỏng hoặc có thành phần nguy hại dễ bay hơi phải có nắp đậy kín và biện pháp kiểm soát bay hơi, đặc biệt tại điểm nạp, xả, phải có biện pháp kiểm soát nạp đầy tràn để bảo đảm mức chứa cao nhất cách giới hạn trên của thiết bị lưu chứa 10 cm.

- Trường hợp thiết bị lưu chứa CTNH không có các thành phần nguy hại dễ bay hơi thì có thể không cần nắp đậy kín nhưng phải có mái hoặc biện pháp che hoàn toàn nắng, mưa khác và biện pháp kiểm soát gió trực tiếp vào bên trong.

- Trường hợp lưu chứa loại hoặc nhóm CTNH có khả năng phản ứng hoá học với nhau trong cùng thiết bị lưu chứa thì phải có biện pháp cách ly bảo đảm loại hoặc nhóm CTNH không tiếp xúc với nhau trong quá trình lưu chứa.

➢ **Khu vực lưu giữ CTNH:**

- Khu vực lưu giữ CTNH (không bắt buộc phải xây dựng dưới dạng kho) phải đáp ứng các yêu cầu chung như sau:

+ Mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH bảo đảm kín khít, không bị thẩm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

+ Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH, trừ các thiết bị lưu chứa CTNH với dung tích lớn hơn 02 (hai) m^3 thì được đặt ngoài trời; có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.

+ Có biện pháp cách ly với các loại hoặc nhóm CTNH khác có khả năng phản ứng hoá học với nhau.

+ Khu lưu giữ CTNH phải được bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

- Khu vực lưu giữ CTNH phải được trang bị như sau:

+ Thiết bị phòng cháy chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

+ Biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo TCVN 6707:2009 với kích thước ít nhất 30 (ba mươi) cm mỗi chiều.

Ngoài ra, để quản lý tốt nguồn chất thải rắn, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Trong mỗi khu vực phát sinh chất thải rắn, chủ dự án có kế hoạch thu gom thường xuyên không để chất thải rắn tràn lan hay bị phân hủy bởi các thành phần trong môi trường. Các cống rãnh cũng có thể là nơi tích tụ chất thải được nạo vét thường xuyên;

- Xây dựng gờ chắn bao quanh khu vực chứa chất thải nhằm tránh tình trạng chất thải lỏng bên trong khu chứa rò rỉ ra ngoài hoặc nước mưa chảy vào bên trong;

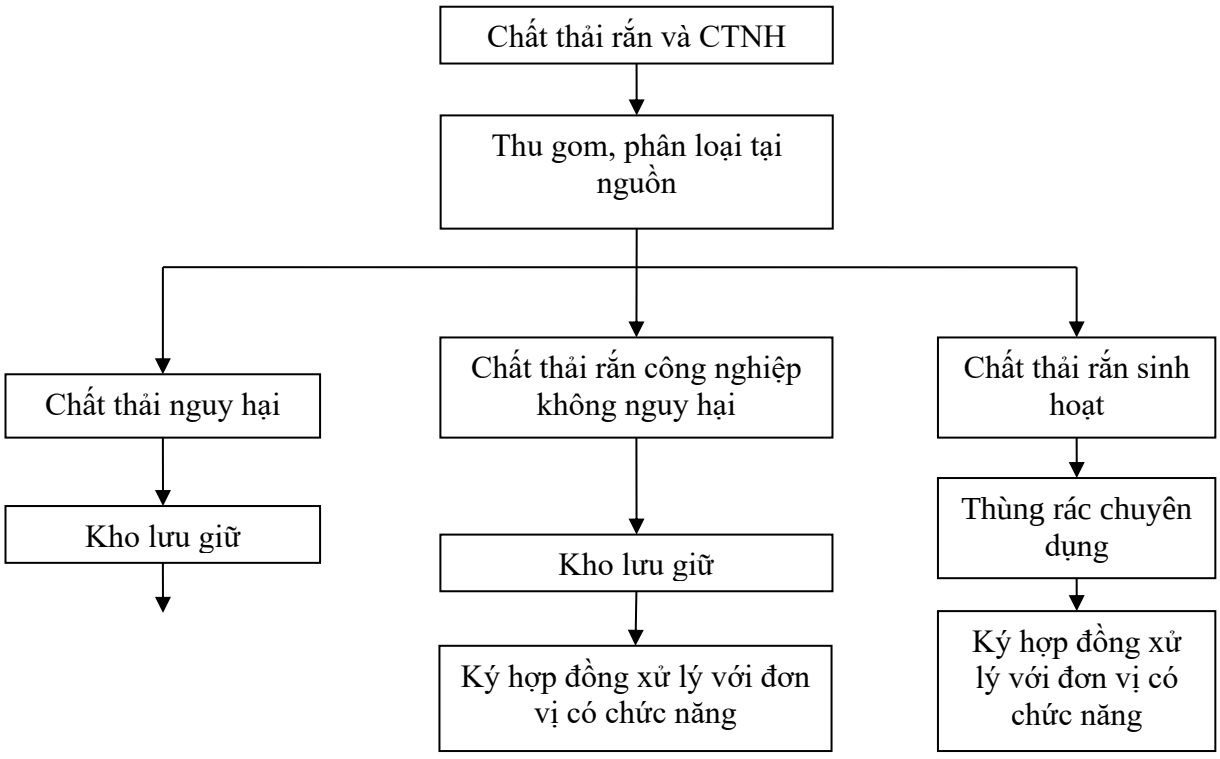
- Lập bản kê để theo dõi tình trạng lưu giữ chất thải;

- Phân công một nhân viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm việc phân loại, quản lý chất thải tại Công ty;

- Trong quá trình giao nhận chất thải nguy hại với đơn vị thu gom, xử lý theo hợp đồng ký kết, Công ty sẽ tuân thủ quy định giao nhận và lưu trữ chứng từ quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Dự án sẽ được thu gom và lưu giữ trong kho chất thải rắn nguy hại có mái che và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải định kỳ theo đúng quy định.

➢ Sơ đồ thu gom chất thải rắn của Dự án:



Ký hợp đồng xử lý với đơn vị có chức năng

c) Công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Công ty sẽ bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 12 m^2 (với tổng diện tích kho chứa 22 m^2) có bao lưới B40 cao 1,5m, nền bê tông nằm trong khu vực bên trong nhà xưởng, để lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trước khi giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

Kho chứa chất thải nguy hại có bao lưới B40, mái che, nền bê tông; có bố trí thiết bị để lưu chứa chất thải nguy hại, có lắp dấu hiệu cảnh báo, dán mã chất thải nguy hại. Kho chứa chất thải có trang bị bình chữa cháy, vật liệu hấp thụ (cát khô, xẻng), có rãnh (rộng 30 cm, sâu 30 cm) thu gom chất thải lỏng trong trường hợp tràn đổ.

Công trình lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng theo hướng dẫn tại điều 36, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

2.4.1. Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ hoạt động máy móc, thiết bị

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực.

- Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho

phép trong môi trường sản xuất.

- Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn (nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ lao động…)

- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động.

- Các xe vận chuyển thuộc tài sản của công ty phải thường xuyên được bảo dưỡng, kiểm tra độ mòn chi tiết thường kỳ, cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.

- Giới hạn tốc độ di chuyển trong khu vực để hạn chế tiếng ồn

- Phân phối lượng xe ra vào dự án hợp lý tránh tình trạng tập trung dẫn tới tiếng ồn tập trung trong một khu vực.

2.4.2. Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ các phương tiện lưu thông ra vào nhà máy

- Hạn chế vận chuyển hàng vào ban đêm, giờ tan ca để giảm thiểu tác động do tiếng ồn đến khu vực xung quanh;

- Lắp đặt biển báo, quy định giao thông trong khu vực dân cư và khuôn viên Nhà máy.

- Tiến hành bảo dưỡng định kỳ đối với tất cả các phương tiện vận chuyển, thay thế những bộ phận hư hỏng,…

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy.

- Bố trí khu vực để xe hợp lý

- Quy định tốc độ xe ra vào cho nhân viên và khách, vận tốc tối đa 5km/giờ.

- Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn là QCVN 24: 2016/BYT, độ rung là QCVN 27: 2016/BYT.

2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

2.5.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường nước thải

**** Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước:***

- Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn

nhất.

- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

**** Sự cố đối với bể tự hoại:***

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc nghẽn đường ống dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được.

Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải thông ống dẫn khí để hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

2.5.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC) sẽ được thực hiện nghiêm túc theo đúng Luật PCCC năm 2001. Chủ dự án sẽ kết hợp với Công an PCCC của CCNđể xây dựng các phương án PCCC an toàn cho Công ty và phải được phê duyệt phương án PCCC của cơ quan có thẩm quyền. Hệ thống phòng cháy và chữa cháy được thiết kế theo các tiêu chuẩn TCVN 2622:1995 về "Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - yêu cầu cho thiết kế" và TCVN 7336:2003 quy định về các yêu cầu đối với thiết kế, lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, bọt (sprinkler).

Thiết kế đường xe chạy rộng xung quanh xưởng; tính toán dự trù nguồn nước chữa cháy, bể cấp nước chữa cháy ở vị trí thuận lợi cho việc lấy nước và có lượng nước đủ để có thể dập tắt đám cháy nhanh chóng; bố trí đủ, hợp lý các họng cứu hỏa. Xây dựng bản nội quy PCCC và được phổ biến rộng rãi. Chủ dự án phối hợp với Công an PCCC tỉnh Đồng Nai lập kế hoạch và triển khai các công việc cụ thể nhằm đảm bảo an toàn lao động tuyệt đối cho lao động.

- **Phòng cháy:**

Nhằm đề phòng và khắc phục các sự cố về cháy nổ và hỏa hoạn có thể xảy ra trong nhà máy, biện pháp về phòng chống và ứng cứu cháy nổ sẽ được áp dụng nghiêm túc và tuân theo quy định về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy. Để phòng chống các nguyên nhân gây cháy nổ, Công ty sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Tủ điện được đặt nơi riêng biệt, cách ly với khu sản xuất; đường dây điện đều tính dư tải và đi trong các máng dây đảm bảo an toàn cháy nổ, chia ra thành nhiều tủ điện khác nhau và hạn chế sử dụng đồng loạt các motor, đồng thời tiếp đất cho các thiết bị máy móc.

- Gắn trụ chống sét trên mái nhà xưởng và được tiếp đất cẩn thận.

- Triệt để tuân theo các quy định về phòng hoả, chống sét mà Nhà nước đã ban hành.

- Kho chứa vật liệu dễ cháy có bố trí sẵn các dụng cụ chữa cháy, thùng đựng cát khô, bình bọt dập lửa, bể nước và các lối ra phụ.

- Kho bãi chứa vật liệu được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn, đúng theo quy định về PCCC.

- Trong khu vực có thể gây cháy (khu vực chứa nhiên liệu) công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa...

- Quy định không được phép hút thuốc lá và ăn uống trong khu vực nhà xưởng;

- Có quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với kết cấu xây dựng của nhà máy.

- Lắp đặt các đầu dò lửa, đầu dò khí, hệ thống còi đèn.

- Máy móc thiết bị có lý lịch kèm theo, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.

- Có quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy trong nhà máy.

- Công nhân, thủ kho, bảo vệ cũng được huấn luyện chữa cháy bằng bình xịt.

- Cung cấp các thông tin về an toàn lao động và an toàn cháy nổ định kỳ cho công nhân.

- Có quy trình kỹ thuật an toàn về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với điều kiện của nhà máy.

- Cấm dùng ngọn lửa trần trong môi trường dễ cháy. Không mài các dụng cụ kim loại không để trở thành nguồn phát nhiệt gây cháy nổ, nghiêm cấm việc đốt lửa sưởi ấm, đun nước, nấu ăn trong nhà xưởng.

- Không cho bất kì cá nhân nào mang các vật dụng có khả năng phát sinh lửa vào khu vực đã được quy định, nhất là các khu vực dễ cháy.

- Xây dựng các bảng hướng dẫn quy trình nghiêm ngặt trong việc bảo trì, sửa chữa các thiết bị máy móc tại các khu vực sản xuất.

- Trang bị các dụng cụ phòng cháy chữa cháy như: máy bơm, vòi xịt nước, hồ nước dự trữ, cát, bình CO2 , bình bọt hóa chất,… tại khu vực văn phòng và nhà xưởng. Các phương tiện chữa cháy được bố trí phân tán dàn đều tại các phân xưởng rất dễ thấy và dễ lấy.

- Đường nội bộ rộng và vào tận các khu vực nhà xưởng, văn phòng nên khi có sự cố, xe chữa cháy có thể vào tận nơi để khắc phục.

- Bố trí các sơ đồ thoát hiểm tại khu vực mọi người quan sát thấy.

- Hệ thống cấp điện cho Nhà máy và hệ thống chiếu sáng bảo vệ được thiết kế độc lập, an toàn, có bộ phận ngắt mạch khi có sự cố chập mạch trên đường dây tải điện.

- Các máy móc, thiết bị có lý lịch kèm theo và được đo đạc theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.

- Thường xuyên kiểm tra các biển báo, biển cấm lửa, nội quy PCCC, phương tiện PCCC.

- Thường xuyên nhắc nhở công nhân tuân thủ công tác phòng cháy chữa cháy. Dụng cụ PCCC (bình CO2, xẻng, thang, gàu, máy bơm nước . . .) để đúng nơi qui định, không được tự ý di chuyển hoặc lấy sử dụng vào việc khác. Sau khi dập lửa xong phải để dụng cụ vào vị trí cũ và báo ngay cho cán bộ phụ trách kiểm tra.

- Hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện, hệ thống chống sét, nơi sử dụng lửa, phát sinh nhiệt phải bảo đảm an toàn về PCCC.

- Có lực lượng phòng cháy và chữa cháy của nhà máy được tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và tổ chức thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

- Có phương án chữa cháy, thoát nạn và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổ chức huấn luyện thoát hiểm trong giờ làm việc, huấn luyện nghiệp vụ cho đội PCCC cơ sở, kiểm tra, bảo trì các phương tiện PCCC, tổ chức hội thao PCCC, thực tập phương án chữa cháy với Công an PCCC.

- Có hệ thống báo cháy, chữa cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy khác, phương tiện cứu người phù hợp với tính chất, đặc điểm của nhà máy, bảo đảm về số lượng, chất lượng và hoạt động theo quy định của Công an

tỉnh Đồng Nai và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy; có hệ thống giao thông, cấp nước, thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy tại dự án theo quy định.

- Có hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Công an tỉnh Đồng Nai.

- Nơi có sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị sinh lửa, sinh nhiệt, hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện phải bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Có dự kiến tình huống cháy, thoát nạn và biện pháp chữa cháy; có phương tiện chữa cháy phù hợp với đặc điểm hoạt động và bảo đảm về số lượng, chất lượng theo hướng dẫn của Bộ Công an.

- Đề ra phương án chữa cháy cho cán bộ chuyên trách của nhà máy để xử lý khi sự cố xảy ra.

- Thường xuyên huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy đối với cán bộ, nhân viên, đội phòng cháy và chữa cháy của nhà máy theo các nội dung sau:

- Kiến thức pháp luật, kiến thức về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với từng đối tượng.

- Phương pháp tuyên truyền, xây dựng phong trào phòng cháy và chữa cháy.

**** Biện pháp phòng cháy.***

- Phương pháp lập và thực tập phương án chữa cháy, biện pháp, chiến thuật, kỹ thuật chữa cháy.

- Phương pháp bảo quản, sử dụng các phương tiện phòng cháy và chữa cháy.

- Phương pháp kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Khi xảy ra sự cố cháy nổ, người phát hiện thấy cháy phải bằng mọi cách báo cháy ngay cho người xung quanh biết.

**** Trang bị các phương tiện PCCC phải đảm bảo các điều sau:***

- Bảo đảm về các thông số kỹ thuật theo thiết kế phục vụ cho phòng cháy và chữa cháy.

- Phù hợp với tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế được phép áp dụng tại Việt Nam.

- Phương tiện phòng cháy và chữa cháy phải được phép sử dụng của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Đồng Nai có thẩm quyền và phải được

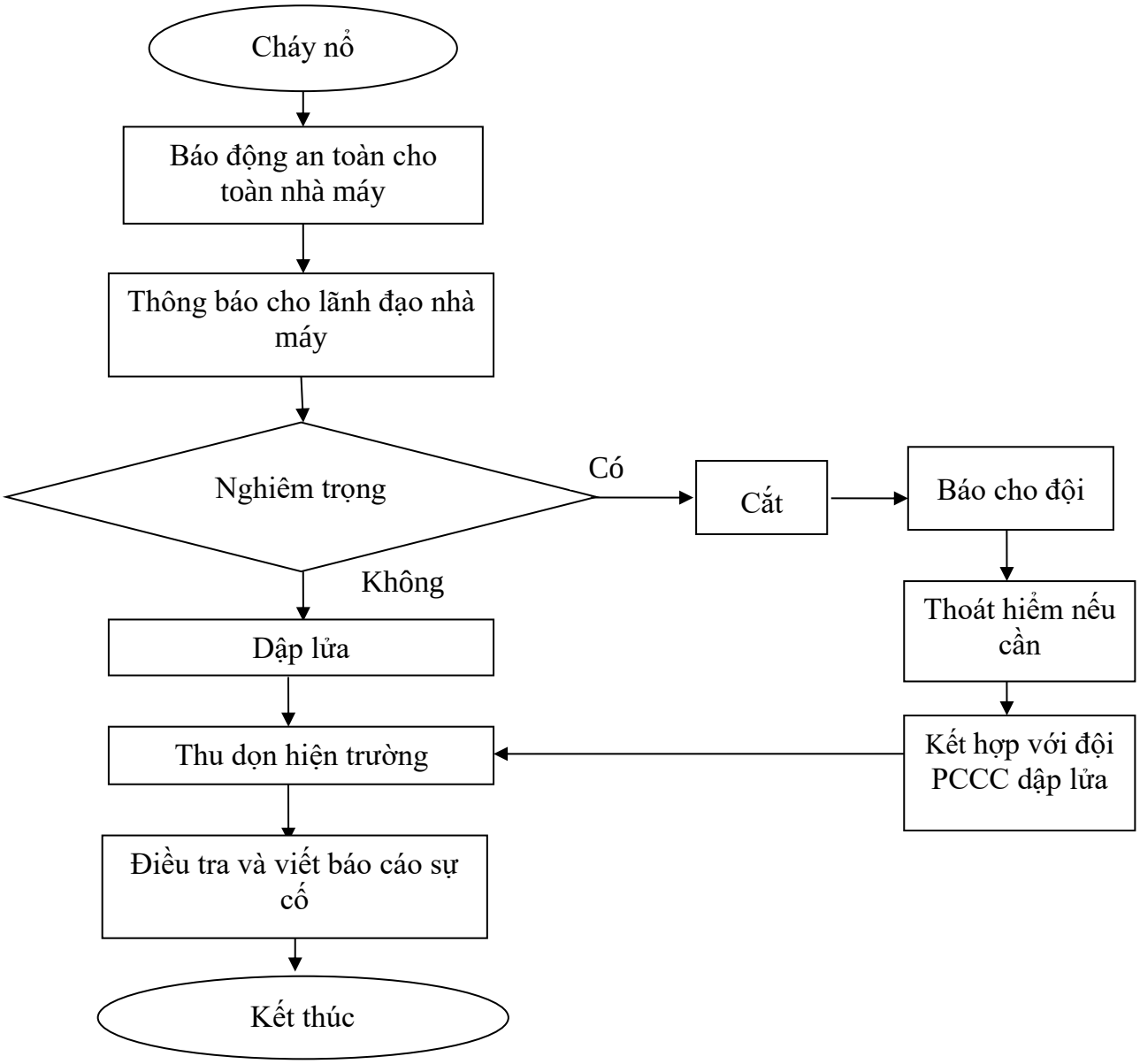
kiểm định về chất lượng, chủng loại, mẫu mã theo quy định của Công an tỉnh Đồng Nai.

- Thường xuyên kiểm tra, thay thế các bóng đèn cũ bị hư hỏng để đảm bảo ánh sáng. Công nhân được hướng dẫn đầy đủ các biện pháp an toàn trong sử dụng điện, máy móc thiết bị, được khám sức khỏe định kỳ phát hiện sớm nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp để có biện pháp khắc phục.

- Kiểm tra định kỳ các phương tiện vận chuyển và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn trong vận chuyển.

- Các máy móc thiết bị được sắp xếp bố trí trật tự, gọn và có khoảng cách an toàn cho công nhân khi có sự cố cháy nổ xảy ra. Toàn bộ máy móc thiết bị được kiểm tra và bảo dưỡng, duy tu theo kế hoạch để đảm bảo luôn ở tình trạng tốt. Các máy móc thiết bị có nội quy vận hành sử dụng an toàn, được gắn tại vị trí hoạt động. Chủ dự án thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra không để xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy vận hành sử dụng an toàn thiết bị.

- **Biện pháp chữa cháy:**



Hình 4.3: Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

(1) Dập lửa:

Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại các công trường và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như: bình chữa cháy, nước để dập lửa.

(2) Dọn dẹp:

Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.

(3) Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm:

Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối

hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó chủ đầu tư sẽ cùng với cơ quan hữu quan sẽ cùng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra Chủ dự án sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phần cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

Hiệu quả của việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường giúp ngăn ngừa, giảm thiểu các thiệt hại về môi trường và kinh tế nếu xảy ra sự cố.

Kết luận: Những biện pháp giảm thiểu được đề xuất ở trên là các biện pháp khả thi và tối ưu góp phần bảo vệ chất lượng môi trường cũng như sức khoẻ của người lao động trong quá trình hoạt động của dự án. Do vậy, khi dự án đi vào vận hành chủ dự án sẽ thực hiện đúng theo các phương án như trên để đảm bảo chất lượng môi trường tại dự án cũng như khu vực xung quanh, bảo đảm sức khoẻ của người lao động.

❖ **Phòng chống sét**

Hệ thống phòng chống sét sẽ được thiết kế theo các công nghệ mới nhằm đạt độ an toàn cao cho các hoạt động của Công ty. Hệ thống chống sét gồm kim thu sét tích cực được lắp đặt tại điểm cao nhất của công trình, hộp kiểm tra điện trở đất và hệ tiếp đất được thiết kế, lắp đặt tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn.

Nhà xưởng đã được lắp đặt hệ thống chống sét tại các điểm cao nhất của nhà xưởng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9385:2012 (BS 6651:1999)- Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống. Điện trở tiếp đất xung kích <10 Ω khi điện trở suất của đất < 1.599,5Ω/cm^2. Điện trở tiếp đất xung kích >10Ω khi điện trở của đất > 1.599,5Ω/cm^2.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án được thể hiện ở bảng bên dưới:

Bảng 4.6: Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Stt	Công trình	Tình trạng
I	**Nước thải**	
1	Hệ thống thu gom nước mưa, nước thải	Hiện hữu
2	12 Bể tự hoại 3 ngăn	Hiện hữu
IV	**Công trình khác**	
1	Hệ thống phòng cháy chữa cháy Bể chứa nước PCCC	Hiện hữu

3.2 Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác

Trong quá trình hoạt động của dự án, ngoài các công trình bảo vệ môi trường, chủ dự án sẽ tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác cùng với các công trình xử lý môi trường để hạn chế các tác động đến môi trường từ quá trình hoạt động của trường.

Bảng 4.7: Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác

Stt	Hạng mục	Kế hoạch thực hiện	Kính phí	Trách nhiệm tổ chức thực hiện
1	Phân loại chất thải tại nguồn	- Hàng ngày thực hiện thu gom chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động. - Chứa từng loại chất thải vào từng thùng quy định, phân loại theo chất thải thông thường, chất thải nguy hại. - Lưu giữ tạm thời chất thải tại khu vực lưu giữ chất thải. - Định kỳ 2 lần/tuần thông báo đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý chất thải rắn – chất thải nguy hại theo đúng quy định.	20 triệu/tháng	Bộ phận môi trường
2	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	- Thường xuyên kiểm tra khả năng làm việc của hệ thống phòng cháy chữa cháy (1 tháng/lần). - Thay thế các thiết bị phòng cháy chữa cháy trong trường hợp bị hư hỏng. - Bổ sung đầy đủ nước cho bể dựng	4 triệu đồng/tháng	Bộ phận kỹ thuật

Stt	Hạng mục	Kế hoạch thực hiện	Kính phí	Trách nhiệm tổ chức thực hiện
		phòng nước PCCC		
3	Hệ thống thu gom nước mưa	- Nạo vét hệ thống thoát nước mưa (1 tuần/lần). - Không đổ nước thải vào hệ thống thoát nước mưa	4 triệu/tháng	Công nhân dọn vệ sinh

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Dựa vào đặc điểm của dự án, đơn vị tư vấn đã sử dụng nhiều phương pháp đánh giá tác động môi trường với mức độ định tính hoặc định lượng khác nhau. Gồm các phương pháp sau:

- Phương pháp đánh giá nhanh
- Phương pháp ma trận
- Phương pháp lập bảng liệt kê
- Phương pháp thống kê
- Phương pháp so sánh
- Phương pháp nghiên cứu, khảo sát thực địa
- Phương pháp lấy, phân tích mẫu

Đánh giá mức độ tin cậy của kết quả từ việc áp dụng các phương pháp đã sử dụng được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 4.8: Tổng hợp mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

TT	Kết quả của	Mức độ chi tiết	Độ tin cậy	Nguyên nhân
1	Kết quả của Phương pháp đánh giá nhanh	Cao	Trung bình	Dựa vào hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới thiết lập nên chưa thật sự phù hợp với điều kiện Việt Nam
2	Kết quả của Phương pháp ma trận	Trung bình	Trung bình	Phương pháp chỉ đánh giá định tính hoặc bán định lượng, dựa trên chủ quan của những người đánh giá
3	Kết quả của Phương pháp lập bảng liệt kê	Trung bình	Cao	Có thể bao quát được tất cả các vấn đề môi trường của dự án, cho phép đánh giá sơ bộ mức độ tác động
4	Kết quả của Phương pháp thống kê	Cao	Cao	Dựa theo số liệu thống kê chính thức của tỉnh Đồng Nai
5	Kết quả của Phương pháp so sánh	Cao	Cao	Kết quả phân tích có độ tin cậy cao
6	Kết quả của Phương pháp nghiên cứu, khảo sát thực địa	Cao	Cao	Các báo cáo, số liệu được cập nhật mới nhất trong thời gian thực hiện lập báo cáo ĐTM
7	Kết quả của Phương pháp lấy, phân tích mẫu	Cao	Cao	Đảm bảo tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn Quốc tế và các phương pháp khác được công nhận

**** Phương pháp thống kê:***

- Phương pháp này nhằm thu thập và xử lý các số liệu khí tượng, thủy văn, kinh tế, xã hội… tại khu vực dự án từ các trung tâm nghiên cứu khác.

- Số liệu sử dụng trong phương pháp này đã được các tổ chức nhà nước phê duyệt, có thể sử dụng cho các báo khoa học trong nước và có độ tin cậy cao.

**** Phương pháp khảo sát hiện trường, lấy mẫu và phân tích trong phòng thí nghiệm:***

- Phương pháp này được áp dụng nhằm khảo sát vị trí, hiện trạng và điều kiện cụ thể của dự án cũng như tiến hành công tác đo đạc và lấy mẫu cần thiết.

- Tiến hành thực hiện: kết hợp với đơn vị có chức năng thực hiện để khảo sát, đo đạc và lấy mẫu và phân tích mẫu hiện trạng môi trường tại khu vực dự án.

**** Phương pháp nhận dạng, liệt kê:***

- Liệt kê các tác động đến môi trường do hoạt động của dự án gây ra, bao gồm các nhân tố môi trường như: nước thải, khí thải, chất thải rắn, an toàn lao động, cháy nổ…

- Nhận dạng, phân loại các tác động khác nhau ảnh hưởng đến môi trường và định hướng nghiên cứu cùng các thông tin về đo đạc, dự đoán, đánh giá.

- Nhận dạng đầy đủ các dòng thải, các vấn đề môi trường liên quan phục vụ cho công tác đánh giá chi tiết.

- Phương pháp này trình bày các tiếp cận rõ ràng, cung cấp tính hệ thống cho việc xây dựng báo cáo đánh giá tác động môi trường.

**** Phương pháp đánh giá nhanh:***

- Sử dụng một số nguyên tắc đánh giá của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) dùng để tính tải lượng, nồng độ chất ô nhiễm đối với mỗi nguồn thải đã được tính toán phổ biến rộng rãi ở nhiều nước

- Có hiệu quả cao trong tính toán tải lượng ô nhiễm và đánh giá tác động của các nguồn ô nhiễm.

- Rất hữu ích trong công tác đánh giá tác động môi trường, nhất là trong trường hợp không xác định được các thông số cụ thể để tính toán.

**** Phương pháp so sánh:***

Phương pháp này có độ chính xác cao trên cơ sở so sánh, đánh giá chất lượng môi trường, chất lượng dòng thải với các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường liên quan và các tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

**** Phương pháp ma trận***

Phương pháp này cho phép phân tích, đánh giá một cách tổng hợp các tác động tương hỗ, đa chiều đồng thời giữa các hoạt động của dự án đến tất cả các yếu tố tài nguyên và môi trường trong vùng dự án.

Các đánh giá về những tác động môi trường được thực hiện ở mức độ rất chi tiết và độ tin cậy cao. Đối với các rủi ro và sự cố môi trường khi dự án triển khai hay không triển khai là có khác biệt. Do dựa trên những đánh giá tác động của từng nguồn gây tác động khi dự án triển khai đều có biện pháp khắc phục ô nhiễm.

Dự án đi vào hoạt động sẽ thường xuyên cập nhật vào hệ thống những số liệu, dữ liệu về hiện trạng môi trường nhằm làm cơ sở đánh giá tác động môi

trường cho dự án phát triển bền vững lâu dài, đảm bảo hiệu quả kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có)

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường (do nước thải được thu gom và đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN VLXD Tân An, không xả ra môi trường).

Công ty TNHH Gạch Ngọc Liên Phát đã ký Hợp đồng xử lý nước thải sinh hoạt số 05.05/2023 ngày 27/06/2023 với Công ty cổ phần gạch men Sahado.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Do ngành nghề hoạt động không phát sinh khí thải, do đó không thuộc đối tượng cấp phép đối với khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có)

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn:

+ Nguồn số 1: từ khu vực máy cán mịn

+ Nguồn số 2: từ khu vực máy nhào 2 trục

+ Nguồn số 3: từ khu vực máy đùn

+ Nguồn số 4: từ khu vực lò sấy

+ Nguồn số 5: từ khu vực lò gạch nung

- Nguồn phát sinh độ rung: không phát sinh.

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

+ Nguồn số 1: từ khu vực máy cán mịn; tọa độ: X: 1201571; Y: 410725

+ Nguồn số 2: từ khu vực máy nhào 2 trục; tọa độ: X: 1201563; Y: 410762

+ Nguồn số 3: từ khu vực máy đùn; tọa độ: X: 1201570; Y: 410761

+ Nguồn số 4: từ khu vực lò sấy; tọa độ: X: 1201576; Y: 410766

+ Nguồn số 5: từ khu vực lò gạch nung; tọa độ: X: 1201571; Y: 410768

3.3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

3.4. Tiếng ồn:

TT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{aeq}) - dBA		
1	70	55	8	85	-	*Khu vực thông thường*

3.5. Độ rung: Không phát sinh

4. Nội dung đề nghị quản lý chất thải

4.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Số lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH	Loại chất thải
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	15	16 01 06	NH
2	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (đèn led)	Rắn	30	19 02 06	NH
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	350	17 02 03	NH
4	Bao bì mềm thải	Rắn	200	18 01 01	KS
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	50	18 01 02	KS
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	30	18 01 03	KS
7	Găng tay, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	560	18 02 01	KS
8	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	10	19 06 01	NH
TỔNG CỘNG			**1.245**		

4.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Nhóm CTRSH	Số lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Phân loại chất thải
1	Hộp chứa mực in thải (mực in văn phòng)	5	08 02 08	TT
2	Bao bì, giấy loại bỏ từ văn phòng	94	18 01 05	TT-R
3	Gạch vỡ xà bần	950.620		TT-R
4	Tro, xỉ than công nghiệp từ lò đốt không chứa thành phần nguy hại	112.000	04 02 06	
5	Bùn thải từ bể tự hoại	300	12 07 07	TT
Tổng cộng		**106.301,9**		

4.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	7,02

CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

Căn cứ vào Khoản 1, Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (do nước thải xử lý tại bể tự hoại 3 ngăn sẽ được đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN VLXD Tân An, không xả ra môi trường và không có hệ thống xử lý khí thải).

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

*** Quan trắc nước thải**

Căn cứ theo quy định tại khoản 2, Điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, nước thải của cơ sở đấu nối về thống xử lý nước thải tập trung của CCN VLXD Tân An do đó của cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải.

Quy định áp dụng: thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Nhà máy đạt quy định của CCN VLXD Tân An về nồng độ tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

*** Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp**

Căn cứ theo quy định tại khoản 3, Điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ.

2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.

- Quan trắc chất thải rắn:

+ Kiểm tra giám sát việc thu gom, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý chất thải rắn của dự án.

+ Vị trí: tại khu vực lưu giữ chất thải rắn của nhà máy.

+ Tần suất: thường xuyên và liên tục.

+ Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

+ Văn bản pháp luật thực hiện: Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm được trình bày trong bảng sau:

Bảng 6.1: Bảng kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm

STT	Mẫu quan trắc	Thông số	Số lượng	Tần suất/năm	Kinh phí (đồng/năm)
1	Chi phí lập báo cáo	-	1	1 lần/năm	5.000.000
Tổng cộng		**-**		**-**	**5.000.000**

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN

Công ty TNHH Gạch Ngọc Liên Phát, cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

- Cam kết nước thải phát sinh từ dự án được thu gom, xử lý, đảm bảo đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của CCN VLXD Tân An, trước khi đấu nối nước thải vào và ký hợp đồng xử lý nước thải với CCN theo quy định.

- Thực hiện các biện pháp khống chế tiếng ồn, độ rung sinh ra trong suốt quá trình hoạt động của Dự án.

- Cam kết thu gom và xử lý chất thải rắn phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

- Chủ đầu tư dự án sẽ tăng cường công tác đào tạo cán bộ về môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường trong nhà máy, bảo đảm không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường.

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

- Thực hiện đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường theo quy định trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do vận hành Nhà máy.

- Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 3603420070

Đăng ký lần đầu: ngày 08 tháng 11 năm 2016

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GẠCH TUYNEL NGỌC LIÊN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGOC LIEN PHAT TUYNEL BRICKS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH GT NGỌC LIÊN PHÁT

2. Địa chỉ trụ sở chính

Cụm Công nghiệp VLXD Tân An, Ấp Bình Chánh, Xã Tân An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: *0917173969* Fax:
Email: Website:

3. Vốn điều lệ 1.900.000.000 đồng

Bằng chữ: Một tỷ chín trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: TRẦN THỊ TUYẾT Giới tính: *Nữ*
Sinh ngày: *26/06/1976* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
Số giấy chứng thực cá nhân: *271214528*
Ngày cấp: *05/06/2006* Nơi cấp: *CA. Đồng Nai*
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 290, tổ 1, ấp 3, Xã An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*
Chỗ ở hiện tại: *Số 290, tổ 1, ấp 3, Xã An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRẦN THỊ TUYẾT Giới tính: *Nữ*

Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc

Sinh ngày: *26/06/1976* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *271214528*

Ngày cấp: *05/06/2006* Nơi cấp: *CA. Đồng Nai*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 290, tổ 1, ấp 3, Xã An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 290, tổ 1, ấp 3, Xã An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

KT. TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Phan Huy Toàn

UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 250 /GXN-UBND	*Vĩnh Cửu, ngày 23 tháng 01 năm 2017*

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu xác nhận Công ty TNHH gạch tuynel Ngọc Liên Phát đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án "Nhà máy sản xuất gạch tuynel - công suất 05 triệu viên/năm"; địa chỉ: Cụm công nghiệp Vật liệu xây dựng Tân An, ấp Bình Chánh, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tại UBND huyện Vĩnh Cửu vào ngày..23...tháng 01 năm 2017.

Công ty TNHH gạch tuynel Ngọc Liên Phát có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

3. Ngoài việc thực hiện những yêu cầu trên, Công ty TNHH gạch tuynel Ngọc Liên Phát cần phải thực hiện những nội dung sau đây:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, thu gom và xử lý chất thải nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm về chất thải; bảo đảm vệ sinh môi trường đối với khu dân cư theo đúng quy định của pháp luật. Kiểm soát, quản lý, thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý, thải bỏ chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Thực hiện các biện pháp kiểm soát lưu lượng nước thải phát sinh và nước thải sau xử lý; không được để nước thải tự thấm xuống đất; không được xả nước thải chưa qua xử lý, không đạt quy chuẩn cho phép ra môi trường; tách riêng biệt tuyến thu gom, thoát nước mưa và nước thải; bố trí cửa xả nước thải ở vị trí thuận

nhận đăng ký này được cấp cho Công ty TNHH gạch tuynel Ngọc Liên Phát để thực hiện và được lưu tại cơ quan Nhà nước để kiểm tra, giám sát./.

Nơi nhận:
- Cty TNHH Ngọc Liên Phát (để thực hiện);
- Sở TN&MT;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- C, các PVP.HĐND&UBND huyện;
- Phòng TN&MT (theo dõi);
- UBND xã Tân An (để biết);
- Lưu. VT.THKT.

D/2017/GXN-KHBVMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thanh Phương

BỘ CÔNG AN
CS PC&CC T. ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BCA, ngày 16/12/2014

Số: 93 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ..... ngày ..09 /..01/ ..2017 của: ..Công ty TNHH Gạch Tuynel Ngọc Liên Phát.....

Người đại diện là Ông/Bà:..Trần Thị Tuyết..... Chức danh:...Giám đốc.....

CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG NHẬN:

.....**Nhà máy Công ty TNHH Gạch Tuynel Ngọc Liên Phát**.....

Địa điểm xây dựng: ..CCNVLXD Tân An, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai.

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: ..Công ty TNHH Gạch Tuynel Ngọc Liên Phát....

Đơn vị lập dự án/thiết kế Cty TNHH XD Bảo Việt Cường; Cty TNHH TM DV Phú Thịnh Lộc

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

.....- Giao thông, khoảng cách;.....

.....- Diện tích khoang cháy, lối thoát nạn;.....

.....- Hệ thống cấp nước chữa cháy;.....

.....- Hệ thống báo cháy tự động;.....

.....- Hệ thống chống sét đánh thẳng.....

.....

.....

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

...Đồng Nai ngày 12 tháng 01 năm 2017

GIÁM ĐỐC

Đại tá Văn Quyết Thắng

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư (thực hiện);
- Cục C66-BCA (báo cáo);
- Lưu: . P2....

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy Số ……/TD-PCCC, ngày…… tháng……. Năm……)

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
01	Mặt bằng tổng thể Kết cấu, kiến trúc		
02	- Hệ thống cấp nước chữa cháy; - Phương tiện chữa cháy tại chỗ;		
03	- Hệ thống báo cháy tự động,		
04	- Hệ thống chống sét đánh thẳng		

UBND HUYỆN VĨNH CỬU
PHÒNG KINH TẾ & HẠ TẦNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG THEO GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Công trình: Nhà xưởng sản xuất Gạch Tuynel

Địa điểm xây dựng : Cụm công nghiệp VLXD Tân An, huyện Vĩnh Cửu

Chủ công trình: Công ty TNHH Gạch Tuynel Ngọc Liên Phát

- Căn cứ Giấy phép xây dựng số 295/GPXD-UBND ngày 09/02/2017 do UBND huyện Vĩnh Cửu cấp, kèm theo bản vẽ hoàn công do Cty TNHH Việt Ngọc An lập.

Hôm nay, vào lúc 9 giờ 00 ngày 11 tháng 3 năm 2019 chúng tôi gồm:

- Đại diện phòng Kinh tế - Hạ tầng: Ông Trương Tấn Lực

- Đại diện chủ công trình: Bà Trần Thị Tuyết - Chức vụ: Giám đốc

Đã đến địa điểm xây dựng công trình để kiểm tra và lập biên bản việc thực hiện xây dựng công trình như sau:

- Về vị trí xây dựng (mặt bằng tổng thể):

Bố trí hạng mục xây dựng nằm trong ranh khu đất đã được cấp, phù hợp với mục đích sử dụng đất.

- Về kiến trúc và kết cấu công trình đã xây so với bản vẽ thiết được duyệt:

1. Xây dựng mới nhà xưởng quy mô 01 tầng, với tổng diện tích 9.440 m², mái lợp tôn, khung cột thép tiền chế.

2. Xây dựng mới nhà nghỉ công nhân quy mô 01 tầng, với tổng diện tích 345,24 m², mái lợp tôn, tường xây tô, nền lát gạch men.

3. Xây dựng mới nhà bảo vệ quy mô 01 tầng, với tổng diện tích 10 m², mái đỗ BTCT, tường xây tô, nền lát gạch men.

Ý kiến kết luận:

- Công trình xây dựng nhà xưởng sản xuất gạch Tuynel của Bà Trần Thị

Tuyết xây dựng nằm trong ranh khu đất đã được cấp, phù hợp với mục đích sử dụng đất, không lấn chiếm chỉ giới xây dựng, chỉ giới giao thông.

- Công trình xây dựng nhà xưởng sản xuất gạch Tuynel xây dựng có tổng diện tích sàn xây dựng 9.795,24 m². Đối với hạng mục nhà xưởng và hạng mục nhà làm đất được xây dựng gọp chung, không làm thay đổi vị trí xây dựng không làm thay đổi mật độ xây dựng, kết cấu công trình, không bị xử phạt vi phạm hành chính bằng tiền và được phép tồn tại theo hiện trạng.

Vĩnh Cửu, ngày 14 tháng 3 năm 2019

CHỦ ĐẦU TƯ	CÁN BỘ KIỂM TRA
CÔNG TY TNHH GẠCH TUYNEL NGỌC LIÊN PHÁT	
Trần Thị Tuyết	Trương Tấn Lực

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG

Nguyễn Văn Tiệp

UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 295 /GPXD-UBND	*Vĩnh Cửu, ngày 09 tháng 02 năm 2017*

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: **CÔNG TY TNHH GẠCH TUYNEL NGỌC LIÊN PHÁT**

Địa chỉ: CCN VLXD Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

2. Được phép xây dựng cụm công trình: Nhà xưởng sản xuất gạch tuynel.

Theo bản vẽ thiết kế đính kèm do Công ty TNHH Xây dựng bảo Việt Cường lập.

Gồm các nội dung sau đây:

*** Nhà Xưởng.**

- Diện tích xây dựng tầng trệt: 8.100m^2.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 8.100 m^2.
- Chiều cao công trình: 5,9; Số tầng: Một.
- Cốt nền xây dựng công trình: 0,3 m với sân đường nội bộ

*** Nhà làm đất.**

- Diện tích xây dựng tầng trệt: 552 m^2.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 552 m^2.
- Chiều cao công trình: 5,9 m; Số tầng: Một.
- Cốt nền xây dựng công trình: 0,3 m với sân đường nội bộ

*** Nhà Văn phòng.**

- Diện tích xây dựng tầng trệt: 63 m^2.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 63 m^2.
- Chiều cao công trình: 5,515m; Số tầng: Một.
- Cốt nền xây dựng công trình: 0,45 m với sân đường nội bộ

*** Nhà nghỉ công nhân.**

- Diện tích xây dựng tầng trệt: 468 m^2.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 468 m^2.
- Chiều cao công trình: 5 m; Số tầng: Một.
- Cốt nền xây dựng công trình: 0,3 m với sân đường nội bộ

*** Nhà bảo vệ**

- Diện tích xây dựng 16 m^2.
- Chiều cao công trình: 4,5 m; Số tầng: Một.

- Cốt nền xây dựng công trình: 0,2 m với sân đường nội bộ

*** Bể nước ngầm.**

+ Diện tích xây dựng: 80m^2

+ Thể tích: 150m^3, âm dưới đất, nổi 0,5m.

- Vị trí xây dựng: Thuộc tờ bản đồ địa chính số 28; lô D5-D6 thửa số 176,177,178 bản đồ quy hoạch phân lô 1/500 cụm công nghiệp vật liệu xây dựng Tân An, huyện Vĩnh Cửu;Diện tích 15.660m^2; Mục đích sử dụng đất: Đất cụm công nghiệp;

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Theo quy hoạch giao thông và quy hoạch xây dựng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Màu sắc công trình: Theo bản vẽ thiết kế.

- Địa điểm xây dựng: CCN VLXD Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

* Các nội dung khác:

- Chủ đầu tư phải thực hiện theo kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật tại văn bản số 11/BCTT ngày 28/12/2016 của Công ty TNHH Tư Vấn thiết kế và Xây dựng Kim Đồng Gia trước khi thi công công trình.

- Chủ dầu tư phải thực hiện tốt an toàn về Phòng cháy chữa cháy theo giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 93/TD-PCCC ngày 12/01/2017 của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Đồng Nai.

- Chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về đầu tư xây dựng cơ bản, an toàn phòng cháy chữa cháy và Môi trường theo quy định hiện hành.

- Chủ đầu tư, đơn vị thiết kế, đơn vị thi công phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về an toàn thi công, chất lượng công trình.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Hợp đồng thuê lại đất số 07/HĐTĐ ngày 26/12/2016 giữa Công ty cổ phần gạch men SAHADO đơn vị đầu tư hạ tầng và Công ty TNHH Gạch Tuynel Ngọc Liên Phát.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp, quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phòng KT&HT;
- Lưu.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Lâm

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề; phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ an toàn, độ bền vững công trình của mình.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo cho cơ quan cấp giấy phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải.....).

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

Vĩnh Cửu, ngày tháng năm

CHỦ TỊCH

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG

Địa chỉ : Tầng 2, 238 Ngô Gia Tự, KDC Chánh Nghĩa, phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Tel/Fax: 0650. 3948739 - 0650. 3715754
E-mail: moitruongsenvang@gmail.com
Web: moitruongsenvang.com

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 175 HĐ/SV – 2024

Bình Dương, ngày 01 tháng 02 năm 2024

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v : Xử lý chất thải nguy hại và công nghiệp

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số: 91/2015/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật thương mại số: 36/2005/QH11 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 14 tháng 06 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về việc quản lý chất thải nguy hại ban hành ngày 10 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại số 5-6.038.VX (Cấp lần 02) của Công ty TNHH Môi trường Sen Vàng được Bộ tài nguyên Môi trường cấp ngày 03/02/2021;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Môi trường Sen Vàng ngày 10 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ theo nhu cầu của hai bên.

ĐẠI DIỆN HAI BÊN GỒM:

BÊN A : **CÔNG TY TNHH GẠCH TUYNEL NGỌC LIÊN PHÁT**
Địa chỉ : CNNVLXD Tân An, ấp Bình Chánh, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại : Fax:
Mã số thuế : 3603420070
Người đại diện : **Bà TRẦN THỊ TUYẾT** Chức vụ: **Giám đốc**

BÊN B : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG.**
Địa chỉ : Tầng 2, 238 Ngô Gia Tự, KDC Chánh Nghĩa, phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại : 0274.3948739 Fax : 0274.3715754
Mã số thuế : **3701224331**
Người đại diện : **Ông NGUYỄN VĂN HÒA** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc.**
Tài khoản số : **0711010293098** tại NH ABBANK – PGD Thuận An- Bình Dương.

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1 : NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- Bên B nhận thực hiện việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại và công nghiệp phát sinh từ quá trình hoạt động của Bên A.
- Thời hạn hợp đồng: 01(một) năm kể từ ngày ký hợp đồng.

ĐIỀU 2 : SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ XỬ LÝ

2.1 Khối lượng của từng loại chất thải: là tổng khối lượng bao gồm cả bao bì chứa loại chất thải đó, được tiến hành cân tại kho lưu trữ chất thải của Bên A. Trong trường hợp không xác định được khối lượng tại kho của Bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của Bên B hoặc phiếu cân tại bàn cân điện tử do Bên A chỉ định.

2.2 Số lượng chất thải giao nhận: Sẽ được xác định bằng biên bản giao nhận (hoặc chứng từ chất thải nguy hại) theo thực tế giao nhận giữa hai Bên. Trường hợp phát sinh chất thải ngoài danh mục báo giá tại mục 2.3 Điều 2 thì bên A thông báo bằng văn bản cho bên B để hai bên thỏa thuận giá cả và phương thức thu gom trước khi tiến hành thu gom.

2.3 Đơn giá:

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	ĐVT	Đơn giá xử lý (VNĐ/ ĐVT)
1	Hộp mực in thải	08 02 04	Năm	8.000.000
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	16 01 06		
3	Giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01		
4	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01		
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06		
6	Bao bì mềm thải	18 01 01		
7	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác	18 01 04		
8	Chất thải công nghiệp	-		

Ghi chú:
- *Đơn giá trên bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý.*
- *Thời gian thu gom chất thải nguy hại: 01 lần/năm. Với khối lượng không vượt quá 100 kg/năm. Ngoài số lượng vượt sẽ được tính là 7.000 đ/kg.*
- *Đơn giá trên chưa bao gồm 10% thuế GTGT.*
- *Bao bì, thùng phuy chứa chất thải Bên B không hoàn trả lại sau xử lý.*

2.4 Thời gian – Địa điểm thu gom:
- Thời gian thu gom: 01 lần/năm. Ngày thu gom cụ thể (trừ ngày lễ và chủ nhật) bên A thông báo trước 03 ngày cho Bên B thực hiện thu gom.
- Địa điểm giao nhận: **CÔNG TY TNHH GẠCH TUYNEL NGỌC LIÊN PHÁT** ở địa chỉ: Cụm CNVLXD Tân An, ấp Bình Chánh, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại liên hệ thu gom: 0274 246 1222 Hotline: 0913 521 144.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN
- Thanh toán 100% số tiền tại mục 2.3 điều 2 ngay sau khi ký hợp đồng, khi nhận được hóa đơn tài chính của bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo điều luật Việt Nam hiện hành.
- Phần khối lượng vượt (nếu có) hoặc thu gom phát sinh bên B sẽ xuất hóa đơn cho bên A sau khi thu gom thực tế.
- Bên A thanh toán cho Bên B chậm nhất trong vòng 10 (mười) ngày sau khi nhận hóa đơn GTGT do Bên B phát hành. Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản. Nếu Bên A không thông báo thì Bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

4.1 Trách nhiệm Bên A:
- Phân loại chất thải nguy hại thành từng loại riêng biệt theo đúng quy định môi trường hiện hành. Các loại chất thải sau khi phân loại phải chứa trong các thùng chứa riêng biệt, không để rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn chất thải và lưu trữ tại một khu vực cố định trước khi bàn giao cho bên B.
- Chuyển giao chất thải đúng như thỏa thuận quy định tại Điều 2. Nếu ngày giao nhận chất thải theo quy định tại Điều 2, xe của bên B đến công ty bên A mà bên A không giao chất thải cho bên B thì bên A phải ký biên bản xác nhận không bàn giao chất thải, đồng thời chịu hoàn

toàn trách nhiệm trước pháp luật và thanh toán chi phí vận chuyển cho bên B là 1.500.000 đ/lần.

- Trong quá trình giao nhận nếu Bên B phát hiện Bên A để lẫn Chất thải nguy hại vào Các loại chất thải khác thì Bên B không nhận lô hàng đó.
- Khi bàn giao chất thải nguy hại Bên A phải cử người cân xác nhận khối lượng chất thải chuyển giao. Lập chứng từ chất thải nguy hại 4 liên theo mẫu quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và giao cho Bên B trong ngày nhận chất thải để ký đóng dấu xác nhận.
- Bố trí nhân sự, phương tiện hỗ trợ Bên B trong quá trình giao nhận chất thải tại kho của Bên A. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải (phù hợp với công việc của hợp đồng) khi bên B yêu cầu.
- Trong thời còn giá trị hợp đồng Bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác hoặc tự tiêu hủy chất thải. Nếu vi phạm Bên A chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.
- Thanh toán tiền xử lý chất thải đúng như Điều 3. Nếu Bên A thanh toán trễ hạn so với thời gian thanh toán đã ký kết thì Bên A sẽ phải chịu lãi suất trả chậm (theo lãi suất Ngân hàng ABBANK – PGD Thuận An – Bình Dương) tính từ ngày kết thúc thời hạn thanh toán quy định tại mục 3.2 Điều 3 hợp đồng này.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4.2 Trách nhiệm Bên B:

- Chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển chất thải của Bên A và lưu giữ, xử lý chúng tại nhà máy của Bên B (tại Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương) theo quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp của Nhà nước Việt Nam.
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho của Bên A.
- Thu gom chất thải đúng ngày đã thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng. Nếu không, Bên B phải chịu trách nhiệm về việc lưu trữ quá hạn chất thải nguy hại của bên A, và xem như là đã vi phạm hợp đồng (trừ khi hai bên có thỏa thuận khác).
- Có trách nhiệm giữ vệ sinh, đảm bảo an toàn trong suốt quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được Bên A giao theo đúng quy định. Trong quá trình thu gom tất cả nhân viên của Bên B phải tuân thủ các nội quy của Bên A về an toàn lao động, môi trường, vệ sinh, bảo vệ tài sản.
- Không nhận chất thải ngoài danh mục đã báo giá cũng như chất thải có tính chất khác biệt so với mẫu báo giá.
- Thực hiện kiểm tra, xác nhận và chuyển giao lại Chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 5: CÁC TRƯỜNG HỢP TẠM NGƯNG – CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng tự động chấm dứt khi hợp đồng và/ hoặc phụ lục hợp đồng hết hiệu lực, hoặc một trong hai bên vi phạm pháp luật về môi trường.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải bằng văn bản cho Bên A nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh một số trường hợp sau:
    + Do Bên A vi phạm hợp đồng.
    + Do Bên A thanh toán trễ hạn quá 30 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn.
    + Theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
    + Do các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, lũ lụt…
- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên B vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc do bên B vi phạm các quy định hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên A, sau 15 ngày kể từ ngày Bên A gửi văn bản chính thức đến Bên B.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc do bên A vi phạm các quy định hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B, sau 15 ngày kể từ ngày Bên B gửi văn bản chính thức đến Bên A.

- Một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo trước cho bên còn lại 30 (ba mươi) ngày, đồng thời trong thời gian này hai bên phải hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng đối với bên còn lại.

<u>ĐIỀU 6:</u> ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có thỏa thuận bằng văn bản của hai bên (trừ mục 1 của Điều 5). Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- Mọi tranh chấp phát sinh giữa các Bên liên quan đến hợp đồng đều được ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng.
- Sau khi hết hạn hợp đồng, nếu hai Bên không tiếp tục ký gia hạn, thì hợp đồng này được xem như bản thanh lý.
- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt với đầy đủ các chữ ký và con dấu của hai Bên. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
CÔNG TY TNHH GẠCH TUYNEL NGỌC LIÊN PHÁT	CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SEN VÀNG
Trần Thị Tuyết	**NGUYỄN VĂN HÒA**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1645 /QĐ-XPHC	*Vĩnh Cửu, ngày 16 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với Công ty TNHH gạch tuynel Ngọc Liên Phát,địa chỉ Cụm Công nghiệp VLXD Tân An, ấp Bình Chánh xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về mức độ khôi phục lại tình trạng của đất đối với từng hành vi vi phạm tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 13/BB-VPHC ngày 05/6/2023 do ông Đặng Thanh Tùng, chức vụ: Công chức Địa chính – Xây dựng xã Tân An lập và các tài liệu có trong hồ sơ;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND xã Tân An tại Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 05/6/2023 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-GQXP ngày 04/01/2023 của Chủ tịch UBND huyện về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

1. Tên của tổ chức: **Công ty TNHH gạch tuynel Ngọc Liên Phát**

Địa chỉ trụ sở chính: Cụm Công nghiệp VLXD Tân An, ấp Bình Chánh xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Mã số doanh nghiệp: 3603420070

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đăng ký lần đầu ngày 08/11/2016, thay đổi lần thứ 1 ngày 01/9/2020; Nơi cấp: Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Trần Thị Tuyết. Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

Chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Cụ thể: ngày 01 tháng 7 năm 2022 Công ty TNHH gạch tuynel Ngọc Liên Phát đã tiến hành xây dựng công trình như sau:

Một công trình nhà kho chứa gạch thành phẩm, phục vụ sản xuất tại một phần thửa đất số 24, 203, 331 tờ bản đồ số 28 xã Tân An, diện tích công trình 5.330,2 m^2. Kết cấu khung sắt, vì kèo sắt mái lợp tôn, nền bê tông, vách tôn. (có bản vẽ kèm theo). Theo quy hoạch chi tiết 1/500 Cụm công nghiệp Vật liệu xây dựng Tân An được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì vị trí xây dựng công trình được quy hoạch có chức năng đất giao thông (ĐGT) và đất nhà máy (SKN). Thời điểm xây dựng công trình theo trình bày của chủ đầu tư là ngày 01 tháng 7 năm 2022 và công trình xây dựng mục đích làm nhà kho chứa gạch thành phẩm, phục vụ sản xuất.

3. Quy định tại: điểm đ khoản 2 Điều 11, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

4. Các tình tiết tăng nặng: Không

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a. Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền.

Cụ thể mức phạt: **80.000.000 đồng** *(tám mươi triệu đồng).*

b. Hình thức xử phạt bổ sung: Không

c. Các biện pháp khắc phục hậu quả:

- Biện pháp thứ nhất:

Buộc Công ty TNHH gạch tuynel Ngọc Liên Phát khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

- Biện pháp thứ hai:

Buộc Công ty TNHH gạch tuynel Ngọc Liên Phát nộp lại số lợi bất hợp pháp do thực hiện hành vi vi phạm mà có. Số lợi bất hợp pháp được tính theo quy định khoản 1, Điều 7, Nghị định số 91/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính

phủ được sửa đổi bổ xung theo quy định tại khoản 2, Điều 1, Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 được sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai với số tiền: **23.128.804 đồng** *(hai mươi ba triệu một trăm hai mươi tám ngàn tám trăm lẽ bốn đồng).*

Thời gian thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả: 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định này.

Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả Công ty TNHH gạch tuynel Ngọc Liên Phát chi trả.

Tổng số tiền phải nộp phạt là: **103.128.804 đồng** *(một trăm lẽ ba triệu một trăm hai mươi tám ngàn tám trăm lẻ bốn đồng).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho Công ty TNHH gạch tuynel Ngọc Liên Phát để chấp hành quyết định xử phạt.

Công ty TNHH gạch tuynel Ngọc Liên Phát phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty TNHH gạch tuynel Ngọc Liên Phát không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

a. Công ty TNHH gạch tuynel Ngọc Liên Phát phải nộp tiền phạt tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Vĩnh Cửu Bắc Đồng Nai (Agribank CN Bắc Đồng Nai) là đơn vị được Kho bạc Nhà nước huyện Vĩnh Cửu ủy nhiệm thu trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định này.

b. Công ty TNHH gạch tuynel Ngọc Liên Phát có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước huyện Vĩnh Cửu để thu tiền phạt.

3. Giao Chủ tịch UBND xã Tân An để tổ chức thực hiện và hàng quý báo cáo Chủ tịch UBND huyện kết quả thực hiện.

4. Gửi cho Phòng Tư pháp, phòng Kinh tế & Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Vĩnh Cửu để biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TTHU (báo cáo);
- CT, các PCT UBND huyện;
- C, PVP UBND huyện;
- Lưu VT – THNC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Cao Tài

Quyết định đã giao trực tiếp cho **Công ty TNHH gạch tuynel Ngọc Liên Phát** vào hồi .9.. giờ .40.phút, ngày .07../..7.../.2023

NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Trần Thị Tuyết

PGD VINH CUU

Mẫu số 03c
Ký hiệu: C1-10/NS

BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ VÀ THU PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

(Áp dụng đối với trường hợp in từ chương trình ứng dụng thu ngân sách nhà nước)

Liên số:..... Lưu tại:.....

Số Sêri: 6943462
Số biên lai: 69434

Thu phạt ☐ Loại hình thu: 04-Pham vi pham hanh chinh cap
Thu phí, lệ phí ☐ Tên loại phí, lệ phí: .....
Người nộp: CT TNHH GẠCH TUYNEL NGỌC LIÊN MST/Số CMND/HC: 3603420070
NNT: NGUYỄN THANH HOÀNG
Địa chỉ: CỤM CÔNG NGHIỆP VLXD TÂN AN BÌN Huyện: VĨNH CỬU Tỉnh: BND Huyện Vĩnh Cửu
Theo Quyết định/Thông báo số: 1645/QĐ-XPHC ngày: 16/06/2023 Mã CQQD: 1073109

ĐÃ THU TIỀN

Đơn vị nhận tiền: KHO BAC NHA NUOC VINH CUU

STT	Nội dung các khoản nộp NS/Mã định danh hồ sơ (ID)	Số Tiền
1	PHẠT VPHC	103.128.804
2		0
	Tổng cộng	**103.128.804**

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Một trăm linh ba triệu một trăm hai mươi tám nghìn tám trăm linh bốn đồng.

Ngày 10 tháng

Người nộp tiền
(Ký tên)

NGUYỄN THANH HOÀNG

Giao dịch viên
(Ký, ghi họ tên)

Đào Thị Bích Ngọc

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT CHI NHÁNH ĐỒNG NAI PHÒNG GIAO DỊCH VĨNH CỬU

Bùi Thị Kiều Oanh

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 331 Tờ bản đồ số: 28

b) Địa chỉ: xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

c) Diện tích: 23326,9m² (bằng chữ: hai mươi ba nghìn ba trăm hai mươi sáu phẩy chín mét vuông)
Trong đó: Diện tích được cấp: 23326,9m², Không được cấp: 0,0m²

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất cụm công nghiệp.

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 18/01/2062.

g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp (Công ty Cổ phần Gạch men Sa Ha Do).

2. Nhà ở: -/-

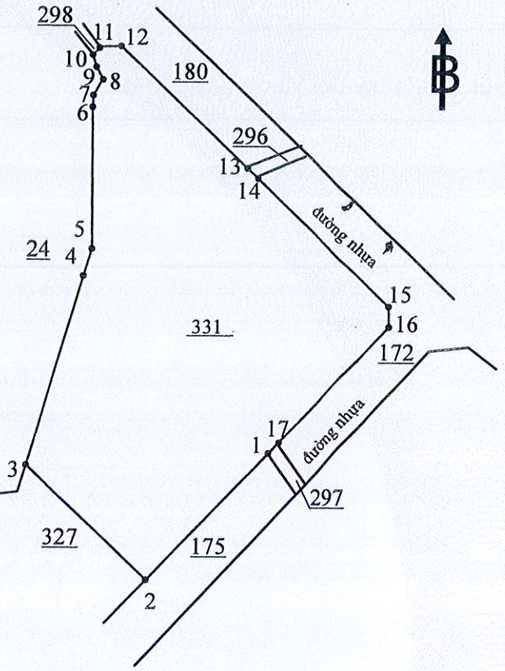
3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Số hiệu đỉnh thửa	Chiều dài (m)
1	
2	59,92
3	80,21
4	94,94
5	13,67
6	68,25
7	5,53
8	8,74
9	6,67
10	6,03
11	5,13
12	10,43
13	84,92
14	7,11
15	88,96
16	9,90
17	106,28
1	2,76

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Đồng Nai, Ngày 30 tháng 12 năm 2019

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI

Đặng Minh Đức

Số vào sổ cấp GCN: CT47710

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

752617919000071

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

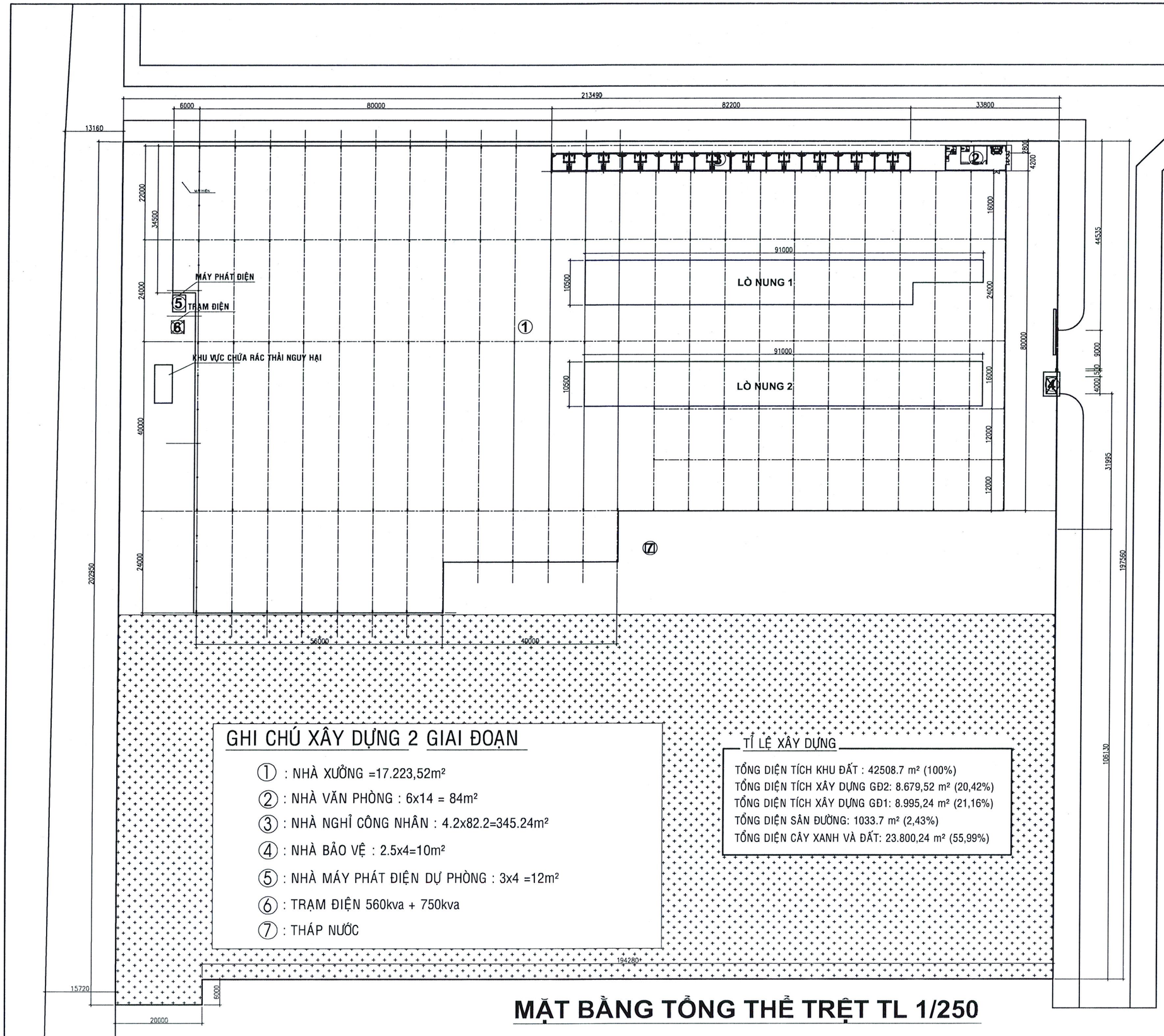
GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Gạch Tuynel Ngọc Liên Phát

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 3603420070 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp; đăng ký lần đầu ngày 08/11/2016
Địa chỉ: Cụm Công nghiệp VLXD Tân An, Ấp Bình Chánh, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

CT 409088



GHI CHÚ XÂY DỰNG 2 GIAI ĐOẠN

① : NHÀ XƯỞNG =17.223,52m²

② : NHÀ VĂN PHÒNG : 6x14 = 84m²

③ : NHÀ NGHỈ CÔNG NHÂN : 4.2x82.2=345.24m²

④ : NHÀ BẢO VỆ : 2.5x4=10m²

⑤ : NHÀ MÁY PHÁT ĐIỆN DỰ PHÒNG : 3x4 =12m²

⑥ : TRẠM ĐIỆN 560kva + 750kva

⑦ : THÁP NƯỚC

TỈ LỆ XÂY DỰNG

TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT : 42508.7 m² (100%)
TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG GĐ2: 8.679,52 m² (20,42%)
TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG GĐ1: 8.995,24 m² (21,16%)
TỔNG DIỆN SÂN ĐƯỜNG: 1033.7 m² (2,43%)
TỔNG DIỆN CÂY XANH VÀ ĐẤT: 23.800,24 m² (55,99%)

MẶT BẰNG TỔNG THỂ TRỆT TL 1/250

CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRƯỜNG

KS. NGUYỄN VĂN HẢI

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH GẠCH TUYNEL NGỌC LIÊN PHÁT

ĐC: CCN VLXD TÂN AN, TÂN AN
HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC

TRẦN THỊ TUYẾT

ĐƠN VỊ ĐO

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

BẢO VIỆT CƯỜNG

ĐC: 77/86, TỔ 3B, HƯƠNG PHƯỚC, PHƯỚC TÂN
TP. BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI
ĐT : 02518.836941 Email : quocbaotk@gmail.com

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN QUỐC BẢO

KIỂM TRA KS. NGUYỄN TẤN VIÊN	
VẼ KS. HUỲNH HỒNG ANH	
ĐO KS. NGUYỄN TĂNG MẠNH	

CÔNG TRÌNH:

NHÀ MÁY CTY TNHH GẠCH TUYNEL NGỌC LIÊN PHÁT

ĐC: CCN VLXD TÂN AN, TÂN AN
HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

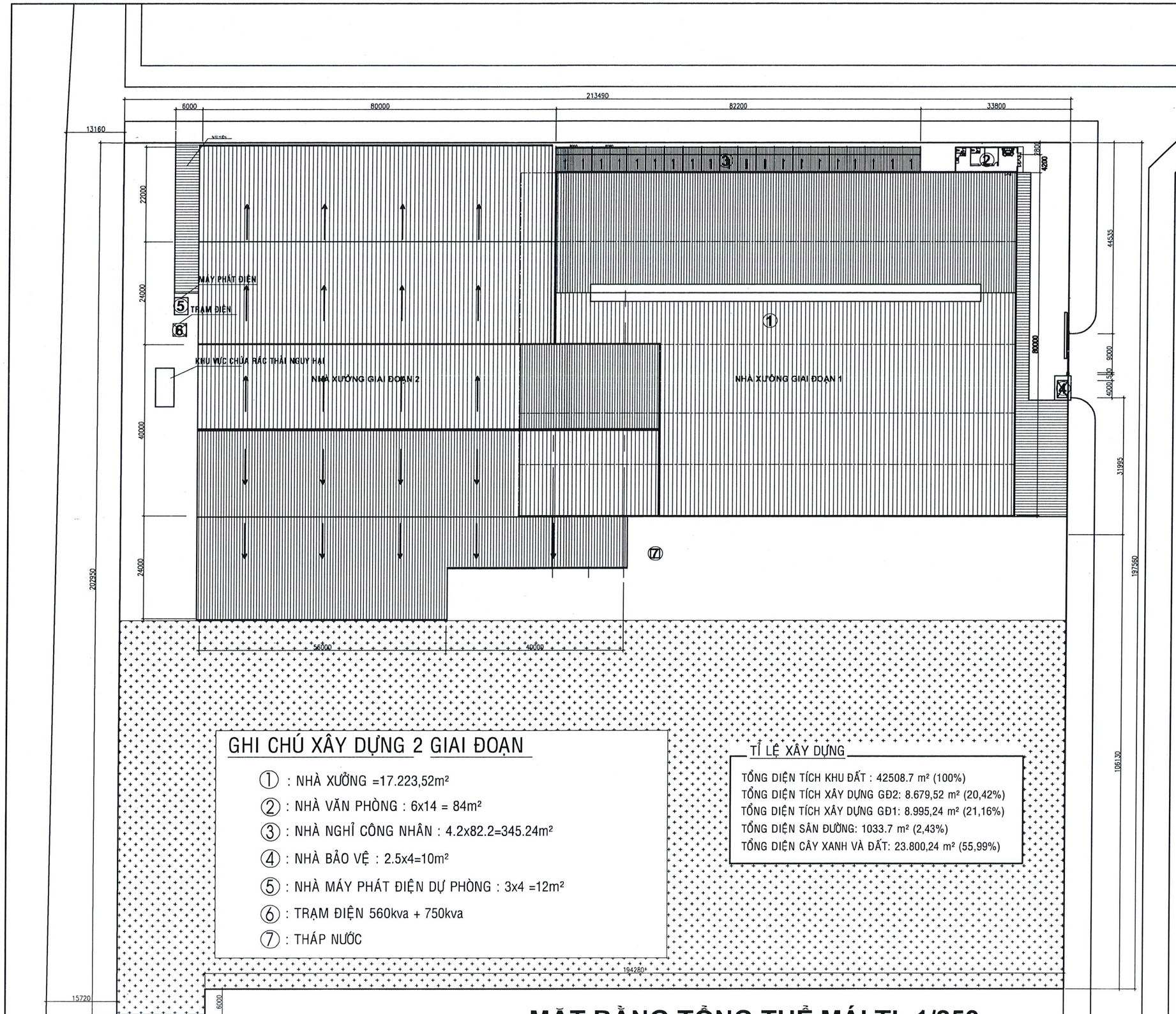
HẠNG MỤC:

TỔNG THỂ

BẢN ĐỒ

TỔNG THỂ TRỆT

TỈ LỆ	1/250
NGÀY HOÀN THÀNH	6/2020
SỐ BẢN VẼ	



GHI CHÚ XÂY DỰNG 2 GIAI ĐOẠN

① : NHÀ XƯỞNG =17.223,52m²
② : NHÀ VĂN PHÒNG : 6x14 = 84m²
③ : NHÀ NGHỈ CÔNG NHÂN : 4.2x82.2=345.24m²
④ : NHÀ BẢO VỆ : 2.5x4=10m²
⑤ : NHÀ MÁY PHÁT ĐIỆN DỰ PHÒNG : 3x4 =12m²
⑥ : TRẠM ĐIỆN 560kva + 750kva
⑦ : THÁP NƯỚC

TỈ LỆ XÂY DỰNG

TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT : 42508.7 m² (100%)
TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG GĐ2: 8.679,52 m² (20,42%)
TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG GĐ1: 8.995,24 m² (21,16%)
TỔNG DIỆN SÂN ĐƯỜNG: 1033.7 m² (2,43%)
TỔNG DIỆN CÂY XANH VÀ ĐẤT: 23.800,24 m² (55,99%)

MẶT BẰNG TỔNG THỂ MÁI TL 1/250

CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRƯỜNG

KS. NGUYỄN VĂN HẢI

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH GẠCH TUYNEL NGỌC LIÊN PHÁT

ĐC: CCN VLXD TÂN AN, TÂN AN
HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC

TRẦN THỊ TUYẾT

ĐƠN VỊ ĐO

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

BẢO VIỆT CƯỜNG

ĐC: 7/796, TỔ 9B, HƯƠNG PHƯỚC, PHƯỚC TÂN
TP. BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI
ĐT : 02518.836941 Email : quocbaotk@gmail.com

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN QUỐC BẢO

KIỂM TRA KS. NGUYỄN TẤN VIÊN	
VẼ KS. HUỲNH HỒNG ANH	
ĐO KS. NGUYỄN TĂNG MẠNH	

CÔNG TRÌNH:

NHÀ MÁY CTY TNHH GẠCH TUYNEL NGỌC LIÊN PHÁT

ĐC: CCN VLXD TÂN AN, TÂN AN
HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

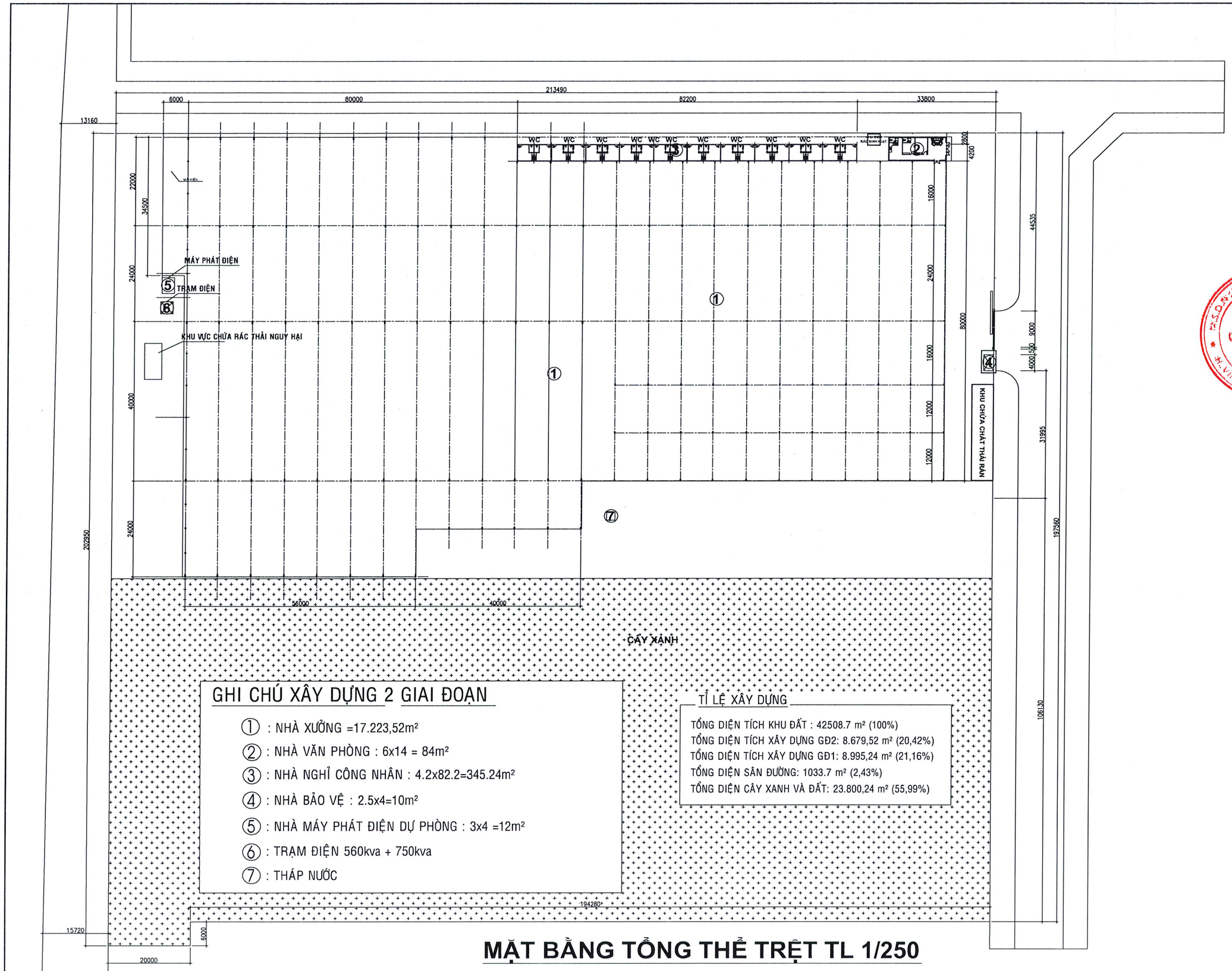
HẠNG MỤC:

TỔNG THỂ

BẢN ĐỒ

TỔNG THỂ MÁI

TỈ LỆ	1/250
NGÀY HOÀN THÀNH	6/2020
SỐ BẢN VẼ	



GHI CHÚ XÂY DỰNG 2 GIAI ĐOẠN

① : NHÀ XƯỞNG =17.223,52m²

② : NHÀ VĂN PHÒNG : 6x14 = 84m²

③ : NHÀ NGHỈ CÔNG NHÂN : 4.2x82.2=345.24m²

④ : NHÀ BẢO VỆ : 2.5x4=10m²

⑤ : NHÀ MÁY PHÁT ĐIỆN DỰ PHÒNG : 3x4 =12m²

⑥ : TRẠM ĐIỆN 560kva + 750kva

⑦ : THÁP NƯỚC

TỈ LỆ XÂY DỰNG

TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT : 42508.7 m² (100%)

TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG GĐ2: 8.679,52 m² (20,42%)

TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG GĐ1: 8.995,24 m² (21,16%)

TỔNG DIỆN SÂN ĐƯỜNG: 1033.7 m² (2,43%)

TỔNG DIỆN CÂY XANH VÀ ĐẤT: 23.800,24 m² (55,99%)

MẶT BẰNG TỔNG THỂ TRỆT TL 1/250

CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRƯỜNG

KS. NGUYỄN VĂN HẢI

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH GẠCH TUYNEL NGỌC LIÊN PHÁT

ĐC: CCN VLXD TÂN AN, TÂN AN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC

TRẦN THỊ TUYẾT

ĐƠN VỊ ĐO

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

BẢO VIỆT CƯỜNG

ĐC: 77/96, TỔ 3B, HƯƠNG PHƯỚC, PHƯỚC TÂN TP. BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

ĐT : 02518.836941 Email : quocbaotk@gmail.com

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN QUỐC BẢO

KIỂM TRA KS. NGUYỄN TẤN VIÊN	
VẼ KS. HUỲNH HỒNG ANH	
ĐO KS. NGUYỄN TĂNG MẠNH	

CÔNG TRÌNH:

NHÀ MÁY CTY TNHH GẠCH TUYNEL NGỌC LIÊN PHÁT

ĐC: CCN VLXD TÂN AN, TÂN AN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

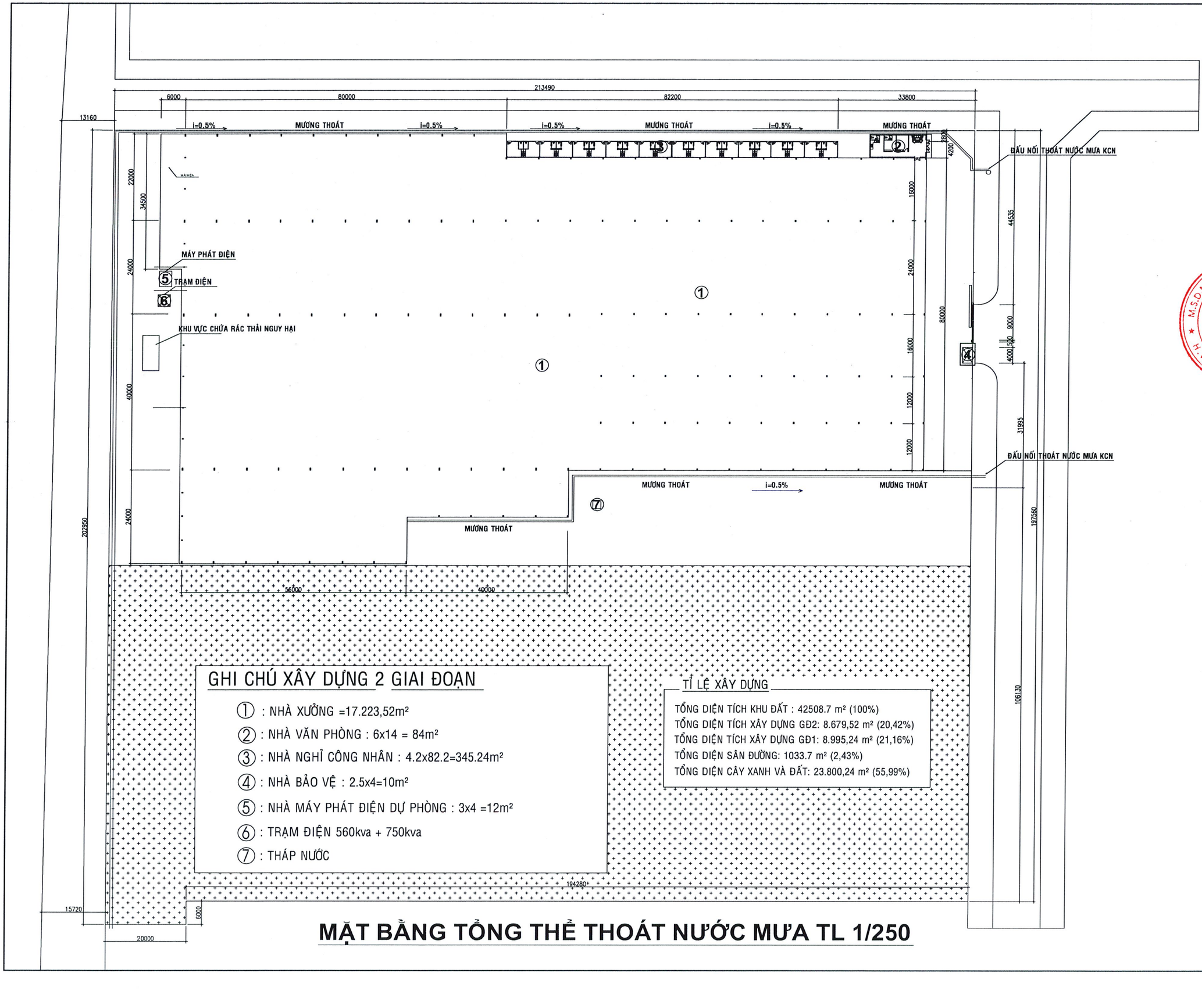
HẠNG MỤC:

TỔNG THỂ

BẢN ĐỒ

TỔNG THỂ PHÂN KHU

TỈ LỆ	1/250
NGÀY HOÀN THÀNH	6/2020
SỐ BẢN VẼ	



GHI CHÚ XÂY DỰNG 2 GIAI ĐOẠN

① : NHÀ XƯỞNG =17.223,52m²

② : NHÀ VĂN PHÒNG : 6x14 = 84m²

③ : NHÀ NGHỈ CÔNG NHÂN : 4.2x82.2=345.24m²

④ : NHÀ BẢO VỆ : 2.5x4=10m²

⑤ : NHÀ MÁY PHÁT ĐIỆN DỰ PHÒNG : 3x4 =12m²

⑥ : TRẠM ĐIỆN 560kva + 750kva

⑦ : THÁP NƯỚC

TỈ LỆ XÂY DỰNG

TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT : 42508.7 m² (100%)
TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG GĐ2: 8.679,52 m² (20,42%)
TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG GĐ1: 8.995,24 m² (21,16%)
TỔNG DIỆN SÂN ĐƯỜNG: 1033.7 m² (2,43%)
TỔNG DIỆN CÂY XANH VÀ ĐẤT: 23.800,24 m² (55,99%)

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA TL 1/250

CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRƯỜNG

KS. NGUYỄN VĂN HẢI

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH GẠCH TUYNEL NGỌC LIÊN PHÁT

ĐC: CCN VLXD TÂN AN, TÂN AN
HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC

TRẦN THỊ TUYẾT

ĐƠN VỊ ĐO

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

BẢO VIỆT CƯỜNG

ĐC: 77/96, TỔ 38, HƯƠNG PHƯỚC, PHƯỚC TÂN
TP. BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI
ĐT : 02518.836941 Email : quocbaotk@gmail.com

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN QUỐC BẢO

KIỂM TRA: KS. NGUYỄN TẤN VIỄN	
VẼ KS. HUỲNH HỒNG ANH	
ĐO KS. NGUYỄN TĂNG MẠNH	

CÔNG TRÌNH:

NHÀ MÁY CTY TNHH GẠCH TUYNEL NGỌC LIÊN PHÁT

ĐC: CCN VLXD TÂN AN, TÂN AN
HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

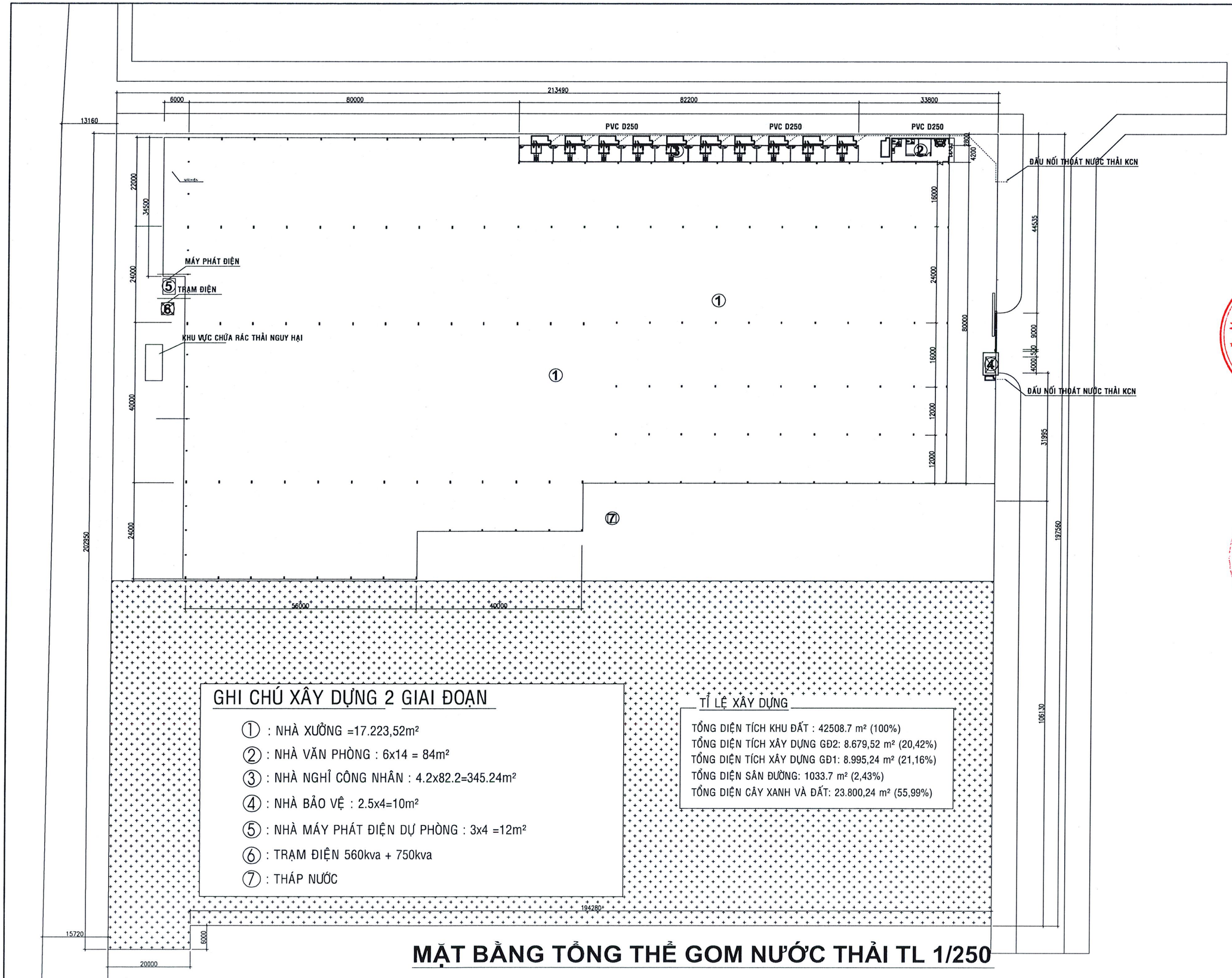
HẠNG MỤC:

TỔNG THỂ

BẢN ĐỒ

TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA

TỈ LỆ	1/250
NGÀY HOÀN THÀNH	6/2020
SỐ BẢN VẼ	



GHI CHÚ XÂY DỰNG 2 GIAI ĐOẠN

① : NHÀ XƯỞNG =17.223,52m²

② : NHÀ VĂN PHÒNG : 6x14 = 84m²

③ : NHÀ NGHỈ CÔNG NHÂN : 4.2x82.2=345.24m²

④ : NHÀ BẢO VỆ : 2.5x4=10m²

⑤ : NHÀ MÁY PHÁT ĐIỆN DỰ PHÒNG : 3x4 =12m²

⑥ : TRẠM ĐIỆN 560kva + 750kva

⑦ : THÁP NƯỚC

TỈ LỆ XÂY DỰNG

TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT : 42508.7 m² (100%)
TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG GĐ2: 8.679,52 m² (20,42%)
TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG GĐ1: 8.995,24 m² (21,16%)
TỔNG DIỆN SÂN ĐƯỜNG: 1033.7 m² (2,43%)
TỔNG DIỆN CÂY XANH VÀ ĐẤT: 23.800,24 m² (55,99%)

MẶT BẰNG TỔNG THỂ GOM NƯỚC THẢI TL 1/250

CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRƯỜNG

KS. NGUYỄN VĂN HẢI

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH GẠCH TUYNEL NGỌC LIÊN PHÁT

ĐC: CCN VLXD TÂN AN, TÂN AN
HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC

TRẦN THỊ TUYẾT

ĐƠN VỊ ĐO

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

BẢO VIỆT CƯỜNG

ĐC: 77/86, TỔ 3B, HƯƠNG PHƯỚC, PHƯỚC TÂN
TP. BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI
ĐT : 02518.836941 Email : quocbaotk@gmail.com

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN QUỐC BẢO

KIỂM TRA KS. NGUYỄN TẤN VIÊN	
VẼ KS. HUỲNH HỒNG ANH	
ĐO KS. NGUYỄN TĂNG MẠNH	

CÔNG TRÌNH:

NHÀ MÁY CTY TNHH GẠCH TUYNEL NGỌC LIÊN PHÁT

ĐC: CCN VLXD TÂN AN, TÂN AN
HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

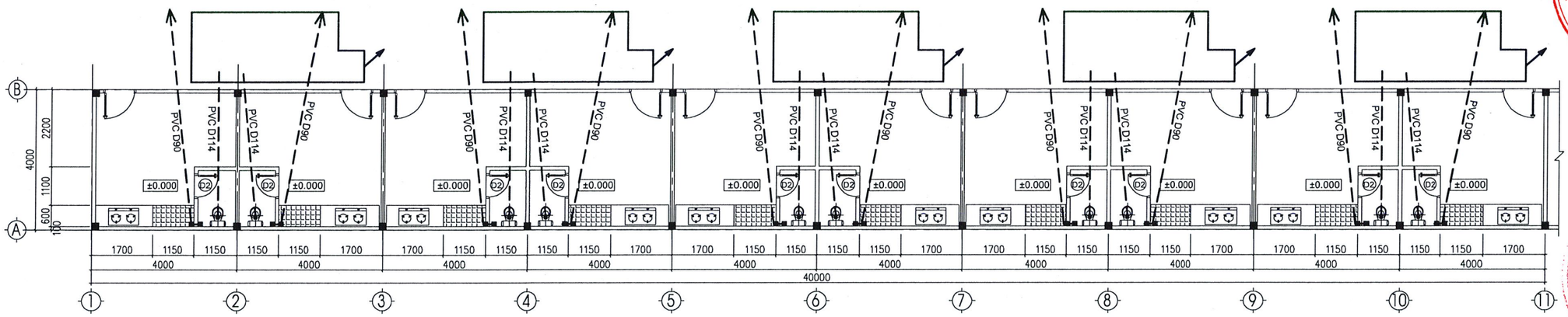
HẠNG MỤC:

TỔNG THỂ

BẢN ĐỒ

MB GOM NƯỚC THẢI SINH HOẠT

TỈ LỆ	1/250
NGÀY HOÀN THÀNH	6/2020
SỐ BẢN VẼ	



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI TL 1/50

CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRƯỜNG

KS. NGUYỄN VĂN HẢI

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH GẠCH TUYNEL NGỌC LIÊN PHÁT

ĐC: CCN VLXD TÂN AN, TÂN AN
HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC

TRẦN THỊ TUYẾT

ĐƠN VỊ ĐO

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

BẢO VIỆT CƯỜNG

ĐC: T7/98, TỔ 38, HƯƠNG PHƯỚC, PHƯỚC TÂN
TP. BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI
ĐT.: 02518.836941 Email: quocbaotk@gmail.com

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN QUỐC BẢO

KIỂM TRA KS. NGUYỄN TẤN VIỆN	
VẼ KS. HUỲNH HỒNG ANH	
ĐO KS. NGUYỄN TĂNG MẠNH	

CÔNG TRÌNH:

NHÀ MÁY CTY TNHH GẠCH TUYNEL NGỌC LIÊN PHÁT

ĐC: CCN VLXD TÂN AN, TÂN AN
HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

HẠNG MỤC:

HẦM TỰ HOẠI

BẢN ĐO

HẦM TỰ HOẠI 5m³

TỈ LỆ	1/50
NGÀY HOÀN THÀNH	6/2018
SỐ BẢN VẼ	